

CÔNG TY TNHH BÌNH BFC



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**“NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẢN PHẨM
BÀN GHẾ NGOẠI THẤT, CÔNG SUẤT
54.000 SẢN PHẨM/NĂM”**

**ĐỊA CHỈ: CCN THANH PHÚ-THIỆN TÂN, XÃ THIỆN TÂN,
HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH BÌNH BFC**

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÌNH

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CP HÓA PHÁT
ĐỒNG NAI
TỔNG GIÁM ĐỐC**



MAI NGỌC HỒNG THANH

Đồng Nai, năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	v
DANH MỤC HÌNH ẢNH	vii
DANH MỤC VIẾT TẮT	viii
CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1. Tên Chủ Dự án:	1
2. Tên Dự án:	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Dự án đầu tư:	3
3.1. Công suất hoạt động của Dự án đầu tư:	3
3.2. Công nghệ sản xuất của Dự án đầu tư:	4
3.3. Sản phẩm:	13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án:	13
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất sử dụng của dự án:	13
4.2. Nhu cầu về hoá chất:	14
4.3. Nhu cầu sử dụng nước:	19
4.4. Nhu cầu sử dụng điện:	21
5. Các thông tin khác liên quan đến Dự án đầu tư (nếu có):	22
5.1. Hiện trạng nhà xưởng thực hiện Dự án	22
5.2. Các hạng mục công trình xây dựng	22
CHƯƠNG 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	27
1. Sự phù hợp của Dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	27
1.1. Sự phù hợp của Dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:	27
1.2. Sự phù hợp của Dự án với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	27
2. Sự phù hợp của Dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	28
CHƯƠNG 3: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	29
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:	29

1.1. Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi Dự án:	29
1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của Dự án:	29
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện Dự án:	30
CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	33
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:	33
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:	33
1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:	33
1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi và khí thải:	35
1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:	37
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:	38
2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:	38
2.2. Về công trình, biện pháp xử lý khí thải:	50
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn:	62
2.3.1. Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh	62
2.3.2. Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn	66
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:	68
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	68
2.5.1. Sự cố của Hệ thống xử lý nước thải:	68
2.5.2. Sự cố của bể tự hoại:	69
2.5.3. Sự cố của hệ thống xử lý bụi gỗ:	69
2.5.4. Sự cố của kho lưu giữ chất thải rắn:	69
2.5.5. Sự cố cháy nổ:	70
2.5.6. Tai nạn lao động:	71
2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:	72
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:	72

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:..	74
4.1. Khi triển khai Dự án:.....	74
4.2. Tổng hợp mức độ tin cậy của các phương pháp đánh giá đã sử dụng:	75
5. Các nội dung thay đổi thay đổi so với giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản:	75
CHƯƠNG 5: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	79
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	79
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	79
1.2. Lưu lượng xả thải:	79
1.3. Dòng nước thải:.....	79
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:	79
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận:	80
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	80
2.1. Nguồn phát sinh khí thải:	80
2.2. Lưu lượng xả khí thải:.....	81
2.3. Dòng khí thải:.....	81
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:	82
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	83
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:.....	83
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:	83
3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:	83
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	85
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án đầu tư. 85	
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	85
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:.....	85
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật:	86
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:	86
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục.	88

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:	88
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	89

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Công suất của Dự án.....	3
Bảng 1.2. Quy trình sơn tĩnh điện.....	12
Bảng 1.3. Danh mục các loại nguyên vật liệu.....	14
Bảng 1.4. Danh mục hoá chất	14
Bảng 1.5. Thành phần, tính chất hoá chất	15
Bảng 1.6. Bảng cân bằng vật chất của dự án	18
Bảng 1.7. Lượng nước sử dụng năm 2024.....	19
Bảng 1.8. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước ngày cao điểm của Công ty.....	21
Bảng 1.9. Lượng điện Công ty sử dụng năm 2024	22
Bảng 1.10. Hạng mục công trình	22
Bảng 1.11. Danh mục máy móc thiết bị.....	23
Bảng 3.1. Kết quả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải.....	30
Bảng 3.2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh.....	31
Bảng 3.3. Kết quả quan trắc nước ngầm	31
Bảng 4.1. Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc	34
Bảng 4.2. Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải	46
Bảng 4.3. Danh mục hoá chất cho hệ thống xử lý nước thải	49
Bảng 4.4. Lượng nhiên liệu sử dụng của các phương tiện giao thông	51
Bảng 4.5. Hệ số và tải lượng khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông.....	51
Bảng 4.6. Thông số kỹ thuật của HTXL bụi gỗ.....	54
Bảng 4.7. Thông số kỹ thuật HTXL bụi, hơi dung môi sơn tĩnh điện	57
Bảng 4.8. Thông số kỹ thuật HTXL bụi, hơi dung môi sơn màng nước	60
Bảng 4.9. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt.....	63
Bảng 4.10. Khối lượng chất thải rắn thông thường	64
Bảng 4.11. Khối lượng chất thải nguy hại	65
Bảng 4.12. Danh mục công trình bảo vệ môi trường.....	73
Bảng 4.13. Tổ chức quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường	73
Bảng 4.14. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá khi triển khai Dự án	74
Bảng 4.15. Mức độ tin cậy của các phương pháp báo cáo đã sử dụng.....	75
Bảng 4.16. Bảng tổng hợp nội dung thay đổi so với giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.....	76
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các ô nhiễm theo dòng nước thải	80

Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm dòng khí thải.	83
Bảng 5.3. Giá trị cho phép về tiếng ồn phát sinh	83
Bảng 5.4. Giá trị cho phép về độ rung phát sinh.....	84
Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải	85
Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu các loại mẫu chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm	86
Bảng 6.3. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm	86
Bảng 6.4. Kế hoạch quan trắc nước thải định kỳ	87
Bảng 6.5. Kế hoạch quan trắc khí thải định kỳ	87
Bảng 6.6. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ	88

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Vị trí thực hiện Dự án.....	3
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất ngoại thất từ gỗ	4
Hình 1.3. Quy trình sản xuất từ nguyên liệu gỗ.....	7
Hình 1.4. Sơ đồ quy trình sản xuất ngoại thất từ nhôm và sắt.....	8
Hình 1.5. Máy móc thiết bị của quy trình sản xuất ngoại thất từ nhôm, sắt.....	11
Hình 1.6. Sản phẩm của Công ty.....	13
Hình 4.1. Sơ đồ tuyến thu gom và thoát nước mưa	38
Hình 4.2. Sơ đồ thu gom nước thải	39
Hình 4.3. Sơ đồ cấu tạo bể 3 ngăn	40
Hình 4.4. Sơ đồ công nghệ HTXL nước thải, công suất 15m ³ /ngày.đêm.....	41
Hình 4.5. Hệ thống xử lý nước thải 15m ³ /ngày.đêm.....	45
Hình 4.6. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi	53
Hình 4.7. Hệ thống thu gom và xử lý bụi gỗ	55
Hình 4.8. Sơ đồ hệ thống hút bụi sơn tĩnh điện	56
Hình 4.9. Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn sơn tĩnh điện	57
Hình 4.10. Sơ đồ hệ thống hút bụi công đoạn sơn màng nước	58
Hình 4.11. Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn sơn màng nước	59
Hình 4.12. Nguyên lý hoạt động của buồng sơn màng nước.....	59
Hình 4.13. Công nhân gia công cơ khí.....	61
Hình 4.14. Cây xanh trong khuôn viên của công ty.....	62
Hình 4.15. Khu vực rác thải sinh hoạt	63
Hình 4.16. Chất thải rắn thông thường.....	64
Hình 4.17. Khu lưu giữ chất thải thông thường.....	67
Hình 4.18. Khu lưu giữ chất thải nguy hại.....	68
Hình 4.19. Hệ thống PCCC của Dự án	71

DANH MỤC VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
CCN	Cụm công nghiệp
QĐ-UBND	Quyết định-Uỷ ban nhân dân
GXN	Giấy xác nhận
GPXD	Giấy phép xây dựng
P.TNMT	Phòng Tài nguyên Môi trường
NĐ-CP	Nghị định-Chính Phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QĐ-TTg	Quyết định-Thủ Tướng
HTXL	Hệ thống xử lý
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	Bộ Y tế
BXD	Bộ Xây dựng
CTNH	Chất thải nguy hại
BTCT	Bê tông cốt thép
TSS	Chất rắn lơ lửng
TĐK	Tủ điều khiển
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTTT	Chất thải thông thường

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên Chủ Dự án:

- Chủ Dự án: Công ty TNHH Bình B.F.C.
- Địa chỉ trụ sở chính: CCN Thạnh Phú - Thiện Tân, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3966.105 Fax: 0251.3966.110.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bình.
- Chức vụ: Giám Đốc.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3602347678 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 18/07/2014.
- Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 09/09/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc cho Công ty TNHH Bình B.F.C thuê đất để xây dựng xưởng sản xuất gia công may và hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu tại Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Hợp đồng thuê đất số 141/HĐTĐ ngày 15/12/2014 giữa Công ty TNHH Bình B.F.C với Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CE 087977 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/8/2016.
- Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản “Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa, công suất 4.500 bộ sản phẩm/năm” của công ty TNHH Bình B.F.C tại CCN Thạnh Phú - Thiện Tân, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai số 5737/GXN-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu.
- Giấy phép xây dựng số 377/GPXD-UBND ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu cấp cho Công ty TNHH Bình B.F.C.
- Giấy phép khai thác nước dưới đất số 169/GP-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 do UBND tỉnh Đồng nai cấp.
- Văn bản xác nhận kết quả kiểm tra hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường số 717/P.TNMT ngày 02/10/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Cửu.

- Văn bản số 1762/STNMT-TNN, KS&BĐKH về việc ý kiến đối với phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai gửi ngày 18/03/2020.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 93/SĐK-CCBVMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/08/2017, mã số QLCTNH: 75.002611.T.

2. Tên Dự án:

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế ngoại thất, công suất 54.000 sản phẩm/năm.

- Địa điểm thực hiện Dự án: CCN Thanh Phú - Thiện Tân, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản “Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa, công suất 4.500 bộ sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Bình B.F.C tại CCN Thanh Phú - Thiện Tân, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai số 5737/GXN-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Quy mô của dự án đầu tư theo luật đầu tư công: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3602347678 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ nhất ngày 18/07/2014, tổng vốn đầu tư của dự án là 5.000.000.000 đồng (5 tỷ đồng). Căn cứ khoản 3, điều 10, Luật đầu tư công, Căn cứ điểm 1, khoản 4, mục IV, phần C, phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính Phủ dự án **thuộc nhóm C** (vốn đầu tư < 60 tỷ đồng).

- Phân loại theo luật bảo vệ môi trường: Dự án **thuộc Dự án đầu tư nhóm III** căn cứ theo quy định tại khoản 2, mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (cụ thể: Dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; có phát sinh nước thải không xử lý thì vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định).

à Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 39 và Khoản 4, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường, Dự án thuộc đối tượng lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường trình Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Vị trí Dự án:



Hình 1.1. Vị trí thực hiện Dự án

- + Phía Bắc: giáp trại gà Vĩnh Cửu.
- + Phía Nam: giáp đất trống.
- + Phía Đông: giáp Công ty Phan Thanh Tùng.
- + Phía Tây: giáp Công ty TNHH giày dép Tân Hợp.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Dự án đầu tư:

3.1. Công suất hoạt động của Dự án đầu tư:

Công ty đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu cấp Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 5737/GXN-UBND 31/12/2015 cho Dự án “Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa công suất 4.500 bộ sản phẩm/năm”.

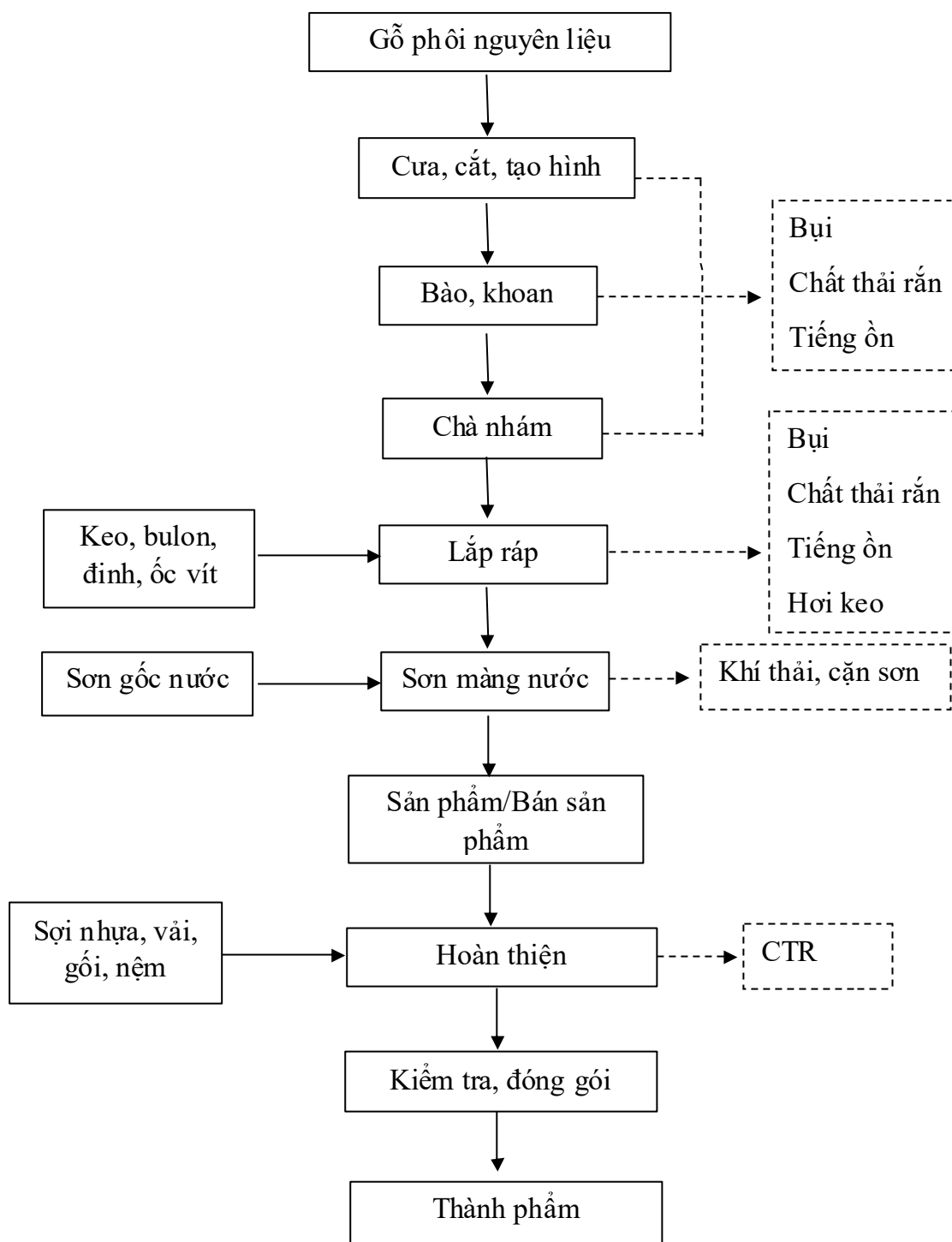
Do nhu cầu thị trường và đa dạng hoá các sản phẩm, Công ty dự kiến sẽ nâng công suất sản xuất của nhà máy hiện hữu cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Công suất của Dự án

TT	Sản phẩm	Công suất	
		Đề án được duyệt (bộ sản phẩm/năm)	Nâng công suất (sản phẩm/năm)
1	Sản phẩm ngoại thất	4.500	54.000
Tổng cộng		4.500	54.000

Nguồn: Công ty TNHH Bình B.F.C

3.2. Công nghệ sản xuất của Dự án đầu tư:



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình sản xuất ngoại thất từ gỗ

*** Thuyết minh quy trình:**

Nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào của Dự án là gỗ phôi (qua sơ chế, xử lý hấp sấy, tẩm sấy chống mối mọt) đã được xẻ thành tấm nhập về từ các nhà máy chế biến gỗ.

Cưa, cắt, tạo hình: Sau công đoạn chuẩn bị nguyên liệu, gỗ sẽ được đưa đến máy cưa, máy cắt. Các mẫu sản phẩm được nhà máy thiết kế hoặc khách hàng cung cấp, gỗ nguyên liệu sẽ được cưa cắt theo kích thước đơn hàng. Tại công đoạn này sẽ phát sinh bụi, tiếng ồn và chất thải rắn.

Bào, khoan: Tiếp theo các chi tiết nhỏ sẽ được gia công chi tiết trên máy bào để tạo độ chuẩn, độ láng cho sản phẩm. Các chi tiết gỗ tiếp tục được khoan, làm mộng lắp ghép (bằng các máy đục lỗ, máy làm mộng âm, dương, máy khoan, máy xẻ rãnh,...) nhằm tạo các hình, tạo mộng và các góc uốn lượn của sản phẩm. Dây chuyền sản xuất trong công đoạn tạo hình sản xuất được đầu tư hoàn toàn tự động hoá.

Chà nhám: Để tăng tính thẩm mỹ, sản phẩm được làm láng trên máy chà nhám hoặc sử dụng giấy nhám.

Tại các máy phay, máy bào, máy đục lỗ, máy ghép mộng, máy khoan, máy xẻ rãnh,... bố trí các ống gân nhựa (đồng bộ với thiết bị) để thu gom bụi phát sinh từ quá trình hoạt động hoạt động. Bụi từ các ống gân nhựa, theo đường ống thu gom về hệ thống xử lý bụi của nhà máy. Các chất thải rắn (vụn gỗ, mùn cưa,...) sẽ được thu gom, phân loại và được đưa vào khu giữ chất thải.

Lắp ráp: Công đoạn lắp ráp, các chi tiết của sản phẩm được lắp ráp lại với nhau định hình nên sản phẩm. Trong quá trình lắp ráp các chi tiết được cố định các chi tiết, keo để dán các chi tiết nhỏ hoặc để chắm vào các chỗ bị hở mộng không chắc chắn.

Sơn màng nước: Công ty bố trí các buồng phun sơn màng nước để sơn các chi tiết gỗ. Chủ Dự án sử dụng sơn gốc nước đựng vào các thùng phuy có nắp đậy để hạn chế hơi sơn phát tán ra bên ngoài. Sơn sau khi pha được bơm từ bồn chứa tới các súng phun để phun sơn lên các vật liệu cần sơn.

Mục đích của công đoạn này là tạo độ bóng đẹp cho vật cần sơn có kích thước lớn. Tại công đoạn phun sơn vật cần sơn được di chuyển tới trước buồng phun sơn màng nước, công nhân dùng súng phun để phun sơn lên toàn bộ bề mặt chi tiết sản phẩm. Buồng phun có bố trí màng nước có tác dụng hấp phụ bụi sơn và hơi dung môi, màng nước sẽ được tuần hoàn hấp phụ bụi sơn và hơi dung môi, màng nước sẽ được tuần hoàn hấp phụ bụi sơn và hơi dung môi.

Tại khu vực buồng phun sơn có hệ thống mương thu gom nước thải từ quá trình hoạt động của buồng phun sơn màng nước để đảm bảo quá trình thu hồi bụi sơn tối đa.

Sản phẩm: Là sản phẩm bàn ghế ngoại thất.

Bán sản phẩm: Là các khung bàn ghế gỗ. Tùy theo yêu cầu, đơn đặt hàng của khách hàng công ty sẽ tiếp tục đến các công đoạn: đan sợi nhựa, vải, gồi, nệm,... để hoàn thiện sản phẩm trước khi chuyển sang công đoạn tiếp theo.

Kiểm tra, đóng gói: Sản phẩm hoàn thiện, đạt yêu cầu được đóng gói cẩn thận trong thùng carton.

Thành phẩm: Sản phẩm sau khi đóng gói sẽ được lưu kho và chờ chuyển giao lại cho cơ sở, công ty khách hàng theo đơn.



Nguyên liệu gỗ



Cắt



Bào



Khoan



Lắp ráp



Chà nhám



Bán thành phẩm



Sơn màng nước



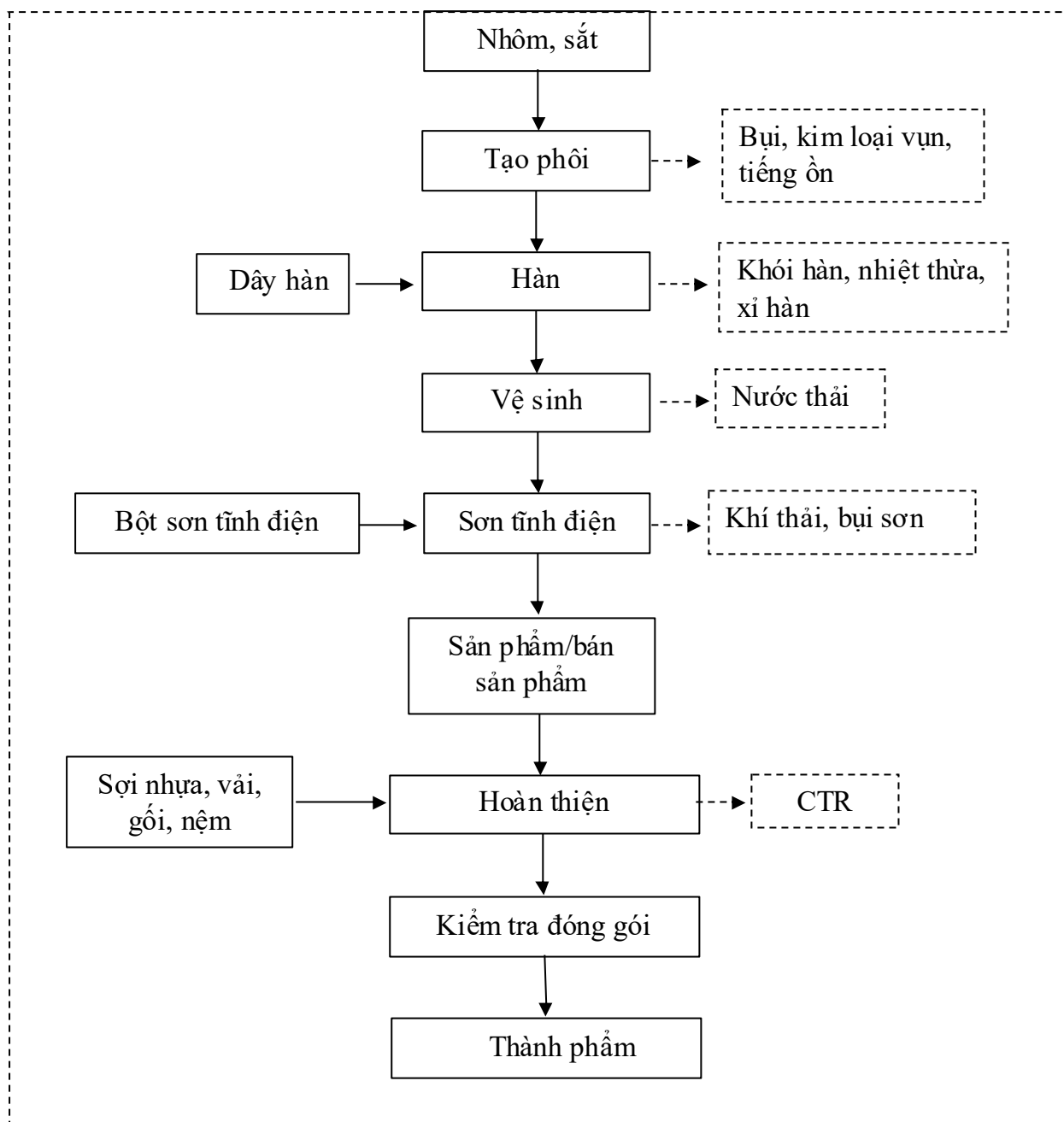
Đan



Thành phẩm

Hình 1.3. Quy trình sản xuất từ nguyên liệu gỗ

Quy trình sản xuất sản phẩm ngoại thất từ nhôm, sắt



Hình 1.4. Sơ đồ quy trình sản xuất ngoại thất từ nhôm và sắt

*** Thuyết minh quy trình:**

Nguyên liệu: Thanh nhôm, thanh sắt được mua từ các nhà phân phối.

Tạo phôi: Bao gồm có các công đoạn (cắt, hàn).

+ **Cắt:** Các thanh nhôm, sắt sẽ được cắt định hình theo những quy cách khác nhau tùy theo hình dạng, mẫu mã của sản phẩm mà khách hàng yêu cầu. Công đoạn cắt được thực hiện bằng máy cắt lazer để cắt theo yêu cầu.

Cắt tạo hình (bao gồm uốn, dập CNC, khoan lỗ): Tùy theo yêu cầu của sản phẩm sẽ chuyển qua công đoạn uốn, dập hoặc khoan lỗ.

+ **Hàn:** Sau khi các chi tiết được tạo thành, công nhân sẽ tiến hành lắp ráp bằng cách hàn để tạo ra sản phẩm. Công đoạn này sẽ sử dụng máy hàn TIG hoặc máy hàn MIG, dây hàn và khí bảo vệ Argon. Khi cho một dòng điện đi qua thiết bị hàn sẽ làm các kim loại nóng chảy, các kim loại nóng chảy này sẽ được công nhân dịch chuyển vị trí cần hàn, đồng thời trong quá trình hàn, khí argon được cung cấp để bảo vệ mối hàn, tránh làm đen mối hàn.

Vệ sinh: Nếu bề mặt sản phẩm bị bám bẩn trong đó có dầu mỡ, sạn bụi, mặt nhôm, sắt mà không làm sạch, khi đưa vào sơn thì bề mặt sau sơn sẽ bị sạm, rỗ, nổi, bong sơn không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Quá trình này có tác dụng vệ sinh bề mặt, tạo nền tảng cho lớp sơn bám dính bền chắc hơn.

+ Công đoạn vệ sinh: Diễn ra trong hệ thống các bồn nhúng (6 bồn). Bồn số 1: Dung dịch vệ sinh mối hàn. Bồn số 2: Rửa bằng nước. Bồn số 3: Rửa bằng nước. Bồn số 4: Rửa bằng dung dịch vệ sinh nano. Bồn số 5: Rửa lại bằng nước. Bồn số 6: Rửa lại bằng nước. Các công đoạn trong giai đoạn tiền xử lý dung dịch vệ sinh làm sạch được phân tách bằng công đoạn rửa nước để loại bỏ các hoá chất còn sót lại trước khi bước sang công đoạn tiếp theo.

+ Sau khi hoàn tất quy trình vệ sinh bề mặt, hàng thô được đưa qua công đoạn sấy bằng khí gas, trong khoảng thời gian 10 phút. Nhiệt độ sấy khô từ 125-130°C. Để đảm bảo độ dính của sơn trên bề mặt và chuyển sang công đoạn phun sơn tĩnh điện.

Sơn tĩnh điện:

+ Buồng sơn: Do đặc tính chính của sơn tĩnh điện là bột sơn khô. Nên khả năng bám dính của sơn lên bề mặt kim loại là do tác động của lực tĩnh điện. Chính vì vậy mà buồng phun sơn đóng vai trò quan trọng giúp thu hồi lượng bột sơn dư. Và lượng bột sơn thu hồi được, sẽ trộn thêm vào bột sơn mới để tái sử dụng.

+ Tất cả sản phẩm được treo lên băng tải theo dây chuyền tự động đến buồng sơn tĩnh điện. Cần chú ý vị trí treo móc của sản phẩm, tránh để lại dấu móc sau khi sơn/sấy. Móc treo sản phẩm phải chắc chắn và dẫn điện tốt. Và khoảng cách giữa các sản phẩm tối thiểu là 100-200mm, tùy theo kích thước sản phẩm.

+ Tiến hành sơn: Khoảng cách từ súng sơn tới sản phẩm được sơn từ 20-25cm. Bột sơn được thu hồi thông qua hệ thống thu hồi bao gồm buồng lắng và cyclone đồng bộ với máy.

Sản phẩm: Là các sản phẩm bàn ghế ngoại thất.

Bán sản phẩm: Là các khung bàn ghế. Tùy theo yêu cầu, đơn đặt hàng của khách hàng Công ty sẽ tiếp tục đến các công đoạn: đan sơn nhựa, gói, nệm,... Để hoàn thiện sản phẩm trước khi qua các công đoạn tiếp theo.

Kiểm tra, đóng gói: Sản phẩm hoàn thiện đạt yêu được đóng gói cẩn thận trong thùng carton.

Thành phẩm: Sản phẩm sau khi đóng gói sẽ được lưu kho và chờ chuyển giao lại cho Công ty khách hàng theo đơn đặt hàng.



Thanh nhôm



Máy cắt lazer



Máy nhấn CNC



Máy uốn



Máy khoan lỗ



Máy hàn lazer



Máy hàn bằng robot



Sợi nhựa

Hình 1.5. Máy móc thiết bị của quy trình sản xuất thất từ nhôm, sắt

Bảng 1.2. Quy trình sơn tĩnh điện

	Sản phẩm được treo lên dây chuyền tự động.
	Sản phẩm di chuyển theo dây chuyền dẫn đến các bồn nhúng: vệ sinh mỗi hàn, nước, dung dịch vệ sinh nano,...
	Sản phẩm được sấy khô trước khi sơn.
	Sản phẩm được sơn bằng súng phun sơn tự động trong buồng sơn.

	Sản phẩm được di chuyển đến buồng sấy sau khi sơn.
	Sản phẩm sau khi được sấy khô.

3.3. Sản phẩm:

Sản phẩm của dự án là sản phẩm ngoại thất, quy mô 54.000 sản phẩm/năm.



Hình 1.6. Sản phẩm của Công ty

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án:

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất sử dụng của dự án:

Bảng 1.3. Danh mục các loại nguyên vật liệu

STT	Loại nguyên, phụ liệu	Đơn vị	Số lượng
1	Thanh nhôm	Tấn/năm	200
2	Sợi nhựa	Tấn/năm	200
3	Gỗ nguyên liệu	m ³ /năm	684
4	Vải	Tấn/năm	19
5	Ốc, vít	Tấn/năm	14
6	Sắt	Tấn/năm	12,5
7	Inox	Tấn/năm	02
8	Nệm, gối	Cái/năm	100.000

4.2. Nhu cầu về hoá chất:

Bảng 1.4. Danh mục hoá chất

STT	Hoá chất/nhiên liệu sử dụng	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	Sơn Dulacn Wood Stain	Lít/năm	6.900	Bảo vệ, chống ẩm mốc, trang trí, tăng tính thẩm mỹ cho sản phẩm
2	Sơn Duhard	Lít/năm	345	
3	Sơn Durva Wood OiL	Lít/năm	2.100	
4	Sơn dặm giác gỗ	Lít/năm	1.200	
5	Keo	Kg/năm	4.020	Kết dính, đảm bảo mối nối
6	Tinh màu	Kg/năm	100	Chất tạo màu

STT	Hoá chất/nhiên liệu sử dụng	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng
7	Dung dịch vệ sinh Nano Zirconium	Kg/năm	800	Vệ sinh, làm sạch
8	Chất vệ sinh môi hàn	Kg/năm	700	Làm sạch môi hàn
9	Khí Argon	Bình	135	Bảo vệ môi hàn trong quá trình hàn
10	Màu pha sẵn	Kg/năm	36	Giúp sản phẩm gỗ bóng, bảo vệ gỗ khỏi mối, mọt
11	Stain Wood (Sơn lau gỗ)	Kg/năm	8.100	

Bảng 1.5. Thành phần, tính chất hoá chất

TT	Tên gọi	Mã sản phẩm/Tên thương mại	Thành phần, tính chất	Độc tính
1	Duhard wood stain (Màu bảo quản đồ gỗ ngoài trời)	BFC-215	Thành phần hoá học: Alkyl resin, Cellulose, nitrate, Thermoplastic solid, BMA/MMA copolymer, Synthetic Iron Oxide, Naphthol AS pigment, Mixture of oxygenated solvents	Gây dị ứng cho da
2	Durlac Wood Oil (Sơn bóng gỗ ngoài trời)		Thành phần hoá học: Alkyd resin dissolved in white spirit, Akali refined linseed oil, White Spirit solvent, 3- Iodo -2- propynylbutylcarbamate, Cobalt carboxylate,	Gây dị ứng cho da

			Zirconium Carboxylate, Ethyl Methyl Ketoxime	
3	Sơn dặm giác gỗ	BFC-09	Thành phần hoá học: Alkyl resin, Cellulose, nitrate, Thermoplastic solid, BMA/MMA copolymer, Synthetic Iron Oxide, Naphthol AS pigment, Mixture of oxygenated solvents	Gây dị ứng cho da
4	Keo ghép gỗ gốc nước	KOYOBOND KR- 560	- Thành phần hoá học: Styrene/butadiene copolymer, Poly vinyl alcohol, Calcium carbonate, nước. - Dung dịch màu trắng sữa	Gây dị ứng cho da
5	Tinh màu	U9442, U9458, U23010, U9383, U23009	- Carbon Black, Water - Chất lỏng có mùi nhẹ	Có hại khi hít phải và tiếp xúc với da
6	Dung dịch vệ sinh Nano Zirconium	ZICOFILM-02	- Dạng dung dịch, không màu đến trắng đục, mùi xốc nhẹ. - Thành phần hoá học: Hexafluoro zirconic acid, complex agent, Phụ gia.	- Khi tiếp xúc quá mức có thể gây ngứa, đỏ mắt, tổn thương giác mạc - Gây kích ứng hô hấp, khó thở. - Gây bong, ngứa trên da.

7	Chất vệ sinh môi hàn	TD-9278SA	- Dạng bột, màu vàng nhạt, không có mùi đặc trưng. - Thành phần hoá học: Acid Citric, Sodium hydroxide, Sodium Pyrophosphate, Sufactant	- Khi tiếp xúc quá mức có thể gây ngứa, đỏ mắt, tổn thương giác mạc - Gây kích ứng hô hấp, khó thở. - Gây bong, ngứa trên da.
8	Màu đen hệ nước	62-BVN-055	- Thành phần hoá học chính: Muối i than, 2-butoxyethanol. - Là chất lỏng.	Gây kích ứng da nhẹ, kích ứng mắt nghiêm trọng, phản ứng da dị ứng.
9	Màu đỏ hệ nước	62-RVN-054	- Thành phần hoá học: 2-amino-2-methylpropanol, 2-butoxyethanol. - Là chất lỏng.	Gây kích ứng da nhẹ.
10	Màu vàng hệ nước	62-YVN-053	- Thành phần hoá học: 2,2'-[3,3'-dichloro[1,1'-biphenyl]-4,4'-diyl]]bis[N-(4-chloro-2,5'-dimethoxyphenyl)-3-oxobutyramide], 2-amino-2-methylpropanol. - Là chất lỏng	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng, gây kích ứng da nhẹ.

Nhằm kiểm soát lượng chất thải phát sinh, Chủ Dự án tiến hành thực hiện cân bằng vật chất khối lượng vật chất khi Dự án đi vào hoạt động đạt công suất tối đa như sau:

Bảng 1.6. Bảng cân bằng vật chất của dự án

Tên sản phẩm	Nguyên liệu đầu vào		Sản phẩm đầu ra	Chất thải phát sinh	
Sản phẩm bàn ghế ngoại thất	Gỗ	684 tấn/năm	54.000 Sản phẩm /năm	Dăm bào, vụn, mùn cưa, ...	318 tấn/năm
	Thanh nhôm	200 tấn/năm		Kim loại vụn	5,4 tấn/năm
	Sợi nhựa	200 tấn /năm		Vụn sợi nhựa	7,5 tấn/năm
	Vải	19 tấn/năm		Bìa carton, giấy vụn	7,5 tấn/năm
	Sắt	12,5 tấn/năm		Cặn sơn thải	60 kg/năm
	Ốc vít	14 tấn/năm		Xỉ hàn	13 kg/năm
	Inox	02 tấn/năm		Bao bì cứng thải bằng nhựa	720 kg/năm
	Nệm, gối	100.000 cái		Bao bì cứng thải bằng kim loại	600 kg/năm
	Sơn	18.645 lít/năm		Bao bì mềm thải	36 kg/năm
	Keo	4.020 kg/năm			
	Nguyên liệu phụ	1.633 kg/năm			

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Công ty TNHH Bình B.F.C sử dụng nguồn nước giếng khoan làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất của Công ty. Công ty TNHH Bình B.F.C được cấp gia hạn Giấy phép khai thác nước dưới đất số 169/GP-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp.

Căn cứ theo nhật ký sử dụng nước, lượng nước tiêu thụ tại Công ty được thống kê tại bảng sau:

Bảng 1.7. Lượng nước sử dụng năm 2024

STT	Thời gian	Lượng nước sử dụng (m ³ /tháng)
		Năm 2024
1	Tháng 01	583
2	Tháng 02	517
3	Tháng 03	586
4	Tháng 04	571
5	Tháng 05	575
6	Tháng 06	566
7	Tháng 07	590
Tổng		3.988 m ³
Trung bình tháng		570 m ³

Lượng nước sử dụng trung bình khoảng 570 m³/tháng, tương đương khoảng 19 m³/ngày.đêm.

(1) Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt:

Theo sổ theo dõi khai thác nước dưới đất

Theo nhu cầu thực tế tại Công ty, nhu cầu cấp nước sinh hoạt trung bình ước tính khoảng 45 lít/người/ngày tương đương nhu cầu sử dụng nước của 310 người là 13,9 m³/ngày.đêm.

Công ty đặt suất ăn công nghiệp bên ngoài, do vậy không sử dụng nước trong quá trình nấu ăn.

(2) Nước sử dụng cho quá trình sản xuất:

 Nước cấp cho quá trình phun sơn tĩnh điện:

Công ty có 4 bồn chứa nước thể tích của các bồn khoảng $1,7\text{m}^3/\text{bồn}$. Lượng nước cấp ban đầu chiếm khoảng 80% thể tích thực của bể khoảng $1,4\text{m}^3/\text{bồn}$. Như vậy, thể tích cấp cho 4 bồn cho quá trình phun sơn tĩnh điện là $5,6\text{m}^3/\text{ngày}/4$ bồn. Định kỳ 3-6 tháng tiến hành thay thế nước sử dụng. Trung bình ngày cấp hao hụt khoảng $0,6\text{m}^3/\text{ngày}$.

 Nước cấp cho quy trình phun sơn màng nước:

Công ty có 04 buồng phun sơn tương ứng với 04 màng nước (thể tích $2\text{m}^3/\text{máng}$). Lượng nước cấp ban đầu dùng cho các máng phun sơn là $2\text{m}^3/\text{ngày}/\text{buồng}$.

Công ty tiến hành thay nước buồng phun sơn hàng tháng, các buồng phun sơn được luân phiên nhau thay nước, định kỳ 01 tháng/lần, mỗi lần từ 01 buồng phun sơn.

Như vậy, lượng nước cấp lớn nhất trong 1 ngày dùng cho các hoạt động của các máng thu hồi bụi sơn bằng màng nước là $2\text{m}^3/\text{buồng} \times 4\text{ buồng}/\text{tháng} = 0,3\text{m}^3/\text{ngày}$.

(3) Nhu cầu cấp nước cho tưới cây:

Diện tích cây xanh cần tưới là các cây tạo cảnh quan cho khu hành chính, dọc đường nội bộ. Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích tưới cây khoảng: $9,0\text{m}^3/\text{ngày}$.

(4) Nước dùng cho chữa cháy:

Ngoài nhu cầu cấp nước nêu trên thì Công ty còn có hệ thống cấp nước cho mục đích phòng cháy chữa cháy (PCCC). Lưu lượng cấp nước chữa cháy $q=15\text{l/s}$ cho 01 đám cháy trong 3 giờ, số đám cháy xảy ra đồng thời 1 lúc 1 đám cháy theo TCVN 2622-1995. Vậy lượng nước cần dự phòng cho chữa cháy là $162\text{m}^3/\text{ngày}$ (3h).

Bảng 1.8. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước ngày cao điểm của Công ty

STT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu nước (m ³ /ngày)	Nước xả thải (m ³ /ngày)	Nguồn sử dụng	
				Nước giếng (m ³)	Tái sử dụng (m ³)
1	Nước dùng cho sinh hoạt (tắm rửa, vệ sinh, dọn rửa khu vệ sinh của công nhân viên,...)	13,9	13,9	9	5
2	Nước dùng cho công đoạn sơn tĩnh điện	0,6	0,6	0,6	-
3	Nước dùng cho công đoạn sơn màng nước	0,3	0,3	0,3	-
4	Nước dùng tưới cây, rửa đường,...	9	-	9	-
TỔNG CỘNG:		22,8	14,8	19	5

4.4. Nhu cầu sử dụng điện:

- Nguồn cung cấp điện: Nguồn cung cấp điện cho hoạt động của Dự án được lấy từ mạng lưới điện quốc gia, do Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai.

Theo hoá đơn sử dụng điện năm 2024, nhu cầu sử dụng điện năng tại Công ty được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.9. Lượng điện Công ty sử dụng năm 2024

STT	Tháng	Lượng điện sử dụng (kwh)
1	Tháng 1	11 5.300
2	Tháng 2	64.000
3	Tháng 3	92.400
4	Tháng 4	60.700
5	Tháng 5	72.000
6	Tháng 6	70.500
	Tổng cộng	474.900 kwh
	Trung bình tháng	79.150 kwh

5. Các thông tin khác liên quan đến Dự án đầu tư (nếu có):

5.1. Hiện trạng nhà xưởng thực hiện Dự án

Toàn bộ Dự án được thực hiện trên thửa đất số 24, tờ bản đồ số 36 tại Cụm công nghiệp Thạnh Phú, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

5.2. Các hạng mục công trình xây dựng

Bảng 1.10. Hạng mục công trình

STT	Tên công trình	Công năng	Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Các hạng mục phục vụ sản xuất		16.248	59,07
1	Nhà xưởng A	Xưởng đóng gói & Xưởng nhôm	5.083	18,48
2	Nhà xưởng B	Xưởng đan	1.654,5	6,01
3	Nhà xưởng C	Xưởng gỗ	2.428,78	8,83
4	Nhà xưởng D	Xưởng gỗ + sơn hoàn thiện	4.200	15,27
5	Nhà xưởng E	Sơn tĩnh điện	1.344	4,89
6	Nhà văn phòng + showroom	Nhà văn phòng + phòng trưng bày	1.324	4,81
7	Nhà xe	Nhà xe	180	0,65

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

8	Nhà bảo vệ	Nhà bảo vệ	21,6	0,08
9	Nhà vệ sinh công nhân	Nhà vệ sinh	11,66	0,04
II	Các hạng mục công trình phụ trợ		132,00	0,48
10	Bể PCCC	Bể PCCC	100	0,36
11	Trạm điện 320kW	Trạm điện	20	0,07
12	Tháp nước	Tháp nước	12	0,04
III	Các hạng mục công trình môi trường		170,71	0,51
13	Hệ xử lý nước thải	Bể xử lý nước thải	65,7	0,24
14	Hệ thống xử lý khí thải	Xử lý khí thải	55,0	0,20
15	Nhà chứa bụi	Nhà chứa bụi	20	0,07
16	Khu vực lưu giữ chất thải thông thường	Khu vực lưu giữ chất thải	15	0,05
17	Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại	Khu vực lưu giữ chất thải	15	0,05
IV	Đất giao thông – sân bãi		5.425,2	19,72
V	Diện tích cây xanh		5.531,6	20,11
	Tổng diện tích		27.507	100,00

Nguồn: Công ty TNHH Bình B.F.C

5.3. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng:

Bảng 1.11. Danh mục máy móc thiết bị

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Quy cách/ công suất	Số lượng	Nước sản xuất	Năm sản xuất
I	Máy móc thiết bị xưởng gỗ					
1	Máy phay CNC 16 trục	Máy	28 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2023

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

2	Máy phay CNC Master	Máy	34,5 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2023
4	Máy phay CNC Bacci	Máy	27 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Ý	2022
5	Máy phay CNC	Máy	34,5 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2024
6	Máy tubi chép hình CNC	Máy	33 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2017
7	Máy CNC cắt 2 đầu liên tục	Máy	17 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2023
8	Máy phay CNC 5 trục	Máy	11 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2018
9	Máy phay mộng dương 2 đầu	Máy	22,7 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2020
10	Máy bào 4 mặt	Máy	44,67 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2022
11	Máy mộng dương 1 đầu CNC	Máy	8 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2022

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

12	Máy mộng dương 1 đầu CNC	Máy	5 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2024
13	Máy nhám chổi 9 trục NC	Máy	5 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2020
14	Máy chuyển NC làm nguội	Máy	16,17 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2020
15	Máy nhám thùng	Máy	56,92 kw/380V, 3 pha 50Hz	1	Trung Quốc	2024
II	Máy móc thiết bị xưởng nhôm					
1	Máy CNC cắt ống laser	Máy	19 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2022
2	Máy CNC cắt tấm laser	Máy	24 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	1	Trung Quốc	2023
3	Máy hàn laser	Máy	1500w/ 220V, 1 pha 50 HZ	20	Trung Quốc	2023
4	Máy Robot	Máy	5 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	03	Nhật	2020
5	Máy cắt sắt tự động	Máy	3 kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	01	Nhật	2018

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

6	Máy cắt 2 đầu	Máy	6 kw/ 220V, 3 pha 50 HZ	01	Thổ Nhĩ Kì	2020
7	Máy dập PDA	Máy	11kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	01	Trung Quốc	2023
8	Máy dập	Máy	5,5kw/ 380V, 3 pha 50 HZ	02	Trung Quốc	2020
9	Máy uốn CNC	Máy	16kw/ 220V, 3 pha 50 HZ	03	Trung Quốc	2020
10	Máy uốn CNC	Máy	16kw/ 220V, 3 pha 50 HZ	03	Trung Quốc	2020
11	Máy phay, cắt CNC	Máy	25kw/ 220V, 3 pha 50 HZ	01	Nhật	2019

Nguồn: Công ty TNHH Bình B.F.C

CHƯƠNG 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.

1. Sự phù hợp của Dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

1.1. Sự phù hợp của Dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:

Theo quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ Môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, quan điểm chỉ đạo là khuyến khích phát triển kinh tế phù hợp với đặc tính sinh thái của từng vùng, ít chất thải, cacbon thấp, hướng tới nền kinh tế xanh. Tầm nhìn của chiến lược năm 2030 ngăn chặn đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, cacbon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước.

Ngành nghề của Dự án là ngành nghề sản xuất đồ gỗ, máy móc thiết bị còn mới, tối ưu hoá, sử dụng chủ yếu bằng điện năng. Do đó, Dự án phù hợp với khuyến khích phát triển kinh tế.

1.2. Sự phù hợp của Dự án với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Vị trí Dự án thực hiện tại CCN Thạnh Phú – Thiện Tân, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh Đồng Nai.

Việc triển khai thực hiện Dự án có mối quan hệ với các quy hoạch phát triển như sau:

- Phù hợp với Quyết định số 252/QĐ-TTg ngày 13/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Phù hợp với Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 23/05/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai duyệt quy hoạch xây dựng cùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

- Phù hợp với Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Phù hợp với Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Phù hợp với Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2023.

2. Sự phù hợp của Dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

- Nước mưa trong khuôn viên của Dự án được thu gom sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Hiện trạng thu gom nước thải: Khu vực Dự án đã có hệ thống xử lý nước thải. Nước thải của Dự án chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân được thu gom xử lý đạt quy chuẩn xả nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q=1,2$ và $K_f=1,2$ sau đó được dẫn về hồ chứa nước sau xử lý trong khuôn viên của Công ty. Sau đó, được Công ty tái sử dụng trong hoạt động dội nhà vệ sinh và không xả thải ra ngoài môi trường.

- Đối với môi trường không khí: Hiện trạng môi trường không khí khu vực thực hiện Dự án theo kết quả đo đạc của môi trường nền tương đối tốt. Khi Dự án đi vào hoạt động, khí thải sẽ được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn xả thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình hoạt động Dự án có phát sinh chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, rác sinh hoạt, vụn gỗ,... Hiện tại Công ty cũng đã ký hợp đồng với các đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải thông thường.

CHƯƠNG 3: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:

Qua cuộc khảo sát Dự án ghi nhận hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện Dự án như sau:

1.1. Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi Dự án:

Nhận dạng các đối tượng bị tác động do hoạt động của Dự án:

Môi trường không khí: Hoạt động của Dự án làm phát sinh bụi; khí thải từ các phương tiện vận chuyển; bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển và bốc dỡ nguyên vật liệu; bụi, khí thải từ quá trình gia công kim loại, hàn; hơi dung môi phát sinh từ quá trình sơn.

Môi trường đất: Hiện trạng môi trường đất của Dự án khá tốt, chưa bị ô nhiễm bởi các tác động xung quanh. Phần lớn diện tích đất khu vực Dự án được san nền đổ bê tông. Thực vật chủ yếu là cây cỏ thấp.

Môi trường nước: Dự án sử dụng 100% nước ngầm dưới đất. Nước thải sau khi xử lý qua HTXL nước thải công suất 15m³/ngày.đêm được lưu chứa tại hồ nước sau xử lý.

Các doanh nghiệp kế cận Dự án: Hoạt động của Dự án chủ yếu phát sinh bụi và khí thải từ hoạt động gia công gỗ và kim loại, bụi từ quá trình bốc vác vận chuyển. Tuy nhiên, Công ty đã trang bị các biện pháp giảm thiểu và chỉ diễn ra trong thời gian ngắn và được sử dụng rất ít nên khả năng ảnh hưởng có thể nói là không đáng kể.

1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của Dự án:

Khu vực thực hiện Dự án đã được giải phóng và san lấp mặt bằng hoàn thiện nên thành phần các loài sinh vật khá hạn chế. Thực vật phủ là một số loại cỏ dại và cây bụi thấp. Hệ động vật tương đối nghèo nàn với các loài côn trùng chiếm ưu thế.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của Dự án:

Để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải, Công ty TNHH Bình B.F.C thực hiện tiến hành quan trắc hồ chứa nước sau hệ thống xử lý để làm cơ sở đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải.

Bảng 3.1. Kết quả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 07/12/2023	QCVN 40:2011/BTNMT
1	pH	-	7,18	6 – 9
2	TSS	mg/l	25	72
3	COD	mg/l	19,2	108
4	BOD ₅	mg/l	6,2	43,2
5	Tổng N	mg/l	19,1	28,8
6	Tổng P	mg/l	3,2	5,76
7	Coliform	MPN/100ml	KPH (MDL=2)	3.000

Nhận xét: Kết quả quan trắc chất lượng hồ chứa nước sau xử lý tất cả các thông số quan trắc đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q=1,2$ và $K_f=1,2$.

Tuy nhiên, do hiện trạng tại Công ty chưa có tuyến thoát nước thải của khu vực, do Công ty đã thực hiện lưu chứa nước thải sau xử lý tại hồ chứa có lót bạt HDPE với diện tích lưu chứa 1531 m³. Đồng thời, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được Công ty tái sử dụng vào hoạt động vệ sinh (dội nhà vệ sinh) và không xả thải ra môi trường.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện Dự án:

Để đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh đơn vị đo đạc đã tiến hành lấy mẫu tại khu vực của Dự án:

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh:

- Vị trí lấy mẫu: Khu vực cổng

- Kết quả phân tích:

Bảng 3.2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN không khí xung quanh
			13/06/2023	07/12/2023	
1	Nhiệt độ	(°C)	31,8	31,6	-
2	Độ ẩm	(%)	54,4	62,6	-
3	Ánh sáng	Lux	ASTN	1,2	-
4	Tiếng ồn	dBA	56,3	58,2	70
5	Bụi	µg/Nm ³	130	118	300
6	NO ₂	µg/Nm ³	67	83	200
7	SO ₂	µg/m ³	62	80	350
8	CO	µg/m ³	<9.000	<9.000	30.000

(Nguồn: Công ty CP Xây Dựng & Môi trường Đại Phú)

Nhận xét: Kết quả đo đạc và phân tích hiện trạng chất lượng không khí xung quanh cho thấy chất lượng không khí tại khu vực thực hiện Dự án khá tốt, các thông số chất lượng đều nằm trong giới hạn cho phép. Số liệu này sẽ là dữ liệu nền để so sánh và đánh giá sự biến đổi chất lượng môi trường không khí khi Dự án đi vào hoạt động.

 **Kết quả quan trắc nước ngầm:**

Bảng 3.3. Kết quả quan trắc nước ngầm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 09- MT:2023/BTNMT
			13/06/2023	07/12/2023	
1	Clo dư	mg/L	0,08	<0,03	-
2	pH	-	6,7	6,91	5,8-8,5

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

3	Độ đục	NTU	2,3	0,77	-
4	Độ cứng tổng số	mg/L	30	9,6	500
5	Amoni	mg/L	0,25	0,21	1
6	Nitrit	mg/L	0,026	0,015	1
7	Nitrat	mg/L	4,4	1,18	15
8	Fe	mg/L	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	5
9	Coliform	CFU/100mL	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	3
10	Chỉ số pecmaganat	mg/L	<0,6	0,7	4
11	Pb	mg/L	KPH (MDL=0,0007)	KPH (MDL=0,0007)	0,01

(Nguồn: Công ty CP Xây Dựng & Môi trường Đại Phú)

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích mẫu các thông số giám sát nước ngầm đều đạt nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép của QCVN 09-MT:2023/BTNMT. Như vậy, chất lượng môi trường không khí, nước ngầm của Công ty chưa có dấu hiệu ô nhiễm, đảm bảo chất lượng môi trường.

CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị:

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị (rửa tay, vệ sinh,...).

Với số lượng công nhân viên là khoảng 10 người, ước tính lượng nước sử dụng hằng ngày khoảng:

$$10 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 0,45 \text{ m}^3 \text{ nước/ngày}$$

Tổng lượng nước thải ra mỗi ngày được tính bằng 100% lượng nước sử dụng:

$$0,45 \text{ m}^3 \text{ nước/ngày} \times 100\% = 0,45 \text{ m}^3 \text{ nước/ngày}$$

Biện pháp xử lý:

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị (rửa tay, vệ sinh,...) khá ít, khoảng 0,45 m³/ngày. Do hiện tại Công ty đã có nhà vệ sinh sẵn. Do đó nước thải sinh hoạt sẽ được dẫn đến hệ thống bể tự hoại 3 ngăn. Sau đó được dẫn tiếp tục đến HTXL nước thải 15m³/ngày.đêm của Công ty.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

Chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động: Có khoảng 10 công nhân lao động, lượng rác thải trung bình lấy bằng 0,8 kg/người/ngày (*Nguồn: QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng*) thì tổng lượng chất thải sinh hoạt là khoảng:

$$0,8 \text{ kg/người/ngày} \times 10 \text{ người} = 8 \text{ kg/ngày.}$$

Biện pháp xử lý:

- Trang bị các thùng chứa rác nắp đậy với dung tích 120 lít để thu gom, lưu trữ chất thải sinh hoạt của công nhân.

- Nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi trên công trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

 Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt gồm: giẻ lau dính dầu nhớt; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải,... Chất thải này được thu gom ngay sau khi phát sinh và lưu trữ đúng nơi quy định. Lượng chất thải nguy hại phát sinh được ước tính như sau:

Bảng 4.1. Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giẻ lau dính dầu nhớt, thành phần nguy hại	18 02 01	KS	8
2	Dầu nhớt thải	17 02 04	NH	0,5
	Tổng cộng			8,5

Đây là các loại chất thải có thể gây ô nhiễm môi trường nếu không được quản lý, thu gom, xử lý đúng quy định, chính vì vậy chủ Dự án cần có biện pháp giảm thiểu và hạn chế các tác động của CTNH.

Biện pháp xử lý:

Chất thải nguy hại của Dự án phát sinh được phân loại và thu gom vào các thùng có nắp đậy dung tích 120 lít, đối với nhớt thải thu gom vào các thùng phuy có nắp đậy và chứa vào khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

Khu vực lưu chứa độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hoá học với chất thải nguy hại, tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy, có dán các bảng phân khu vực, trang bị các thùng chứa riêng cho từng chất thải.

Dự án thu gom, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu

cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 10/01/22022 Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi và khí thải:

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị. Ô nhiễm do bụi có thể gây ra các tác động trực tiếp lên người công nhân trực tiếp thi công và tác động đến môi trường xung quanh, ngoài ra còn có khí thải từ quá trình vận chuyển máy móc thiết bị.

- Đặc trưng ô nhiễm: Trong giai đoạn này, công nhân thi công chỉ thực hiện khoan bắt vít cố định máy móc, thiết bị lắp ráp và đấu nối điện trên mặt bằng hiện hữu có sẵn. Vì vậy, nguồn ô nhiễm không khí chủ yếu là bụi. Đây là nguồn ô nhiễm chỉ xảy ra cục bộ, gián đoạn theo thời gian thi công nên ảnh hưởng không đáng kể, chủ yếu là đến công nhân trực tiếp thi công lắp đặt.

- Tác động: Quá trình khoan bắt vít cố định thiết bị, lắp đặt hệ thống điện chỉ diễn ra trong thời gian ngắn. Vì vậy, lượng bụi phát sinh cũng không nhiều, ảnh hưởng của bụi trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị tới sức khỏe của công nhân thi công là rất thấp. Tuy nhiên, nếu như hoạt động này diễn ra lâu và không có biện pháp bảo vệ, phòng tránh thì sẽ gây ra một số tác động như sau:

+ Đối với người lao động tại nơi thi công: thường mắc các loại bệnh về đường hô hấp (mũi, họng, khí quản, phế quản,...), bệnh bụi phổi xuất hiện có khả năng làm xơ hoá phổi và làm giảm chức năng hô hấp. Ngoài ra, người lao động còn mắc các loại bệnh ngoài da (nhiễm trùng da, khô da, viêm da,...), các loại bệnh về đường tiêu hoá...

+ Đối với môi trường: Do quá trình vệ sinh, lắp đặt thiết bị máy móc, hệ thống điện, chỉ diễn ra trong nhà xưởng đã được xây dựng khép kín nên quá trình này hầu như không ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

Biện pháp giảm thiểu:



Giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị:

- Các xe chở nhập thiết bị, máy móc lưu thông trong khuôn viên Dự án cần chở đúng tải trọng, chạy với tốc độ chậm khi đi vào khu vực dự án (< 5km/giờ).

- Tất cả các xe vận tải đưa vào sử dụng phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Không sử dụng xe, máy cũ để vận chuyển. Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, hiện nay dầu diesel với nồng độ S chỉ 0,05%, thấp hơn nhiều lần so với trước đây (từ 1-4%).

- Các phương tiện giao thông vận tải và các máy thi công cơ giới phải sử dụng đúng với thiết kế của động cơ, không hoạt động quá công suất thiết kế.

- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại. Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

- Hạn chế vận chuyển vào giờ có mật độ người qua lại cao.

- Đối với xe máy của công nhân lắp ráp phải dắt bộ vào bãi giữ xe.

- Để đúng nơi quy định đối với xe gắn máy.

Giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc:

Trong giai đoạn lắp đặt thiết bị, bụi, khí thải và tiếng ồn là 3 nguồn gây ô nhiễm chính gây ảnh hưởng đến môi trường không khí khu vực. Trên thực tế Dự án chỉ tiến hành lắp đặt thêm máy móc để phục vụ sản xuất mà không cải tạo nhà xưởng để lắp đặt máy móc nên bụi, khí thải từ công đoạn này là không đáng kể. Tuy nhiên, để giữ gìn vệ sinh nhà xưởng và hạn chế các tác động có thể ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe công nhân lao động, Chủ Dự án đề xuất một số biện pháp quản lý như sau:

- Đối với các công nhân làm nhiệm vụ bốc xếp, vận chuyển, trực tiếp lắp ráp máy móc sản xuất sẽ được trang bị khẩu trang và mắt kính chống bụi.

- Khi thực hiện khoan cắt, bắt vít phải che chắn cục bộ khu vực làm việc, hạn chế phát tán bụi.

- Khu vực thi công phải được dọn dẹp vào cuối ngày, không để máy móc, thiết bị, chất thải vương vãi tại khu vực làm việc.

- Bụi khuếch tán từ mặt đường do sự hoạt động qua lại của các xe tải và thiết bị cơ giới trên đường, tuy nhiên hiện tại đường nội bộ vào công ty cũng được trải nhựa nên lượng bụi này không lớn.

- Bụi, khí thải (SO_2 , NO_2 , CO , ...) phát sinh do quá trình đốt nhiên liệu dầu của các thiết bị phục vụ cho việc vận chuyển và lắp đặt máy móc như xe tải, xe nâng. Lượng khí này rất khó định lượng vì đây là nguồn phát tán và chịu tác động của

nhiều yếu tố tự nhiên khác như: chất lượng đường sá, tốc độ gió, chế độ vận hành máy móc.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Trong quá trình lắp đặt các thiết bị, máy móc thì xe vận chuyển, xe nâng và quá trình bố trí lắp đặt máy móc thiết bị của nhân viên sẽ là nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung. Theo tài liệu của Mackernize, L.Da (1985) cho thấy, tiếng ồn do hoạt động của xe vận chuyển thường dao động từ 82-94 dBA (trong phạm vi 15m).

Như vậy, trong phạm vi bán kính 15m từ vị trí thi công, mức độ ồn do xe tải vượt quá giới hạn mức độ ồn cho phép đối với khu dân cư xen lẫn khu thương mại, dịch vụ, sản xuất (75 dBA) trong khoảng thời gian từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Tuy nhiên, do Dự án nằm trong CCN, thời gian thi công lắp đặt ngăn ngày và tác động này chỉ có tính chất tạm thời và gây ảnh hưởng cục bộ trong thời gian lắp đặt. Do đó có thể giảm thiểu ảnh hưởng bằng cách hạn chế các hoạt động lắp đặt thiết bị máy móc vào những giờ nghỉ trưa (11h30-13h), tiến hành các hoạt động thi công có độ ồn cao vào thời gian cho phép (từ 7h-17h) và hạn chế các nguồn ồn vào ban đêm để không ảnh hưởng đến các công ty trong khu vực lân cận.

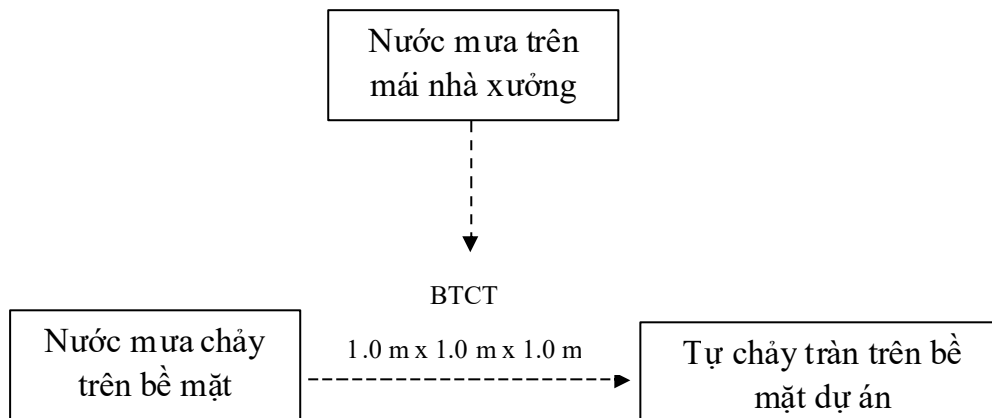
Biện pháp xử lý:

- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không bóp còi.
- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị khi hoạt động trong khu vực Dự án phải tuân theo các quy định, hướng dẫn tại nhà máy về tốc độ, bãi đậu xe,...
- Sắp xếp lịch vận chuyển phù hợp để hạn chế việc gây ô nhiễm ồn, rung.
- Các máy móc thiết bị có xuất xứ kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.
- Bố trí máy móc thiết bị làm việc ở các khoảng cách hợp lý, tránh tập trung tiếng ồn trong khu vực.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong công trường. Đồng thời, giám sát chặt chẽ và nhắc nhở việc thực hiện các nội quy về an toàn lao động của tất cả công nhân.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

Nước mưa chảy tràn:



Hình 4.1. Sơ đồ tuyến thu gom và thoát nước mưa

Trong giai đoạn này, hệ thống thoát nước mưa của Dự án đã được xây dựng hoàn chỉnh.

Công ty đã đầu tư hoàn thiện hạ tầng thu gom nước mưa từ các nhà xưởng và khuôn viên Dự án về hệ thống thu gom của Công ty trước khi chảy tràn trên bề mặt của dự án.

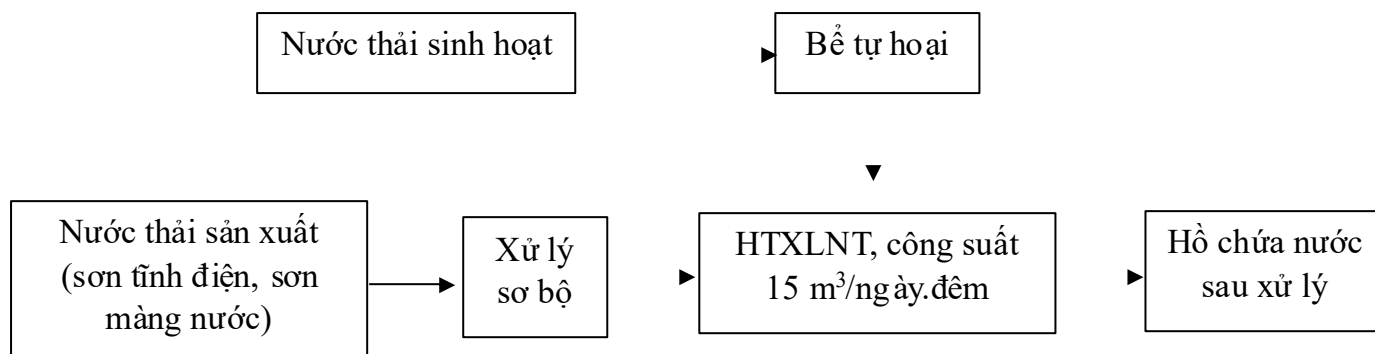
Hệ thống thu gom nước mưa được thiết kế dựa trên độ cao nền của Dự án thuận tiện cho nước mưa tự chảy. Nước mưa trên mái nhà và nước mưa chảy tràn được thu gom về mương thu gom nước mưa, sau đó tự chảy tràn trên bề mặt của dự án. Hệ thống thu gom nước mưa tại Công ty gồm:

- Nước mưa trên mái nhà xưởng: Được thu gom bằng hệ thống máng xối qua lưới lọc rác, sau đó chảy dọc theo ống nhựa PVC đứng đường kính 114mm về mương thu gom nước mưa.

- Nước mưa chảy tràn: Được chảy theo độ dốc địa hình và tự chảy tràn trên về mặt của dự án, sau đó thoát vào hệ thống mương thoát nước tự nhiên của khu vực.

Nước thải sinh hoạt:

Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải cho toàn nhà xưởng đưa về HTXL nước thải rồi được chứa vào hồ nước sau xử lý không thải ra ngoài. Hệ thống thu gom nước thải tại Dự án được thể hiện cụ thể như sau:



Hình 4.2. Sơ đồ thu gom nước thải

Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom và thoát nước thải cho toàn nhà xưởng. Hệ thống thu gom nước thải tại dự án như sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được thu gom theo ống uPVC có đường kính $d = 90\text{mm}$ về bể thu gom HTXL nước thải.

- Nước thải từ HTXL sơn được thu gom theo ống uPVC có đường kính $d = 90\text{mm}$ chảy về hố gas và bơm đẩy về cụm xử lý hoá lý bằng hệ thống bơm chìm hoạt động theo chế độ phao tự động.

*** Công trình thoát nước thải:**

- Nước thải sau HTXL nước thải được chảy theo đường ống nhựa PVC về hồ chứa nước sau xử lý.

🌈 Nguồn thải và tính chất nước thải phát sinh tại dự án:

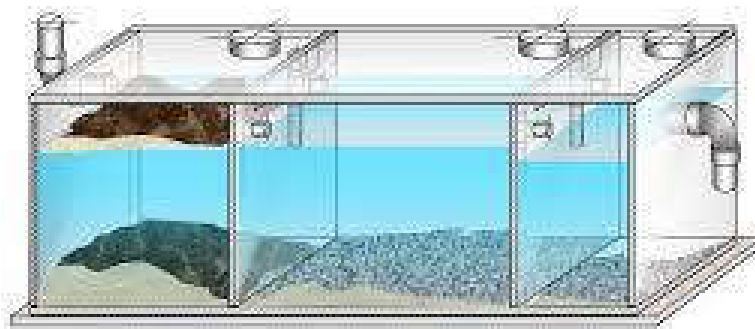
Các nguồn phát sinh nước thải gồm:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên. Lượng nước thải này có đặc trưng là pH không ổn định, thành phần nước thải thường có hàm lượng cao các chất hữu cơ (đặc trưng bởi thông số BOD_5 , COD), các chất rắn lơ lửng (TSS), chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ động thực vật và vi sinh.

- Nước thải phát sinh từ HTXL hơi sơn: Thành phần nước thải này chủ yếu là hàm lượng cặn rắn, bụi sơn và một số chất dung môi.

🌈 Công trình xử lý nước thải:

*** Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn như sau:**



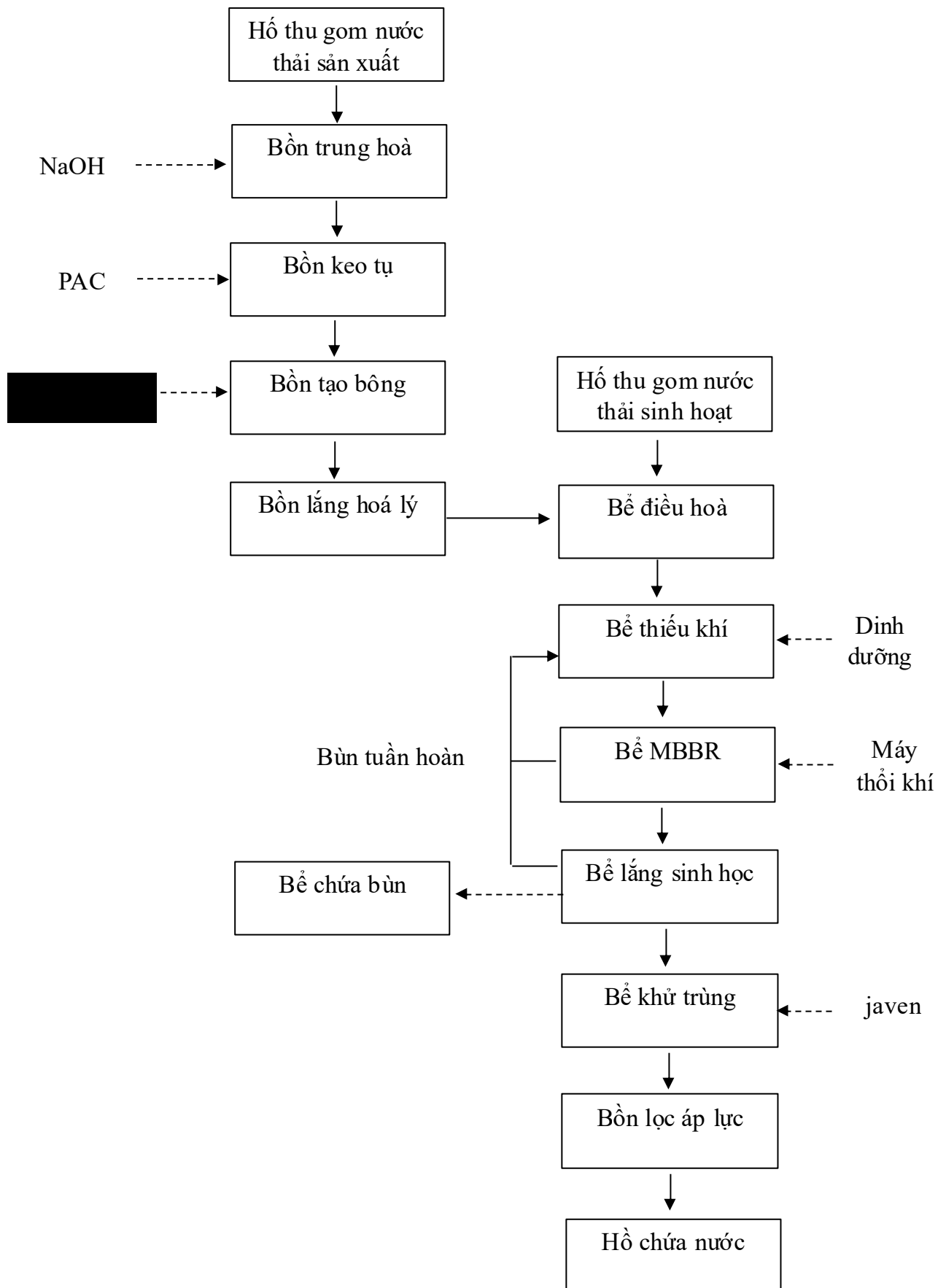
Hình 4.3. Sơ đồ cấu tạo bể 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được dẫn đến bể tự hoại. Bể tự hoại là một công trình đồng thời làm 2 chức năng: Lắng và phân huỷ cặn lắng. Để hợp lý trong xây dựng và sử dụng, bể tự hoại được thiết kế và xây dựng thành nhiều bể (mỗi bể đều có 3 ngăn) có kích thước phù hợp và tương ứng với lượng nhân viên. Khi nước thải đổ vào bể sẽ được giữ lại ở ngăn thứ 1. Tại đây các chất rắn lơ lửng có kích thước hạt nhỏ. Mặt khác nước trong bể tự hoại, dưới sự ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Nước thải sẽ được giữ trong bể tự hoại trong một thời gian nhất định, để đảm bảo hiệu suất lắng cũng như phân huỷ. Nước thải sau khi qua bể tự hoại được dẫn về các hệ thống xử lý nước thải của nhà xưởng.

Nhằm đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra sau xử lý đạt giới hạn xả thải, Công ty đã đầu tư hoàn thiện 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất 15m³/ngày.đêm.

Quy trình xử lý nước thải được mô tả như sau:



Hình 4.4. Sơ đồ công nghệ HTXL nước thải, công suất 15m³/ngày.đêm

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:

Nước thải sản xuất:

Hồ thu gom nước thải sản xuất:

Dòng nước thải từ các khu vực sơn trong các phân xưởng sẽ được thu gom về hồ thu gom trước khi được bơm vào bồn trung hòa.

Bồn trung hòa:

Nước thải từ bể thu gom được bơm vào bồn trung hòa.

Bồn trung hòa có tác dụng ổn định nồng độ & pH trong nước thải trước khi sang cụm bể hóa lý. Trong bồn trung hòa có lắp đặt hệ thống sục khí thô dưới đáy để đảo trộn hóa chất điều chỉnh pH và nước thải với nhau.

Cụm bể keo tụ - tạo bông:

Nước thải được bơm chìm bơm từ bồn trung hòa qua bể keo tụ. Tại đây sẽ được bổ sung thêm hệ hóa chất keo tụ PAC, Polymer. PAC là tác nhân có khả năng làm gắn kết các chất bẩn ở dạng hòa tan thành bông cặn, dưới tác dụng của Polymer các bông cặn li ti sẽ kết lại thành các bông có kích thước lớn hơn. Sau khi qua quá trình keo tụ - tạo bông, nước thải sẽ giảm được độ màu, khử mùi hôi, xử lý một phần COD và BOD.

Bể lắng hóa lý:

Tại đây, các bông cặn hóa lý tạo ra từ quá trình keo tụ - tạo bông được lắng xuống. Phần nước trong thu được sẽ tự chảy qua bể khử trùng. Lượng bùn sinh ra được bơm về bể chứa bùn để đem đi xử lý. Nước sau khi lắng sẽ tự chảy qua ống chảy tràn xuống bể điều hòa.

Nước thải sản xuất sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được bơm về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

Hệ thống xử lý tập trung:

Hồ thu gom:

Dòng nước thải sinh hoạt từ các bể tự hoại sẽ được thu gom về hồ thu gom, cùng nước thải sản xuất được xử lý sơ bộ trước khi được bơm vào bể điều hòa.

Bể điều hòa:

Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng, ổn định nồng độ và thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải trước khi sang bể xử lý sinh học. Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống sục khí thô dưới đáy bể để đảo trộn các dòng nước thải với nhau.

Bể Anoxic:

Nước thải sau khi được điều hòa về lưu lượng và nồng độ được 2 bơm điều hòa với lưu lượng ổn định vào ngăn thiếu khí. Tại đây diễn ra quá trình khử nitơ từ NO_3^- thành nitơ dạng khí được thực hiện nhằm đạt chỉ tiêu cho phép của nitơ. Quá trình sinh học khử nitơ liên quan đến quá trình oxy hóa sinh học của nhiều chất hữu cơ có trong nước thải sử dụng NO_3^- hoặc NO_2^- như chất nhận điện tử thay vì dùng oxy trong điều kiện không có oxy hoặc DO giới hạn (nhỏ hơn 2 mg/l). Trong ngăn có bố trí 02 thiết bị khuấy trộn chìm nhằm tăng khả năng tiếp xúc của bùn vi sinh với nước thải, từ đó làm tăng hiệu quả xử lý.

Bể MBBR:

Trong bể MBBR nồng độ bùn hoạt tính trong bể dao động từ 3.000 -12.000 mg MLSS/L. Nồng độ bùn hoạt tính càng cao, tải trọng hữu cơ áp dụng của bể càng lớn.

- Oxy (không khí) được cung cấp bằng các máy thổi khí và hệ thống phân phối khí có hiệu quả cao với kích thước bọt khí nhỏ.

- Lượng khí cung cấp vào ngăn với mục đích cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí chuyển hóa chất hữu cơ hòa tan thành nước và carbonic, nitơ hữu cơ và amoni thành nitrat NO_3^- , và xáo trộn đều nước thải và bùn hoạt tính, tạo điều kiện để vi sinh vật tiếp xúc tốt với các chất cần xử lý.

- Tải trọng của chất hữu cơ của ngăn thổi khí thường dao động từ 0,32 - 0,64 kg BOD/m³.ngày.đêm và thời gian lưu nước dao động từ 8-12h.

- Công nghệ bùn hoạt tính hiếu khí có hiệu quả cao đối với xử lý COD, N,... Quá trình phân hủy hiệu quả nhất khi tạo được môi trường tối ưu cho vi sinh vật hoạt động. Chất dinh dưỡng được cung cấp theo tỷ lệ được tính toán sơ bộ BOD: N: P = 100:5:1, nhiệt độ nước thải từ 25-30°C, pH = 6,5-8,5. Oxy hòa tan DO trong bể hiếu khí luôn lớn hơn 2 mg/l tạo điều kiện môi trường tối ưu cho vi sinh vật.

Nước thải sau xử lý sinh học hiếu khí chảy về bể lắng sinh học.

Bể lắng sinh học:

Nước sau khi xử lý hiếu khí thì hỗn hợp bùn tự chảy sang bể lắng, tại đây phần bùn sẽ lắng xuống đáy bể, phần nước trong sẽ được thu trên máng thu nước và tự chảy sang bể khử trùng. Bùn lắng ở bể lắng chủ yếu là bùn hữu cơ. Lượng bùn này sẽ được 01 bơm bùn bơm tuần hoàn về ngăn xử lý sinh học thiếu khí anoxic, một phần để đảm bảo nồng độ bùn trong bể và phần còn lại bùn dư được bơm sang bể chứa bùn.

Nước thải từ bể lắng chảy sang bể khử trùng.

Bể khử trùng:

Nước trong chảy vào bể khử trùng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Chlorine là chất khử trùng được sử dụng phổ biến do hiệu quả diệt khuẩn cao. Quá trình khử trùng nước xảy ra qua 2 giai đoạn: đầu tiên chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến vi sinh vật bị tiêu diệt. Sau khi được khử trùng nước thải được bơm sang xử lý bơm ra nguồn tiếp nhận.

Bồn lọc áp lực:

Bồn lọc có nhiệm vụ loại bỏ các chất ô nhiễm dạng mạch vòng không thể xử lý bằng sinh học, lọc các cặn lắng có kích thước nhỏ mà không lắng được ở bể lắng vi sinh, loại bỏ SS các chất vô cơ, có nhiệm vụ khử mùi, màu, các chất hữu cơ dạng vết có trong nước thải trước khi ra ngoài. Nước sau khi qua bồn lọc áp lực được đổ ra nguồn tiếp nhận.

Bể chứa bùn:

Khi nồng độ bùn hoạt tính của bể sinh học hiếu khí dư thì bùn hoạt tính dư cần xả bỏ vào bể chứa bùn, tại đây bùn được nén, tách nước (phần nước được dẫn về bể điều hòa), bùn sẽ bị phân hủy. Định kỳ hoặc khi lượng bùn trong bể cao sẽ liên hệ đơn vị thu gom có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

Nước thải sau HTXL được lưu chứa tại hồ có lót bạt chống thấm HDPE, trước khi đưa vào tái sử dụng. Kết quả phân tích các thông số đạt quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $k_q=1,2$; $k_f=1,2$.



Hình 4.5. Hệ thống xử lý nước thải 15m³/ngày.đêm

Thông số cơ bản của HTXL nước thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.2. Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
A	BỂ điều hòa, TK01	Thể tích: 7.5 m ³ Vật liệu: Bê tông	BỂ	1
1	Bơm nước thải dạng thả chìm HCP model: F21U	Loại chìm Lưu lượng: 9m ³ /h Công suất (HP) : 1	Cái	2
B	BỂ Anoxic, TK02	Thể tích : 20.25 m ³ Vật liệu : Bê tông	Cái	1
1	Máy khuấy chìm EVERGUSH Model: EFM-05T	Loại chìm Công suất: 1/2HP	Cái	2
2	Bơm định lượng hoá chất dinh dưỡng	Lưu lượng: 50 lít/giờ Công suất: 45W	Cái	1
3	Bồn chứa hoá chất	Thể tích: 500 lít Vật liệu: nhựa	Cái	1
C	BỂ MBBR, TK03	Thể tích: 31.5 m ³ Vật liệu: Bê tông Phụ kiện : Máy thổi khí	BỂ	1
1	Máy thổi khí LONGTECH-TAIWAN	Lưu lượng: 1.76 m ³ /phút Công suất: 2.2 kw	Cái	2
2	Đĩa thổi khí	Đường kính : 273 mm Lưu lượng : 9,5m ³ /h	Cái	20
3	Giá thể vi sinh	Diện tích bề mặt : 850-	m ³	3

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		$950\text{m}^2/\text{m}^3$ Kích thước : 15x10 mm Số lỗ : 8 lỗ Vật liệu : Nhựa		
4	Bơm nước thải dạng thả chìm Model BAS-300A	Loại chìm Lưu lượng: $9\text{ m}^3/\text{h}$ Công suất: 1/3 HP	Cái	2
D	Bể lắng sinh học, TK04	Thể tích: 15 m^3 Vật liệu: Bê tông	Bể	1
1	Bơm nước thải dạng thả chìm	Loại chìm Lưu lượng: $9\text{m}^3/\text{h}$ Công suất: $\frac{1}{2}$ HP	Cái	1
E	Bể khử trùng, TK-04	Thể tích: 19 m^3 Vật liệu: Bê tông		1
1	Bơm định lượng	Lưu lượng: 50 lít/giờ Công suất: 45W	Cái	1
2	Bồn chứa hoá chất	Thể tích : 200L Vật liệu : Nhựa	Cái	1
F	Bồn Lọc Áp Lực	Vật liệu : Composite Thể tích: 0.3m^3	Cái	1
1	Bơm nước trục ngang, Ebara Model : CDX90-10	Loại : trục ngang Lưu lượng : $4\text{m}^3/\text{h}$ Cột áp : 20m	Cái	2

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
G	Bồn Trung Hòa	Thể tích : 2m ³ Vật liệu : Nhựa	Cái	1
1	Bơm nước thải dạng thả chìm Model BAS-300A	Loại chìm Lưu lượng: 9.0 m ³ /h Công suất: 1/3 HP	Cái	1
2	Bơm định lượng NaOH	Lưu lượng : 50 lít/giờ Công suất : 45W	Cái	1
3	Bồn chứa hoá chất	Thể tích : 200L Vật liệu : Nhựa	Cái	1
H	Bồn Keo Tụ	Thể tích : 500 lít Vật liệu : inox	Cái	1
1	Bơm định lượng PAC	Lưu lượng : 50 lít/giờ Công suất : 45W	Cái	1
2	Bồn chứa hoá chất	Thể tích 200 lít Vật liệu : Nhựa	Cái	1
III	Bồn Tạo Bông	Thể tích : 500 lít Vật liệu : inox	Cái	1
1	Bơm định lượng Polymer	Lưu lượng: 50 lít/giờ Công suất: 45W	Cái	1
2	Motor khuấy hoá chất bồn Polymer	Công suất : ½ HP	Cái	2
3	Bơm nước dạng thả chìm Model BAS-300A	Công suất : 1/3 HP Lưu lượng : 9 m ³ /h	Cái	1

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
J	Bể Lắng Hóa Lý	Thể tích : 2m ³ Vật liệu : inox	Cái	1
K	Bồn PAC	Thể tích: 0,2 m ³ Vật liệu: PE	Bồn	1
1	Bom PAC	Lưu lượng: 100 lít/h Công suất : 45W	cái	1
G	Bồn Polymer	Thể tích: 0,5 m ³ Vật liệu: PE	Bồn	1
	Bom PAC	Lưu lượng: 100 lít/h Công suất : 45W	cái	1
H	Đường ống và phụ kiện	Vật liệu: PVC, SGP	Hệ thống	1
J	Tủ điện		Hệ thống	1

Bảng 4.3. Danh mục hoá chất cho hệ thống xử lý nước thải

STT	Loại hoá chất	Đơn vị	Lượng dùng/ngày
1	PAC	(kg/ngày)	3
2	Polymer	(kg/ngày)	5
3	Chlorine	(kg/ngày)	7
	Tổng cộng (kg/ngày)		15

 Quy trình vận hành HTXL nước thải:

Vận hành các thiết bị trong phạm vi điều khiển của tủ điều khiển trung tâm.

Sau khi tiến hành các bước kiểm tra và chuẩn bị hóa chất, ta tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động theo các quy trình sau:

Bước 1: Mở cửa tủ điều khiển (TĐK) trung tâm, kéo các công tắc trên các CB con để chuyển tất cả CB con sang vị trí ON (nếu trước đó chưa bật). Điều này cho phép điện đã sẵn sàng ở các tiếp điện vào của tất cả các khởi động từ.

Bước 2: Đóng cửa tủ điều khiển:

Bước 3: Sau khi đã chuẩn bị xong TĐK, chuyển sang bước 4 bắt đầu tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động. Trường hợp có sự cố, dừng và kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục, sau khi giải quyết xong thì chuyển sang bước 4.

a. Vận hành ở chế độ tự động:

Bước 4: Bật công tắc của các thiết bị tại vị trí “AUTO”. Lúc này các thiết bị sẽ được điều khiển bởi PLC, các thiết bị sẽ hoạt động theo chương trình cài đặt như đã nêu tại bảng trên.

b. Vận hành ở chế độ không tự động:

Chế độ vận hành không tự động chỉ sử dụng trong trường hợp thử máy. Khi đó chỉ cần bật máy sáng chế độ MAN. Lưu ý trong khi vận hành các máy bơm ở chế độ không tự động, cần theo dõi mực nước, không để bị cạn, có thể cháy bơm.

c. Dừng do sự cố:

- Khi hệ thống điện gặp sự cố chạm đất, CB tổng sẽ tự động ngắt. Trước khi khởi động lại hệ thống cần phải kiểm tra và khắc phục thiết bị đã bị chạm.

- Khi đèn vàng trên bảng điều khiển bật sáng báo hiệu máy/thiết bị tại vị trí tương ứng gặp sự cố ð bật công tắc và CB của thiết bị đó sang vị trí “OFF” để kiểm tra và phát hiện sự cố.

Lưu ý: Trong trường hợp dừng hệ thống bằng nút EM.STOP hoặc bằng đóng CB tổng trong TĐK hoặc do cúp điện thì khi khởi động lại nên bật tất cả các công tắc về trạng thái OFF và thực hiện lại quá trình vận hành từ Bước 1 như trên. Điều này giúp tránh các máy đồng loạt khởi động gây sụt áp hệ thống

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý khí thải:

Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông:

Trong quá trình hoạt động sản xuất, nguyên vật liệu được vận chuyển tới Dự án bằng phương tiện vận tải. Hoạt động vận chuyển sẽ làm phát sinh bụi và khí thải gây ô nhiễm môi trường không khí. Nguồn khí thải do sử dụng nhiên liệu đốt cháy (dầu DO) gây tác động đến môi trường và công nhân làm việc tại Dự án.

Toàn bộ khối lượng nguyên vật liệu, sản phẩm được vận chuyển bằng xe có tải trọng 5-16 tấn, tổng số xe vận chuyển ước tính khoảng 3 chuyến/ngày. Quảng đường vận chuyển khoảng 20 km.

Số lượng các phương tiện của dự án như sau:

- Số lượng xe máy của cán bộ, công nhân viên tại nhà máy: 150 lượt xe máy.
- Số lượng xe ô tô dùng cho Ban giám đốc, khách hàng: 2 lượt ô tô.
- Số lượng xe tải chở nguyên vật liệu, sản phẩm: 3 lượt xe tải.

*** Tải lượng ô nhiễm**

Theo báo cáo “Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại TP.HCM” cho thấy lượng nguyên liệu tiêu thụ trung bình tính chung cho các loại xe gắn máy 2, 3 bánh là 0,03 lít/km, cho các loại ô tô là 0,15 lít/km và các loại xe tải chạy dầu là 0,3 lít/km.

Bảng 4.4. Lượng nhiên liệu sử dụng của các phương tiện giao thông

STT	Loại xe	Số lượt xe/ngày	Lượng nhiên liệu tiêu thụ (lít/km)	Tổng lượng tiêu thụ (lít/ngày)	Tổng lượng nhiên liệu (kg/ngày)
1	Xe máy	150	0,03	4,5	3,24
2	Xe ô tô	2	0,15	0,3	0,25
3	Xe tải	3	0,3	0,9	0,76

Ghi chú:

- Xe tải và ô tô sử dụng nguyên liệu DO với khối lượng riêng 0,85 kg/lít.
- Xe máy sử dụng nguyên liệu là xăng với khối lượng riêng 0,72 kg/lít.

Hệ số ô nhiễm của các khí thải theo tài liệu “Assessment of Sources of Air, Water, and Land Polluton” của Tổ chức sức khoẻ Thế giới (WHO) được thống kê ở bảng sau:

Bảng 4.5. Hệ số và tải lượng khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông

Thông số	Hệ số phát thải (kg/1.000km)			Tải lượng (kg/ngày)			Tổng tải lượng (kg/ngày)
	Xe máy	Xe ô tô	Xe tải	Xe máy	Xe ô tô	Xe tải	
Bụi	-	0,05	0,9	-	0,0003	0,009	0,0093
SO ₂	0,76S	1,23S	4,15S	3,2x10 ⁻⁴	3,2x10 ⁻⁶	3,2x10 ⁻⁵	3,2x10 ⁻⁴
NO _x	0,3	1,43	14,4	0,013	0,007	0,147	0,23

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

CO	20	2,96	2,9	0,852	0,02	0,03	0,902
VOC	3	0,28	0,8	0,128	0,001	0,008	0,137

(Nguồn: WHO, Geneva)

Ghi chú:

- Hàm lượng lưu huỳnh trong xăng là 0,01% và trong dầu DO là 0,05 % (theo TCCS 03:2016/SP của Công ty Saigon Petro).

- Tải lượng (kg/ngày) = Hệ số phát thải (kg/1000km) x Lượng nhiên liệu (kg/ngày) x Quãng đường xe chạy (km).

Lượng bụi và khí thải này chỉ ảnh hưởng tức thời khi có xe lưu thông ra, vào không tập trung tại một điểm mà phân bố di chuyển rải rác trong ngày nên mức độ ảnh hưởng sẽ thấp hơn so với tải lượng tính toán và mức độ ảnh hưởng đến môi trường là không cao. Chủ dự án sẽ có biện pháp quản lý nội quy nhằm giảm thiểu tác động của các phương tiện giao thông để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh.

Biện pháp giảm thiểu:

Về vấn đề ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông vận tải, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp để hạn chế tối đa nguồn ô nhiễm trên gồm:

- Kho bãi, đường giao thông nội bộ trong khuôn viên dự án đã được bê tông và được vệ sinh thường xuyên;

- Quy định các phương tiện giao thông không được chở quá trọng tải quy định;

- Bảo dưỡng phương tiện theo đúng định kỳ;

- Không để nổ xe máy lâu trong khu vực khi chờ bốc hàng hoặc dỡ hàng;

- Bê tông hoá các tuyến đường giao thông bên trong công ty, thường xuyên vệ sinh các tuyến đường;

- Chọn sử dụng nhiên liệu tốt, có hàm lượng lưu huỳnh thấp cho các phương tiện.

- Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình vận chuyển. Không sử dụng các loại xe vận chuyển không được đăng kiểm, kiểm định.

- Tăng cường trồng thêm diện tích cây xanh nhằm tạo bức tường chắn giảm thiểu phát tán bụi ra ngoài môi trường xung quanh.

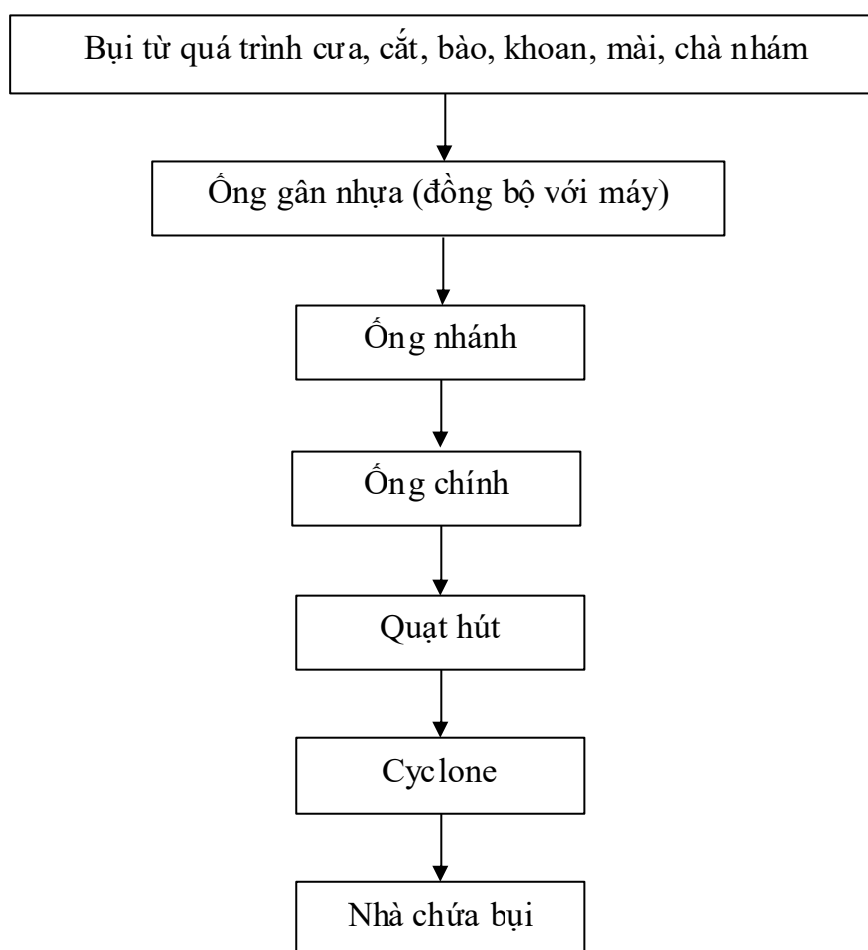
Các biện pháp trên sẽ làm giảm thiểu ô nhiễm không khí bởi các tác nhân như khói bụi, khí thải, bụi do lưu thông, tiếng ồn động cơ và tai nạn giao thông do chất lượng xe được bao dưỡng thường xuyên.

🌈 Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ dây chuyền sản xuất:

³ Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình gia công đồ gỗ:

Trong quá trình gia công đồ gỗ sẽ phát sinh bụi gỗ từ các công đoạn: cưa, cắt, bào, khoan, chà nhám,... Để hạn chế ảnh hưởng từ bụi, khí thải đến môi trường xung quanh và công nhân làm việc tại khu vực của Dự án, Công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý, đầu tư lắp đặt quạt thông gió, hệ thống cyclone thu gom bụi.

- Đối với bụi thô phát sinh từ các nhà máy cưa cắt, khoan, bào,... sẽ có kích thước tương đối lớn (dao động từ vài trăm đến vài ngàn μm). Bụi này sẽ được thu gom về hệ thống thu gom cyclone để xử lý. Tại các máy cưa cắt, khoan, bào,... sẽ trang bị các chụp hút để thu gom bụi. Sơ đồ thu gom, xử lý bụi thô như sau:



Hình 4.6. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi

Thuyết minh sơ đồ công nghệ:

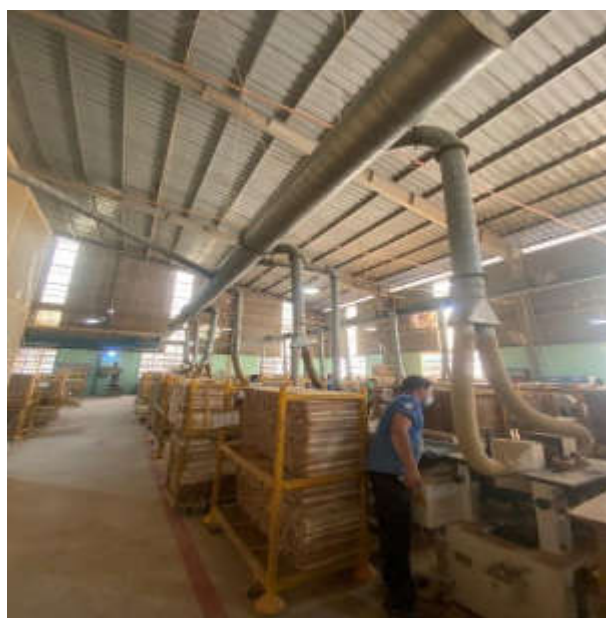
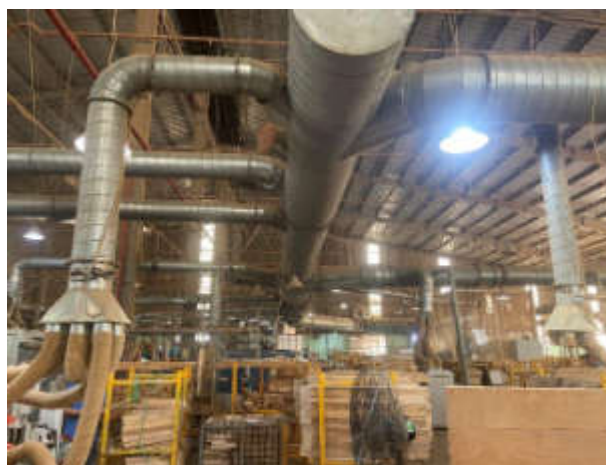
Bụi phát sinh từ các công đoạn cưa, cắt, khoan, bào, mài, chà nhám,... được gắn chụp hút thu gom và dẫn bụi đến cyclone lọc bụi qua các đường ống gân nhựa được gắn đồng bộ với máy. Tại cyclone, không khí có chứa bụi được đưa vào phần trên của cyclone bằng một đường ống lắp theo phương tiếp tuyến với vỏ ngoài hình trụ của cyclone. Do vậy mà dòng không khí sẽ có hướng chuyển động xoắn ốc bên trong vỏ hình trụ và hạ dần về phía dưới. Khi gặp phần đáy hình phễu dòng khí sẽ bị đẩy ngược trở lên, trong khi đó dòng khí vẫn giữ chuyển động xoắn ốc và thoát ra ngoài qua đường ống ở phía trên đỉnh của cyclone. Trong quá trình chuyển động xoắn ốc, các hạt bụi chịu tác dụng của lực ly tâm làm cho chúng có xu hướng tiến dần về phía vỏ hình trụ hoặc đáy hình phễu rồi chạm vào thành của cyclone và rơi xuống phía dưới còn khí sạch sẽ được di chuyển lên trên và phát tán vào môi trường. Ở đáy của phễu cyclone, có lắp van xả bụi vào thiết bị thu bụi.

Lượng bụi tại phễu thu được thu gom vào bao kín và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Bụi phát sinh từ công đoạn bào có kích thước tương đối lớn nên quá trình xử lý bằng cyclone loại bỏ đến 96% lượng bụi phát sinh.

Bảng 4.6. Thông số kỹ thuật của HTXL bụi gỗ

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Kích thước	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống thu gom	1	25 m	Ø120 mm
2	Đường ống dẫn	5	30 m, 25 m, 25 m, 16 m, 30 m	Ø400 mm, Ø250 mm, Ø200 mm, Ø180 mm, Ø150 mm
3	Đường trung tâm	5	20 m, 8 m, 18 m, 10 m, 36 m	Ø1000 mm, Ø800 mm, Ø600 mm, Ø400 mm, Ø350 mm
4	Quạt hút	5		50 HP, 40HP, 30HP
5	Cyclone	5	5 m	Ø1000 mm

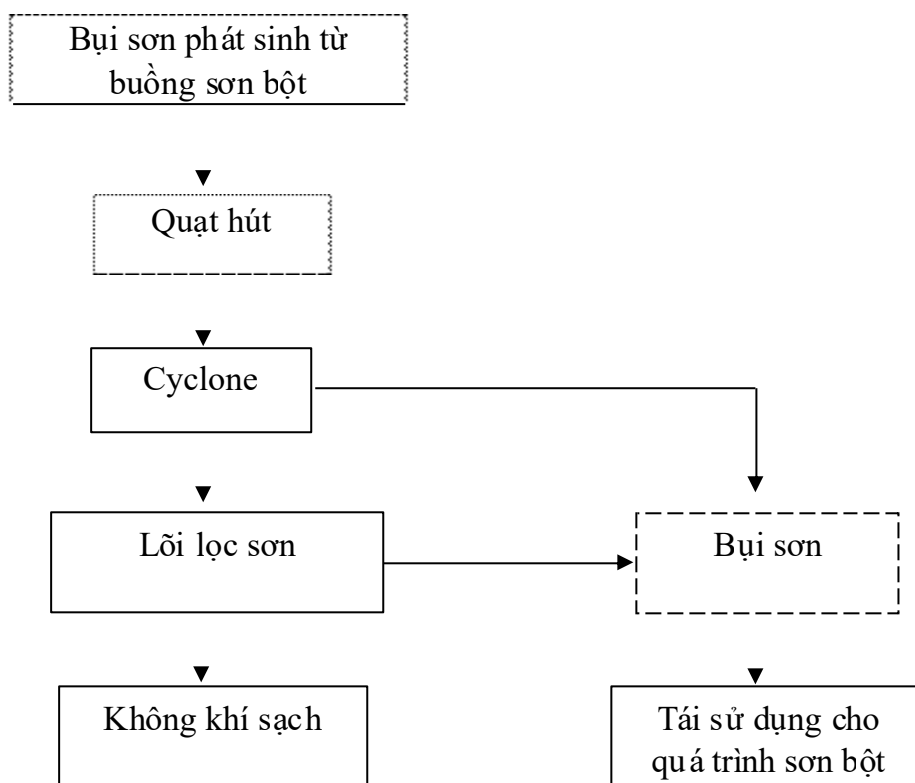


Hệ thống xử lý, thu hồi bụi gỗ

Ống chụp hút bụi đồng bộ với máy móc

Hình 4.7. Hệ thống thu gom và xử lý bụi gỗ

 **Giảm thiểu bụi, hơi dung môi từ công đoạn sơn tĩnh điện:**



Hình 4.8. Sơ đồ hệ thống hút bụi sơn tĩnh điện

Thuyết minh quy trình:

Không khí chứa lượng bột sơn không bám vào sản phẩm sản phẩm được hút lại từ khu vực buồng sơn bằng quạt, sau đó được dẫn qua đường ống đến thiết bị thu hồi sơn sử dụng cyclone. Tại thiết bị cyclone, luồng khí thải chứa bột sơn đi vào và di chuyển theo hình xoắn ốc, hướng xuống dưới. Những hạt bụi lớn hơn sẽ chịu tác động của lực ly tâm và văng xa trục hơn. Các hạt bụi sơn đó rơi và lắng xuống đáy cyclone, bột sơn này được thu gom và tái sử dụng cho quá trình sơn tĩnh điện. Luồng khí thải sau khi ra khỏi cyclone được dẫn qua lõi lọc bụi để giữ lại các hạt bụi lơ lửng (không lắng xuống đáy cyclone). Lõi lọc sơn tĩnh điện giữ lại các hạt bụi có kích thước lớn hơn thông qua các khe vải. Luồng khí qua màng lọc được phóng ra ngoài đã đáp ứng tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Sau một thời gian sử dụng, lõi lọc sẽ được thay thế và loại bỏ. Bột sơn thu hồi được tái sử dụng quá trình sơn bột.



HTXL sơn tĩnh điện



Lõi lọc bụi sơn tĩnh điện

Hình 4.9. Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn sơn tĩnh điện

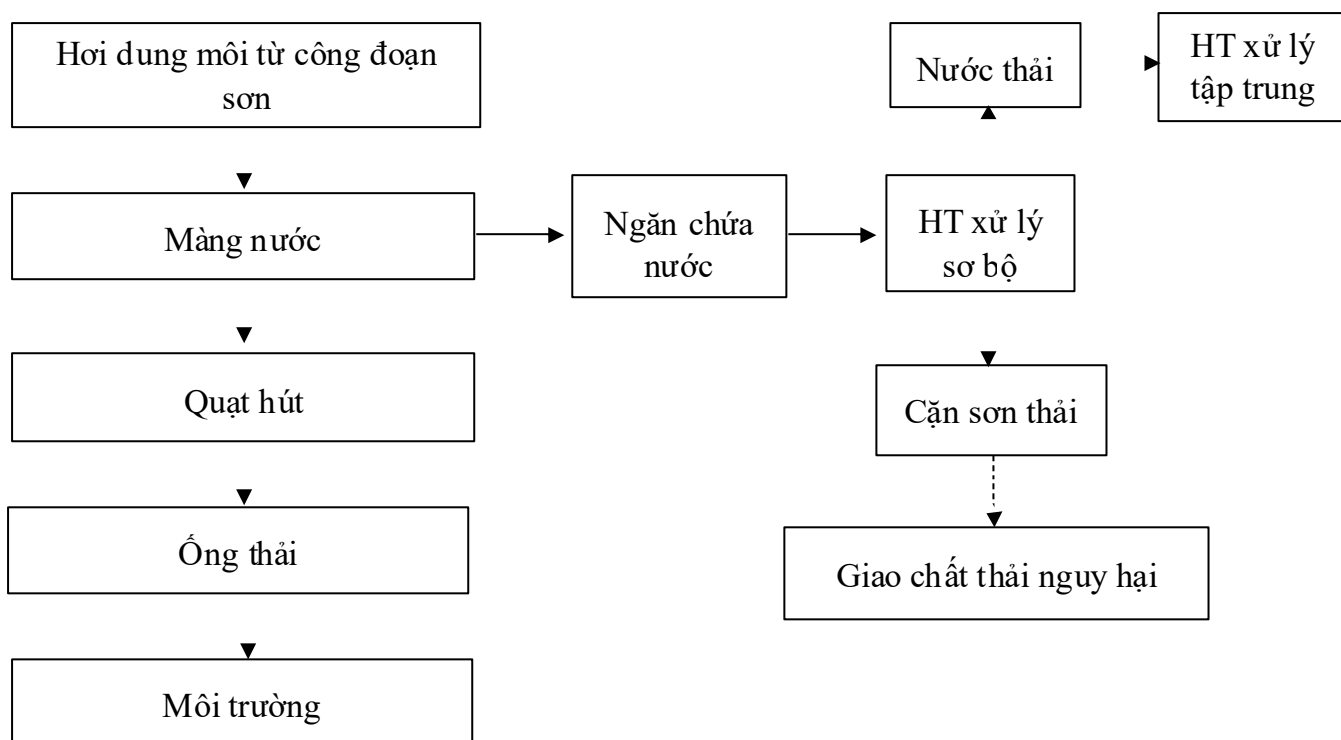
Bảng 4.7. Thông số kỹ thuật HTXL bụi, hơi dung môi sơn tĩnh điện

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút	Cái	1	40HP/ 1400RPM
2	Cyclone	Cái	10	Ø600 x 25 m
3	Ống khói	Cái	2	Ø500 x 12 m
4	Ống khói	Cái	2	Ø350 x 12 m

🌈 Giảm thiểu bụi, hơi dung môi từ quá trình sơn màng nước:

Bụi sơn phát sinh từ công đoạn phun sơn chủ yếu là bột màu có trong sơn. Hơi dung môi phát sinh chủ yếu là chất hữu cơ bay hơi trong sơn.

Nhằm đảm bảo môi trường làm việc của công nhân, Công ty đã lắp đặt 04 buồng phun sơn sử dụng hệ thống phun màng nước tại khu vực phun sơn, cụ thể như sau: 01 buồng phun sơn đôi, 03 buồng phun sơn đơn.



Hình 4.10. Sơ đồ hệ thống hút bụi công đoạn sơn màng nước

Thuyết minh quy trình:

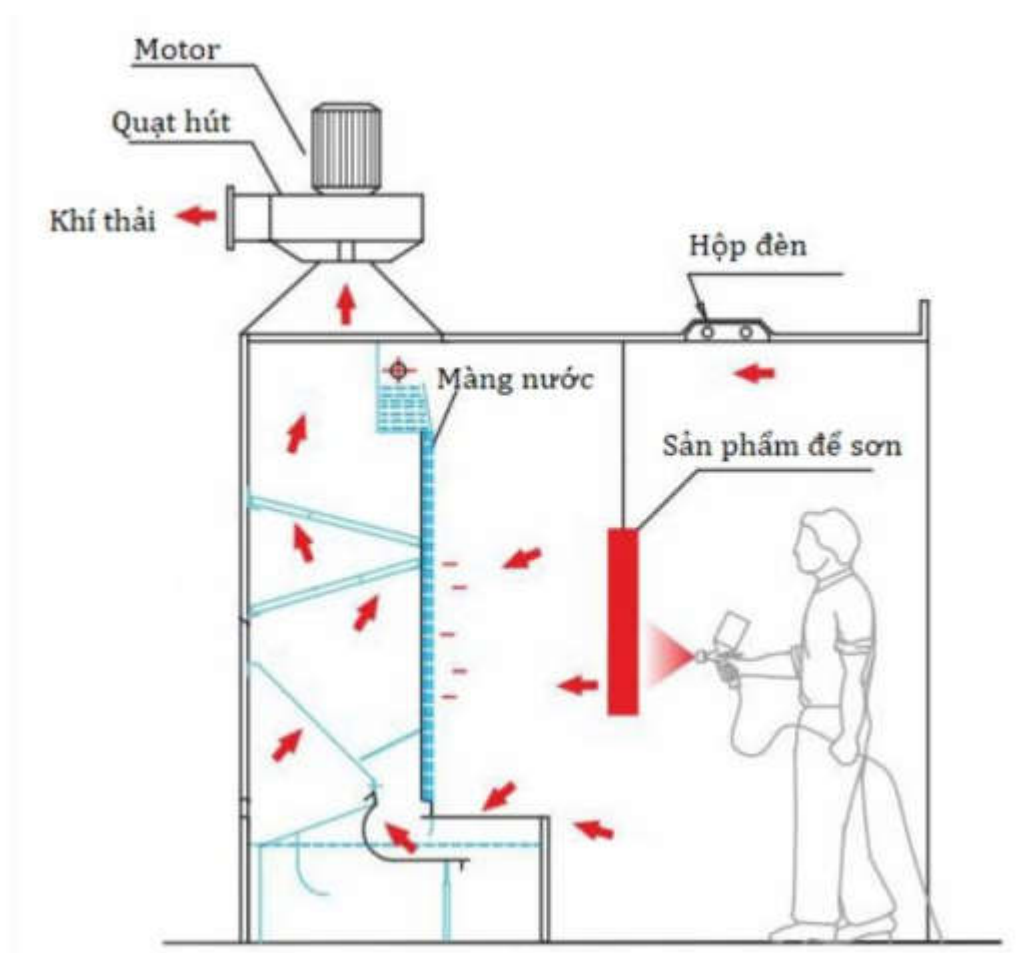
Nước được chứa trong ngăn lắng của thiết bị và được bơm tuần hoàn lên máng tràn, nước chảy thành màng dọc theo tấm inox bề mặt của thiết bị tạo thành một màng nước liên tục. Sản phẩm được treo lên hệ thống dàn treo và được thực hiện phun sơn trước khu vực màng nước.

Bụi sơn và hơi dung môi bắn ra từ quá trình sơn được cuốn vào màng nước chuyển động liên tục, sự tiếp tục giữ pha khí và pha nước, các hạt bụi, hơi dung môi có dòng khí sẽ được bám dính vào pha nước và theo dòng nước rơi xuống ngăn lắng bên dưới. Phần khí sẽ theo đường ống thải thoát ra ngoài môi trường nhờ lực quạt hút cao áp. Cặn rơi xuống ngăn lắng dưới tác dụng của trọng lực sẽ lắng xuống đáy, phần nước trong được tuần hoàn lên máng tràn. Nước thải sẽ được thải bỏ định kỳ hàng tháng xả về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty và cặn sơn được thu hồi và chuyển giao xử lý như CTNH.

Ngoài ra, để đảm bảo sức khỏe công nhân, tại khu vực sơn, công nhân phun sơn phải đeo bảo hộ lao động như kính, găng tay, khẩu trang để giảm thiểu việc hít phải hơi dung môi hữu cơ.



Hình 4.11. Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn sơn màng nước



Hình 4.12. Nguyên lý hoạt động của buồng sơn màng nước

Bảng 4.8. Thông số kỹ thuật HTXL bụi, hơi dung môi sơn màng nước

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút	Cái	10	- Lưu lượng: 27.000m ³ /h - Motor: 1.400 vòng/phút
2	Màng nước	Bộ	4	- Loại: 3 bộ 1 mặt, 1 bộ 2 mặt - Vật liệu: Inox 304 - Máng tràn nước: Inox 304 - Bơm nước tuần hoàn : 1HP
3	Ống thải khí	Cái	10	- Vật liệu: Thép tấm mạ kẽm - Đường kính: Ø600 mm - Chiều cao: 8m

 Giảm thiểu bụi từ quá trình gia công cơ khí:

Bụi từ quá trình cắt, tạo hình sẽ có kích thước nhỏ dễ phát tán rộng gây ảnh hưởng đến công nhân làm việc cũng như môi trường xung quanh. Do vậy Công ty sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Lắp đặt quạt hút công nghiệp để thông thoáng nhà xưởng, bố trí quạt công nghiệp phía sau công nhân để bụi kim loại khi phát sinh sẽ được đẩy ra phía trước, không tác động trực tiếp sản xuất.

- Thường xuyên tổ chức vệ sinh máy, thu gom bụi rơi vãi trong xưởng sản xuất bằng máy hút bụi công nghiệp, hạn chế bụi sa lắng phát tán ngược lại môi trường không khí (tổ chức vệ sinh vào cuối ca sản xuất).

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn trong nhà xưởng đều được trang bị khẩu trang, mắt kính, mặt nạ cần thiết để đảm bảo an toàn.

- Trang bị mắt kính cho tất cả công nhân viên làm việc cũng như khách hàng khi ra vào xưởng.

- Trang bị quần áo bảo hộ (vải có độ dày thích hợp) để công nhân không bị mảnh kim loại bắn vào người, gây trầy xước và thương tật.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án và dọc đường giao thông với các loại cây có tán lớn, lâu năm, cây bụi, thảm cỏ,... Cây xanh có vai trò chắn bụi, chắn gió hạn chế việc phát tán bụi đi xa. Cây xanh cung cấp oxy cho không khí, trong quá

trình tổng hợp dinh dưỡng, cây xanh hấp thụ khí CO₂ và một số loại bụi có hại khác thải ra môi trường và biến đổi thành khí O₂, cung cấp cho hoạt động hô hấp của con người.



Hình 4.13. Công nhân gia công cơ khí

Giảm thiểu tác động khói hàn:

Để đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Công nhân hàn được trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho quá trình hàn đầy đủ như: áo quần bảo hộ, khẩu trang, bao tay, kính chuyên dụng.

- Khu vực hàn tách riêng biệt với các khu vực khác nhằm tránh ảnh hưởng đến công nhân tại khu vực này.

- Đối với công đoạn hàn được thực hiện trong môi trường không khí mở, khí thải được phát tán trong môi trường rộng nên việc thu gom khó khăn. Tuy nhiên, công nghệ hàn của dự án không sử dụng chất độc hại, thành phần của khói hàn chủ yếu là CO₂,... mức độ nguy hại không cao đối với môi trường và không khí. Tuy nhiên, trong nhà xưởng Công ty sẽ trang bị quạt hút công nghiệp ở vách nhà xưởng để tăng cường trao đổi không khí ô nhiễm trong nhà xưởng với không khí sạch bên ngoài, để đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân.

- Bên ngoài nhà xưởng sẽ được trồng cây xanh xung quanh khuôn viên, cây xanh vừa tạo cảnh quan cho nhà xưởng, vừa có vai trò điều hoà khí hậu. Với khí CO₂ từ khói hàn sẽ được cây xanh hấp thụ thông qua quá trình quang hợp và tạo thành khí oxy, cung cấp lại môi trường không khí, nhờ vậy mà không khí được làm sạch.



Hình 4.14. Cây xanh trong khuôn viên của công ty

🌿 Giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý cần được vận hành liên tục, đúng quy cách kỹ thuật.

Thường xuyên theo dõi, xử lý sự cố xảy ra để giảm thiểu tác động từ mùi hôi do nước thải không được xử lý, tồn đọng, giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động của mùi hôi đến môi trường.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

2.3.1. Dự báo về khối lượng chất thải rắn sin hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh

🌿 Chất thải sinh hoạt:

- Chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động: Với số lượng lao động của dự án khi đi vào hoạt động ổn định là 310 người, lượng rác thải trung bình lấy bằng 0,8 kg/người/ngày (*Nguồn: QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng*) thì tổng lượng chất thải sinh hoạt là khoảng:

Bảng 4.9. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

STT	Nhóm CTRSH	Khối lượng hiện hữu (kg/ngày)	Tổ chức tiếp nhận chất thải sinh hoạt
1	Chất thải rắn sinh hoạt	248	Công ty TNHH Môi trường Trà Nguyên
	Tổng khối lượng	248	-

(Nguồn: Công ty TNHH Bình B.F.C)

Công ty hợp đồng với Công ty TNHH Môi Trường Trà Nguyên theo hợp đồng dịch vụ số 01/2024/HĐKT-RSH/BBFC ngày 30/12/2023 vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (thời hạn hợp đồng đến 31/12/2024).

Quy trình thu gom chất thải rắn: Vào cuối ngày làm việc, nhân viên mang các túi nylon chứa rác sinh hoạt về kho chứa chất thải và chứa trong khu vực dành cho chất thải sinh hoạt. Khu vực chứa chất thải sinh hoạt sạch sẽ, khô ráo, thường xuyên quét dọn tránh ruồi nhặng. Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Trà Nguyên về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo hợp đồng số 01/2024/HĐKT-RSH/BBFC ký ngày 30/12/2023. Định kỳ 01 lần/ngày và theo yêu cầu của Công ty, Công ty TNHH Môi trường Trà Nguyên sẽ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.



Hình 4.15. Khu vực rác thải sinh hoạt

Chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn thông thường phát sinh từ Dự án bao gồm: Dăm bào, mùn cưa, gỗ vụn, kim loại vụn,.. Căn cứ vào phương trình cân bằng nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra chất thải rắn sản xuất phát sinh trong giai đoạn hoạt động được xác định trong bảng sau:

Bảng 4.10. Khối lượng chất thải rắn thông thường

STT	Tên chất thải	Mã CTTT	Đơn vị	Khối lượng phát sinh	Khối lượng dự kiến
1	Kim loại vụn	11 04 03	Tấn/năm	3,6	5,4
2	Phế phẩm từ quá trình gia công đồ gỗ: dăm bào, vụn, mùn cưa,...	09 01 03	Tấn/ năm	212	318
3	Vụn sợi nhựa		Tấn/năm	5	7,5
4	Bìa carton, giấy vụn		Tấn/năm	5	7,5
	Tổng cộng		Tấn/năm	225,6	338,4



Kim loại vụn



Gỗ thừa

Hình 4.16. Chất thải rắn thông thường

Chất thải nguy hại:

Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất bao gồm: cặn sơn thải, bóng đèn huỳnh quang, bùn thải, hộp mực in thải, giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại,....

Bảng 4.11. Khối lượng chất thải nguy hại

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Cặn sơn thải	Rắn	08 01 01	KS	60
2	Bóng đèn LED	Rắn	15 02 14	NH	10
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	KS	130
4	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	5
5	Giẻ lau, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	54
6	Xỉ hàn	Rắn	07 04 02	KS	13
7	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	NH	40
8	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	36
9	Bao bì kim loại thải	Rắn	18 01 02	KS	600
10	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	KS	720
	Tổng cộng				1.668

Trong đó ký hiệu phân loại chất thải dựa theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT:

- KS (Kiểm soát): Cần áp dụng ngưỡng CTNH theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng CTNH để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- NH (Nguy hại): Chất thải nguy hại trong mọi trường hợp.

- TT-R: Chất thải rắn công nghiệp thông thường trong mọi trường hợp.

Công ty hợp đồng với Công ty TNHH Thương Mại – Xử lý Môi trường Thành Lập theo hợp đồng dịch vụ số 170324/HĐKT/TL-BFC ngày 17/03/2024 vận chuyển và xử lý chất thải (thời hạn hợp đồng đến 17/03/2025).

Chất thải nguy hại được thu gom, quản lý nghiêm ngặt và hợp đồng với đơn vị xử lý theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.3.2. Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt: Chủ yếu là bao bì, giấy, nylon, nhựa, rau quả thừa,... khoảng 250kg/ngày. Rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn, Chủ Dự án sẽ bố trí các thùng rác tại khu vực văn phòng, các nhà xưởng tại các khu vực này để lưu trữ. Đồng thời, Chủ Dự án sẽ hợp đồng với Đơn vị có chức năng thu gom và xử lý rác sinh hoạt theo đúng quy định định kỳ 1 ngày/lần.

Chất thải rắn thông thường: Chủ yếu là dăm bào, gỗ vụn,... phát sinh hằng ngày sẽ được công nhân thu gom vào cuối mỗi ngày làm việc, ước tính khoảng 580 kg/ngày, sau đó đưa về kho chứa chất thải thông thường với diện tích 15 m², đồng thời hợp đồng với Đơn vị có chức năng để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định.

- Dăm bào, gỗ vụn tại các máy cưa, máy bào trong công đoạn cưa cắt gỗ sẽ được công nhân quét dọn, thu gom vào cuối ngày cho vào các thùng chứa, bao chứa và tập kết tại nhà chứa chất thải công nghiệp của Dự án. Sau đó hợp đồng với đơn vị có nhu cầu đến thu gom.

- Bụi gỗ sau hệ thống cyclone thu bụi thu gom vào nhà chứa bụi, sau đó định kỳ 1 tuần/lần được công nhân đóng bao và đưa về kho chứa chất thải, tiếp đó bán lại cho các đơn vị có nhu cầu. Bao chứa phải đậy kín miệng bao, tránh gây rơi vãi bụi trong quá trình vận chuyển.

- Bao bì thải, giấy vụn từ văn phòng sẽ thu gom vào khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường và bán phế liệu khi khối lượng đủ lớn.

Thông số kỹ thuật của kho lưu giữ chất thải thông thường:

- + Tổng diện tích sàn là 15m².
- + Cửa kín.
- + Xây dựng tường, tô trát và quét sơn nước, nền bê tông, có mái che và phân thành từng ô riêng biệt.
- + Có gờ chống tràn/ rò rỉ khi gặp sự cố.
- + Chất thải được phân loại chứa trong thùng, trên thùng có dán nhãn ghi thông tin về chất thải,...



Khu chứa mùn cưa, dăm bào, gỗ,...



Khu chứa phế liệu

Hình 4.17. Khu lưu giữ chất thải thông thường

Chất thải nguy hại: Dự án thu gom, phân loại, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chất thải nguy hại của Dự án gồm: giẻ lau dính CTNH, hộp mực in, bóng đèn huỳnh quang, cặn sơn thải, bùn thải,... sẽ được chứa vào các thùng chứa riêng biệt và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Cụ thể:

Diện tích khu chứa chất thải nguy hại có diện tích 15m². Chất thải nguy hại theo cùng loại được đựng trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn các thông tin sau:

- + Tên chất thải nguy hại, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- + Mô tả nguy cơ do CTNH có thể gây ra (dễ cháy, dễ nổ, dễ bị oxy hoá,...)
- + Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 về “Chất thải nguy hại-dấu hiệu cảnh báo”

Hợp đồng với đơn vị có chức năng và năng lực định kỳ đến thu gom vận chuyển đem xử lý theo quy định. Dự án sẽ thu gom, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng

quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.



Hình 4.18. Khu lưu giữ chất thải nguy hại

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Quá trình hoạt động của Dự án phát sinh nhiều tiếng ồn do hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất như máy cưa, máy cắt, máy khoan, máy tiện,... Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn tới môi trường và sức khỏe của công nhân trực tiếp sản xuất, chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

- Đầu tư các thiết bị máy móc là các máy mới, hoạt động tự động, có hệ thống truyền động giảm tiếng ồn.
- Tập huấn cho công nhân lưu ý trong thao tác quá trình làm việc hạn chế để các kim loại va chạm gây tiếng ồn.
- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý.
- Xây dựng tường hàng rào xung quanh Dự án đồng thời trồng cây xanh để hạn chế tiếng ồn lan truyền ra khu vực xung quanh.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ quá trình thực hiện

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.5.1. Sự cố của Hệ thống xử lý nước thải:

Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

Thường xuyên kiểm tra định kỳ bảo trì tuyến đường ống, bể đỡ ống để có đánh giá và thay thế cần thiết.

Giao công nhân vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.

Bảo dưỡng van theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra môi trường.

2.5.2. Sự cố của bể tự hoại:

Thường xuyên kiểm tra các chỗ có khoảng rò rỉ khí như đường ống, van khí, chỗ nối,... Khu vực hầm cầu phải được vệ sinh, bơm hút thường xuyên để hạn chế khí sinh học tích tụ nhiều tạo môi trường nguy hiểm cháy, nổ.

Các khu vực phát sinh khí sinh học đều phải sử dụng thiết bị điện phòng nổ phù hợp. Nghiêm cấm tuyệt đối bất kỳ nguồn lửa, nguồn nhiệt nào (cắm lửa, hút thuốc, sóng điện thoại) ở khu vực bể tự hoại, ở những nơi có khí thoát ra ngoài do đường ống hở.

2.5.3. Sự cố của hệ thống xử lý bụi gỗ:

Thiết kế, xây dựng hệ thống xử lý khí thải theo đúng theo quy chuẩn, công suất xử lý đảm bảo xử lý triệt để khí thải phát sinh.

Giao công trình vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.

Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị trong hệ thống hút khí thải phát sinh từ nhà xưởng, hệ thống xử lý khí thải. Khi hệ thống xử lý ra sự cố, nhà máy tạm thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố để khắc phục hệ thống giảm thiểu các tác động. Đồng thời trang bị đồ dùng bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong phân xưởng.

2.5.4. Sự cố của kho lưu giữ chất thải rắn:

Dự án giao cho người chịu trách nhiệm thu gom chất thải phải thống kê lượng chất thải phát sinh hằng ngày.

Trong trường hợp kho chứa bị quá tải Dự án sẽ tăng tần suất thu gom vận chuyển chất thải.

Đối với sự cố thùng chứa chất thải lỏng bị rò rỉ, tràn đổ: cần sử dụng các biện pháp như dùng cát khô, bột, các dụng cụ bao gói phù hợp để ngăn cản sự phát tán của chất thải ở khu vực đó rồi thông báo ngay cho cơ quan chức năng xử lý.

Người phụ trách thu gom chất thải phải được đào tạo để phân loại đúng chất thải không để xảy ra sai sót trong quá trình phân loại và phải được đào tạo biết kiểm tra an toàn kho chứa chất thải, dự báo được trước sự cố để có biện pháp phòng ngừa kịp thời.

Dự án thuê đơn vị đầy đủ chức năng để vận chuyển chất thải xử lý theo đúng quy định, giám sát nhà thầu thực hiện các biện pháp an toàn trong vận chuyển và yêu cầu nhà thầu trang bị các biện pháp ứng phó trường hợp xảy ra các sự cố.

2.5.5. Sự cố cháy nổ:

Sự cố cháy nổ có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

- Vận chuyển và tồn chứa nhiên liệu, dự trữ các loại nhiên liệu không đúng quy định.

- Vứt bừa tàn thuốc hay những nguồn lửa khác vào khu vực chứa nhiên liệu dễ cháy.

- Sự cố về các thiết bị điện.

- Sự cố sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ.

- Công đoạn hàn.

Có thể xác định các nơi có thể gây ra sự cố cháy nổ như sau:

- Khu vực chứa nhiên liệu chạy máy và bảo trì máy móc.

- Khu vực kho chứa nguyên liệu gỗ, hoá chất.

- Khu vực kho chứa thành phẩm.

- Khu chứa các vật liệu điện, các thiết bị sử dụng điện.

- Khu vực hàn.

Để phòng tránh sự cố cháy nổ, Dự án sẽ tiến hành thực hiện một số biện pháp như sau:

Nhà xưởng sẽ được thiết kế hệ thống PCCC về mặt kiến trúc công trình xây dựng và các hạng mục kỹ thuật cấp nước chữa cháy, chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng.

Đường nội bộ đảm bảo phương tiện cứu hoả đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực của nhà xưởng, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng để xe cứu hoả có thể khống chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong kho, xưởng. Kho cũng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng chất lan theo tường hoặc theo mái.

Trong khu sản xuất, kho chứa được lắp đặt hệ thống báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng.

Hệ thống cấp nước chữa cháy luôn được đảm bảo, hệ thống máy bơm chữa cháy sẽ lắp đặt đúng theo thiết kế kỹ thuật được duyệt. Trang bị thêm dụng cụ chữa cháy xách tay để chủ động ứng cứu sự cố.

Đối với các loại nhiên liệu dễ cháy phải được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn chặn sự cháy tràn lan khi có sự cố. Định kỳ kiểm tra các dụng cụ chứa lượng lưu trữ phải có giới hạn. Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn.



Hình 4.19. Hệ thống PCCC của Dự án

2.5.6. Tai nạn lao động:

Một số nguyên nhân gây tai nạn lao động:

- Tai nạn lao động do bất cẩn trong quá trình vận chuyển, lưu trữ và sử dụng hoá chất, nhiên liệu và máy móc thiết bị.

- Sự cố bất cẩn do bốc xếp nguyên vật liệu, sản phẩm để hàng hoá rơi vào người, quá trình sản xuất trong khu vực nhiệt độ cao dẫn tới tình trạng mất nước của công nhân khi làm việc trực tiếp. Do đó, dễ dẫn tới tai nạn đặc biệt là đối với công nhân có thể trạng yếu dẫn đến sự cố choáng ngất trong quá trình làm việc.

Khả năng xảy ra tai nạn lao động có thể do công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt những quy định khi vận hành máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất; do sự bất cẩn về điện dẫn đến sự cố điện giật, không thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.

Xác xuất xảy ra các sự cố này tùy thuộc vào việc chấp hành nội quy và quy tắc an toàn lao động của người công nhân. Mức độ tác động có thể gây ra thương tật hay thiệt mạng của người lao động.

Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tốt nhất về an toàn lao động. Dự án áp dụng những biện pháp sau:

- Đối với các máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, được kiểm tra bảo trì thường xuyên nhằm đảm bảo mức độ an toàn cao khi vận hành.
- Có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân
- Cung cấp thiết bị bảo hộ lao động: mũ, găng tay, khẩu trang,... Ở những khu vực cần thiết, cần trang bị thêm quạt thông gió để làm thoáng mát cục bộ. Các điều kiện về ánh sáng, tốc độ gió và tiếng ồn cần được tuân thủ chặt chẽ.
- Những công nhân lao động trực tiếp tại khu vực có nhiều bụi được trang bị khẩu trang đặc biệt nhằm tránh các tác hại tiêu cực cho sức khỏe.
- Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết để liên hệ khi xảy ra sự cố cần được trang bị và cập nhật như tủ thuốc, điện thoại cấp cứu, cứu hỏa.
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động.
- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu về điều kiện lao động không ảnh hưởng đến sức khỏe của người công nhân.

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:

Không có

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

Danh mục công trình biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư, kế hoạch xây lắp công trình và dự toán kinh phí đối với các công trình của Dự án:

Bảng 4.12. Danh mục công trình bảo vệ môi trường

STT	Tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Hiện trạng	Kinh phí
1	Nước thải	Bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải	Đã xây dựng	-
2	Nước mưa	Hệ thống thoát nước mưa	Đã xây dựng	-
3	Chất thải nguy hại	Khu vực nhà chứa chất thải, trang bị đầy đủ dụng cụ lưu trữ chất thải. Hợp đồng thu gom xử lý CTR, CTNH.	Đã xây dựng	-
4	Chất thải thông thường	Khu vực thu gom, lưu trữ tại khu vực nhà chứa sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.	Đã xây dựng	-
5	Chất thải sinh hoạt	Trang bị thùng rác có nắp	Đã xây dựng	-
6	Bụi, khí thải	- Hệ thống quạt thông gió - Hệ thống xử lý bụi gỗ - Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn sơn tĩnh điện và sơn màng nước	Đã lắp đặt	-
	Tổng cộng			-

Tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

Bảng 4.13. Tổ chức quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

STT	Hạng mục	Quản lý	Vận hành/theo dõi
1	Hệ thống đường ống và cyclone lắng bụi	Phòng kỹ thuật	Nhân viên
2	Hệ thống đường ống và cyclone bụi và hơi dung môi sơn	Phòng kỹ thuật	Nhân viên
3	Hệ thống xử lý nước thải	Phòng kỹ thuật	Nhân viên
4	Nhà chứa chất thải	Phòng kỹ thuật	Nhân viên

Chủ Dự án sẽ cử cán bộ đào tạo quản lý vận hành máy móc đúng kỹ thuật, giám sát hiệu quả xử lý và điều chỉnh phù hợp bảo đảm các chỉ tiêu môi trường đầu ra đạt tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định. Nhân viên thường xuyên kiểm

tra, giám sát, tiến hành bảo trì 1 tháng/1 lần nhằm đảm bảo các hệ thống xử lý vận hành tốt, khắc phục sự cố kịp thời.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh Công ty sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương để xử lý ngay nguồn ô nhiễm và rủi ro này.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

4.1. Khi triển khai Dự án:

Trong báo cáo chúng tôi đã sử dụng các phương pháp đánh giá có độ tin cậy cao và được sử dụng phổ biến nhất hiện nay. Tuy nhiên, việc áp dụng các phương pháp đánh giá vào thực tế để tính toán và dự báo các tác động xấu của dự án phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: thông tin, số liệu, dữ liệu, điều kiện thực tế nơi triển khai Dự án,... Với những hiểu biết và trình độ chuyên môn về đánh giá tác động môi trường còn hạn chế của mình, chúng tôi đã cố gắng tìm hiểu, so sánh và đưa ra các đánh giá, nhận định, dự báo có tính khoa học, độ tin cậy cao đối với các tác động xấu do Dự án gây ra cho môi trường, để từ đó đề xuất các phương án khống chế, khắc phục các tác động xấu này có hiệu quả hơn.

Bảng 4.14. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá khi triển khai Dự án

STT	Đánh giá	Độ chi tiết	Độ tin cậy
1	Tiếng ồn	3	4
2	Nhiệt dư	3	4
3	Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông, vận tải	4	4
4	Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất	3	4
5	Nước thải	3	4
6	Nước mưa chảy tràn	3	4
7	Chất thải rắn sản xuất	4	4
8	Tai nạn lao động	3	4
9	Khả năng cháy nổ	3	4

** Chú thích:*

- 4 điểm: *Mức độ cao*

- 3 điểm: Mức độ trung bình

- 2 điểm: Mức thấp

4.2. Tổng hợp mức độ tin cậy của các phương pháp đánh giá đã sử dụng:

Bảng 4.15. Mức độ tin cậy của các phương pháp báo cáo đã sử dụng

STT	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp liệt kê	3	Mang tính chất chủ quan, cá nhân
2	Phương pháp thống kê	4	Dựa theo số liệu thống kê chính thức của tỉnh và địa phương.
3	Phương pháp đánh giá nhanh	3	Dựa theo số liệu thống kê, tính toán trung bình của 1 khu vực nhất định
4	Phương pháp chỉ thị: lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	4	- Thiết bị lấy mẫu, phân tích mới, hiện đại. - Dựa vào phương pháp lấy mẫu tiêu chuẩn.
5	Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập	3	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam.
6	Phương pháp so sánh tiêu chuẩn, quy chuẩn	4	Kết quả phân tích có độ tin cậy cao.
7	Phương pháp điều tra khảo sát	3	Dựa trên ý kiến chủ quan của những người khảo sát hiện trạng trong khu vực dự án.
8	Phương pháp kế thừa	3	Dựa vào những kết quả đã đạt được

5. Các nội dung thay đổi thay đổi so với giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản:

Bảng 4.16. Bảng tổng hợp nội dung thay đổi so với giấy xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản

TT	Nội dung	Nội dung phê duyệt theo Bản cam kết bảo vệ môi trường	Nội dung hiện tại	Ghi chú	Đánh giá sự ảnh hưởng đến MT
1	Quy trình công nghệ sản xuất	- Nguyên liệu đầu vào (thanh nhôm, inox, sắt) ã cắt, định hình, hàn tạo khung kim loại ã son tĩnh điện ã Đan ã Lắp ráp ã Hoàn thiện sản phẩm ã KCS ã Đóng gói - Nguyên liệu đầu vào (gỗ phôi) ã chà nhám ã son tĩnh điện ã Đan ã Lắp ráp ã Hoàn thiện sản phẩm ã KCS ã Đóng gói	- Nguyên liệu đầu vào (thanh nhôm, sắt) ã Tạo phôi ã Hàn ã Vệ sinh ã Son tĩnh điện ã Sơn phẩm/bán sản phẩm ã Kiểm tra/đóng gói ã Thành phẩm - Nguyên liệu đầu vào (gỗ) ã Cưa, cắt, tạo hình ã Bào, khoan ã Chà nhám ã Lắp ráp ã Sơn màng nước ã Sơn phẩm/bán sản phẩm ã Hoàn thiện ã Kiểm tra/ đóng gói ã Thành phẩm	Quy trình sản xuất được trình bày lại chi tiết và cụ thể hơn cho từng loại sản phẩm, về các công đoạn sản xuất vẫn tương tự quy trình sản xuất tại đề án BVMT đơn giản.	Đối với các công đoạn phát sinh yếu tố tác động với môi trường, nhà máy đã có biện pháp giảm thiểu đi kèm.
2	Hệ thống xử lý nước thải	Nước thải (sinh hoạt): Nước thải (sinh hoạt) ã Bể thu gom kết hợp lắng cát tách dầu ã Bể điều hoà ã Bể sinh học hiếu khí ã Bể lắng sinh học ã Bể khử trùng ã Bể chứa ã Bơm cường bức ra ao. Nước thải (bể son nước, bể son tĩnh điện) ã Bể thu gom ã Bơm cường bức lên bể xử lý hoá lý ã Bể	(1) Nước thải sinh hoạt ã Hồ thu gom ã Hệ thống xử lý tập trung của Công ty. (2) Nước thải (bể son nước, son tĩnh điện) ã Hồ thu gom ã Bồn trung hoà ã Bồn keo tụ ã Bồn tạo bông ã Bồn lắng hoá lý ã Hệ thống xử lý tập trung của Công ty.	Công ty đã xây dựng HTXL nước thải công suất 15m ³ /ngày.đêm. Xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất áp dụng công nghệ sinh học-hoá lý và bồn lọc áp lực nhằm đảm bảo chất lượng nước	

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

TT	Nội dung	Nội dung phê duyệt theo Bản cam kết bảo vệ môi trường	Nội dung hiện tại	Ghi chú	Đánh giá sự ảnh hưởng đến MT
		điều hoà à Bể sinh học hiếu khí à Bể lắng sinh học à Bể khử trùng à Bể chứa à Bơm cưỡng bức ra ao.	è Từ (1) và (2) à Bể điều hoà à Bể thiếu khí à BểMBBR à Bể lắng sinh học à Bể khử trùng à Bồn lọc áp lực à Hồ chứa nước.	thải tốt hơn cho mục đích tái sử dụng. Ngoài ra, Công ty cũng đã có văn bản số 1762/STNMT-TNN, KS&BDKH của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc có ý kiến đối với phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý.	
3	Hệ thống xử lý khí thải	Quy trình xử lý bụi: Bụi gỗ phát sinh từ cắt, xe, chà nhám à Chụp hútà Ống dẫn à Cyclone khô à Môi trường	Quy trình xử lý bụi gỗ: Bụi từ quá trình cưa, cắt, bào, khoan, mài, chà nhám à ống gân nhựa à ống nhánh à ống chính à quạt hút à Cyclone à nhà chứa bụi.		Đối với các công đoạn phát sinh yếu tố tác động với môi trường, nhà máy đã có biện pháp giảm thiểu đi kèm.
			Quy trình xử lý khí thải từ công đoạn sơn tĩnh điện: Bụi sơn à Quạt hút à Cyclone à Lõi lọc sơn à Ống thải		

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

TT	Nội dung	Nội dung phê duyệt theo Bản cam kết bảo vệ môi trường	Nội dung hiện tại	Ghi chú	Đánh giá sự ảnh hưởng đến MT
			Quy trình xử lý khí thải từ công đoạn sơn màng nước: Bụi ð Màng nước ð Quạt hút ð Ống thải		
4	Công suất	4.500 bộ sản phẩm/năm	54.000 sản phẩm/năm		

CHƯƠNG 5: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên.

Nguồn số 2: Nước thải sản xuất.

1.2. Lưu lượng xả thải:

Tải lượng nước thải sinh hoạt phụ thuộc vào số lượng lao động làm việc tại Công ty và mức độ sử dụng nước. Lượng nước thải bằng 100% lượng nước sinh hoạt, lượng nước thải phát sinh khoảng 14m³/ngày

Nước thải sản xuất ở công đoạn sơn tĩnh điện và sơn màng nước. Lượng nước thải cho hai công đoạn này khoảng 1m³/ngày.

1.3. Dòng nước thải:

Số lượng dòng thải: 1

Dòng nước thải: Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với hệ số $k_f = 1,2$; $k_q = 1,2$ được bơm ra hồ chứa nước sau xử lý (có lót bạt chống thấm HDPE) có thể tích 1.531 m³ bằng hệ thống bơm chìm, bơm tự động theo chế độ phao (công suất bơm 0,75 kw, đường kính ống xả D=34 mm) không xả thải ra ngoài môi trường.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Dòng nước thải của Dự án được đưa về hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải như sau:

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, k _f =1,2, k _q =1,2
1	pH	-	6-9
2	TSS	mg/L	50
3	COD	mg/L	75
4	BOD	mg/L	30
5	Tổng N	mg/L	20
6	Tổng P	mg/L	4
7	Coliform	MPN/100mL	3.000

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận:

Nước thải sau khi xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tại Dự án được thiết kế chảy về hồ chứa nước sau xử lý theo đường ống nhựa PVC.

Vị trí xả nước thải: Hồ chứa nước sau xử lý (có lót bạt HDPE).

Toạ độ sau HTXL: X=402205, Y=1 217078.

Phương thức xả thải: Tái sử dụng.

Nguồn tiếp nhận: Hồ chứa chứa nước sau xử lý được lót bạt HDPE chống thấm, không xả thải ra ngoài môi trường được tuần hoàn tái sử dụng.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn thải 01: Bụi phát sinh từ các công đoạn gia công sản phẩm gỗ: cưa, cắt, bào, khoan, mài, tiện,... được thu gom bằng 05 hệ thống cyclone, công suất thiết kế 50.000 m³/h; không có ống thải ra môi trường.

- Nguồn thải 02: Bụi phát sinh từ công đoạn sơn tĩnh điện.

- Nguồn thải 03: Bụi phát sinh từ công đoạn sơn màng nước.

2.2. Lưu lượng xả khí thải:

- Nguồn thải 01: 50.000 m³/h
- Nguồn thải 02: 35.000 m³/h
- Nguồn thải 03: 27.000 m³/h

2.3. Dòng khí thải:

- Dòng thải 01: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn tĩnh điện (nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả khí thải X=1217038, Y=0402226.

- Dòng thải 02: tương ứng với ống thải sau hệ thống sấy sau sơn của hệ thống xử lý công đoạn sơn tĩnh điện (nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả khí thải X=1217025, Y=0402249.

- Dòng thải 03: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn tĩnh điện (nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả khí thải X=1217031, Y=0402220.

- Dòng thải 04: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn tĩnh điện (nguồn số 02). Tọa độ vị trí xả khí thải X=1217031, Y=0402221.

- Dòng thải 05: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn màng nước (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải X =1217038, Y=0402226.

- Dòng thải 06: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn màng nước (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải X =1217038, Y=04042227.

- Dòng thải 07: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn màng nước (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải X =1217038, Y=0402228.

- Dòng thải 08: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn màng nước (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải X =1217038, Y=0402229.

- Dòng thải 09: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn màng nước (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải X =1217038,

Y=0402230.

- Dòng thải 10: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn màng nước (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải X =1217038, Y=0402231.

- Dòng thải 11: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn màng nước (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải X =1217038, Y=0402232.

- Dòng thải 12: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn màng nước (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải X =1217038, Y=0402233.

- Dòng thải 13: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn màng nước (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải X =1217038, Y=0402234.

- Dòng thải 14: tương ứng với ống thải sau hệ thống sau hệ thống xử lý công đoạn sơn màng nước (nguồn số 03). Tọa độ vị trí xả khí thải X =1217038, Y=0402235.

- Vị trí xả thải: Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

- Phương thức xả thải: Xả cưỡng bức, xả giai đoạn.

- Nguồn tiếp nhận: Không khí khu vực Dự án

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải được áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm dòng khí thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-
2	Toluen	mg/Nm ³	750
3	Benzen	mg/Nm ³	5
4	Xylen	mg/Nm ³	870
5	Ethyl benzen	mg/Nm ³	870

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn thường phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị, do va chạm hoặc chấn động, chuyển động qua lại, do sự ma sát của các thiết bị.

- Nguồn số 1: Khu vực cưa, cắt, khoan, mài, chà nhám,... tại xưởng gỗ
- Nguồn số 2: Khu vực cưa, cắt, hàn, tiện,... tại xưởng gia công kim loại

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Có toạ độ X=402245, Y=1217093
- Nguồn số 2: Có toạ độ X=402261, Y=1216964

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 5.3. Giá trị cho phép về tiếng ồn phát sinh

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 24:2016/BYT
1	Tiếng ồn	dBA	85

QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Bảng 5.4. Giá trị cho phép về độ rung phát sinh

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT	
			Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)
1	Tiếng ồn	dB	70	60

QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư, chủ Dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

STT	Hạng mục	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Hệ thống xử lý nước thải 15 m ³ /ngày.đêm	Đã có kết quả kiểm tra hiệu quả công trình bảo vệ môi trường	
2	Hệ thống xử lý khí thải	3 tháng sau khi có GPMT	
2.1	Hệ thống xử bụi gỗ bằng Cyclone		
2.2	Hệ thống xử lý bụi, hơi sơn từ công đoạn sơn tĩnh điện		
2.3	Hệ thống xử lý bụi, hơi sơn từ công đoạn sơn màng nước		

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

Bảng 6.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu các loại mẫu chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Hệ thống xử lý khí thải	3 tháng sau khi có GPMT

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải.

Bảng 6.3. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm

Thời gian quan trắc	Chỉ tiêu, vị trí quan trắc
Sau khi được cấp GPMT	- Ống thoát khí thải bụi, hơi sơn tại công đoạn sơn tĩnh điện + Loại mẫu: Mẫu đơn (3 mẫu đầu ra) của HTXL KT + Thông số: Lưu lượng, benzen, toluen, xylene, ethyl benzen. + QCVN 20:2009/BTNMT. (01 ngày/lần, số đợt lấy mẫu: 03 đợt liên tiếp) - Ống thoát khí thải bụi, hơi sơn tại công đoạn sơn màng nước + Loại mẫu: Mẫu đơn (3 mẫu đầu ra) của HTXL KT + Thông số: Lưu lượng, benzen, toluen, xylene, ethyl benzen. + QCVN 20:2009/BTNMT. (01 ngày/lần, số đợt lấy mẫu: 03 đợt liên tiếp)

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

 **Quan trắc nước thải:**

Bảng 6.4. Kế hoạch quan trắc nước thải định kỳ

STT	Thông số	Đơn vị tính	Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn so sánh
	Nước thải sau hệ thống xử lý			
01	pH	-	1 năm/1 lần	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K _q =1,2, K _f = 1,2
02	TSS	mg/L		
03	COD	mg/L		
04	BOD	mg/L		
05	Tổng N	mg/L		
06	Tổng P	mg/L		
07	Coliform	MPN/100mL		

 Quan trắc khí thải:

Bảng 6.5. Kế hoạch quan trắc khí thải định kỳ

STT	Thông số	Đơn vị tính	Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn so sánh
	KT 1-3: Khí thải sau HTXL sơn tĩnh điện			
01	Lưu lượng	m ³ /giờ	6 tháng/1 lần	QCVN 20:2009/BTNMT
02	Toluen	mg/Nm ³		
03	Benzen	mg/Nm ³		
04	Xylen	mg/Nm ³		
05	Ethyl benzen	mg/Nm ³		
	KT 4-14: Khí thải sau HTXL Sơn màng nước			
01	Lưu lượng	m ³ /giờ	6 tháng/1 lần	

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường

02	Toluen	mg/Nm ³		QCVN 20:2009/BTNMT
03	Benzen	mg/Nm ³		
04	Xylen	mg/Nm ³		
05	Ethyl benzen	mg/Nm ³		

Đơn vị quan trắc môi trường Công ty dự kiến phối hợp:

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần xây dựng và Môi trường Đại Phú.

Địa chỉ: 156, đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, TP.HCM.

Điện thoại: 028.66604779

Email: mtdaiphu@gmail.com

Công ty Cổ phần xây dựng và Môi trường Đại Phú đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số chứng nhận VIMCERT 292.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: Dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm:

Bảng 6.6. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ

STT	Hạng mục	Số lượng	Tần suất (lần/năm)	Đơn giá	Thành tiền
1	Giám sát định kỳ chất lượng nước thải	1	2	4.000.000	8.000.000
2	Giám sát định kỳ chất lượng khí thải	14	2	2.000.000	56.000.000
Tổng cộng					64.000.000

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi Công ty TNHH Bình B.F.C cam kết:

- Tính chính xác, trung thực của các nội dung nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Chủ dự án cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện trong giai đoạn từ khi dự án đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc dự án.
- Chủ dự án cam kết hoạt động của dự án tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về môi trường sau:
 - Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.
 - Nước thải được thu gom, xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn hiện hành. Đảm bảo không xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.
 - Thực hiện các biện pháp không chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.
 - Chất thải rắn, chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ đúng quy định, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
 - Đảm bảo thu gom, lưu giữ và chuyển giao tất cả các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của nhà máy cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.
 - Cam kết tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường, các Nghị định, Thông tư và các quy định liên quan; Tuân thủ Bộ Luật Lao động và các quy có liên quan.
 - Cam kết thực hiện giám sát môi trường định kỳ, thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đến môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững.
 - Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam./.



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3602347678

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ 1: ngày 18 tháng 07 năm 2014

BẢN SAO

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH BFC CO., LTD

Tên công ty viết tắt: BINH BFC CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0613966105 - 0913414008

Fax:

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
2	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm trang trí nội ngoại thất từ: Gỗ, sắt, nhôm, inox, đá, nhựa, mây tre, vải - Bán buôn nệm, gối	4649
3	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: Sản xuất nệm, gối	1322
4	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng những ngành nghề phù hợp trong Cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân)	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

4. Vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm tỷ đồng

5. Vốn pháp định

6. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Giới tính
1	TÔNG THỊ NGUYỄN	5.01, tầng 6, C/C - 354/15C, 270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.500.000.000	30,00	025890323	
2	NGUYỄN BÌNH	5.01, tầng 6, C/C 354/15C, 270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.500.000.000	70,00	025705278	

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Họ và tên: NGUYỄN BÌNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/02/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 025705278

Ngày cấp: 24/05/2013

Nơi cấp: CA. TP Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

5.01, tầng 6, C/C 354/15C, 270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

5.01, tầng 6, C/C 354/15C, 270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

8. Thông tin về chi nhánh

9. Thông tin về văn phòng đại diện

10. Thông tin về địa điểm kinh doanh

CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY

ĐÚNG BẢN CHÍNH

Hố Nai, ngày 08-08-2014

Đã vào sổ:

CHỦ TỊCH HỘI P. HỒ NAI



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Đình Luật

Mai Thị Thu Hương

ĐÃ THU LẬP PH

A Hg

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2781/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho Công ty TNHH Bình B.F.C thuê đất để xây dựng xưởng
sản xuất gia công may và hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu
tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày
26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014
của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất,
chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
984/TTr-STNMT ngày 27 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1:

1. Thu hồi 27.506,0m² đất của Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng và
Thương mại Quốc Vinh đã được UBND tỉnh cho thuê đất tại Quyết định số
1124/QĐ.CT.UBT ngày 15/4/2002 để xây dựng cơ sở sản xuất gia công may
mặc tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.

2. Chấp thuận cho Công ty TNHH Bình B.F.C được tiếp tục thuê diện
tích 27.506,0m² đất thu hồi trên, trên cơ sở nhận chuyển nhượng tài sản gắn
liền với đất của Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng và Thương mại Quốc
Vinh để sử dụng vào mục đích xưởng sản xuất gia công may và hàng thủ công
mỹ nghệ xuất khẩu tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.

- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp.

- Thời hạn sử dụng đất: Đến hết ngày 31/12/2052 (thời hạn thuê đất còn
lại của Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng và Thương mại Quốc Vinh).

- Thời điểm tính tiền thuê đất: Kể từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định
cho Công ty TNHH Bình B.F.C thuê đất.

Vị trí, ranh giới được xác định theo tờ trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 458/2014, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác lập ngày 09/8/2014 (kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này.

1. Cục thuế Đồng Nai có trách nhiệm xác định đơn giá thuê đất, làm cơ sở cho Sở Tài nguyên và Môi trường ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH Bình B.F.C theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

- Thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng và Thương mại Quốc Vinh.

- Thông báo cho Công ty TNHH Bình B.F.C nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Chi đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính;

- Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH Bình B.F.C; Ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo ủy quyền của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 30/6/2014.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Cửu, Chủ tịch UBND xã Thạnh Phú, Công ty TNHH Bình B.F.C, Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng và Thương mại Quốc Vinh; Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

- Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm công bố quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN, ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Chánh

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Bình B.F.C

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3602347678 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 18/7/2014.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thuận Tân, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ SỬ DỤNG MÀU SẮC CHẤM

Số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 3602347678

Ngày: 14/10/2016



PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Ngọc Tuấn

CE 087977

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sử dụng Giấy chứng nhận để làm cơ sở để đăng ký bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận này. Mọi vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật. Giấy chứng nhận phải được bảo quản cẩn thận.



7529181600110

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 24 Tờ bản đồ số: 36
 b) Địa chỉ: xã Thành Phố, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
 c) Diện tích: 27506,0m² (hàng chữ: hai mươi bảy nghìn năm trăm lẻ sáu phẩy không mét vuông)
 Trong đó: Diện tích được cấp: 27506,0m². Không được cấp: 0,0m²
 d) Hình thức sử dụng: Sử dụng rừng
 đ) Mục đích sử dụng: Đất cụm công nghiệp.
 e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 31/12/2052.
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Loại công trình: Cơ sở sản xuất gia công may

Hạng mục Công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1.Nhà xưởng	4200,0	4200,0	Riêng	Cấp 3	31/12/2052
2.Nhà xưởng B	1654,5	1654,5	Riêng	Cấp 3	31/12/2052
3.Nhà xưởng C	2428,77	2428,77	Riêng	Cấp 3	31/12/2052
4.Nhà xưởng E	1344,0	1344,0	Riêng	Cấp 3	31/12/2052
5.Nhà văn phòng + Showroom	1324,0	1324,0	Riêng	Cấp 3	31/12/2052
6.Nhà xe	180,0	180,0	Riêng	Cấp 4	31/12/2052
7.Nhà bếp vệ	21,6	21,6	Riêng	Cấp 4	31/12/2052
8.Nhà chứa bụi	20,0	20,0	Riêng	Cấp 4	31/12/2052
9.Nhà vệ sinh	11,7	11,7	Riêng	Cấp 4	31/12/2052

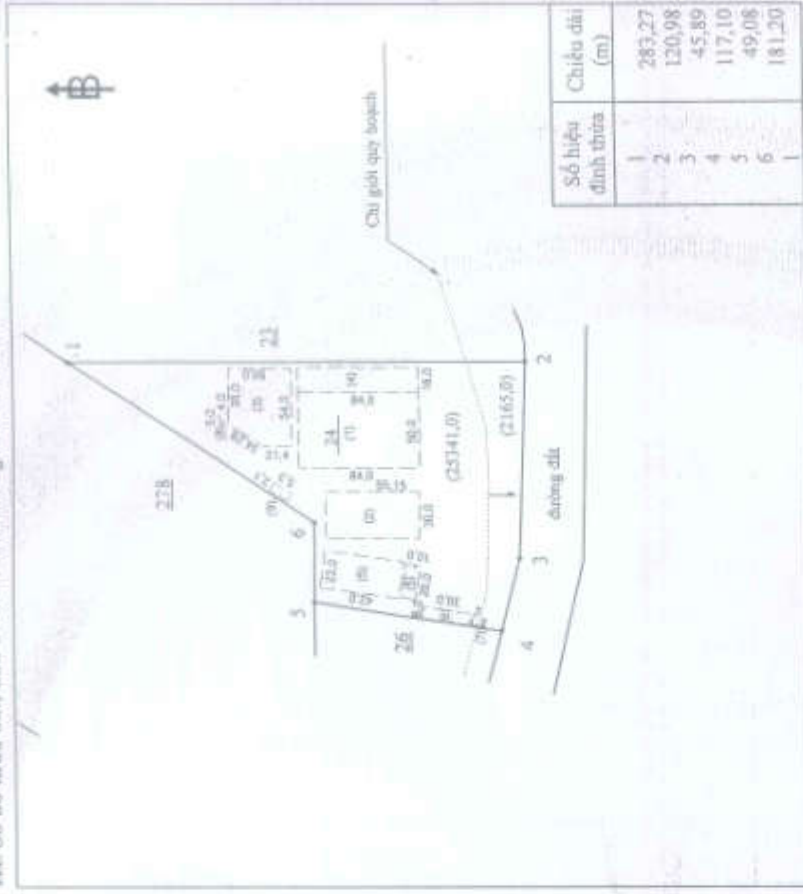
4. Ràng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Thửa đất có 2165,0m² nằm trong quy hoạch mở đường.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Đồng Nai, Ngày 20. tháng 8. năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI

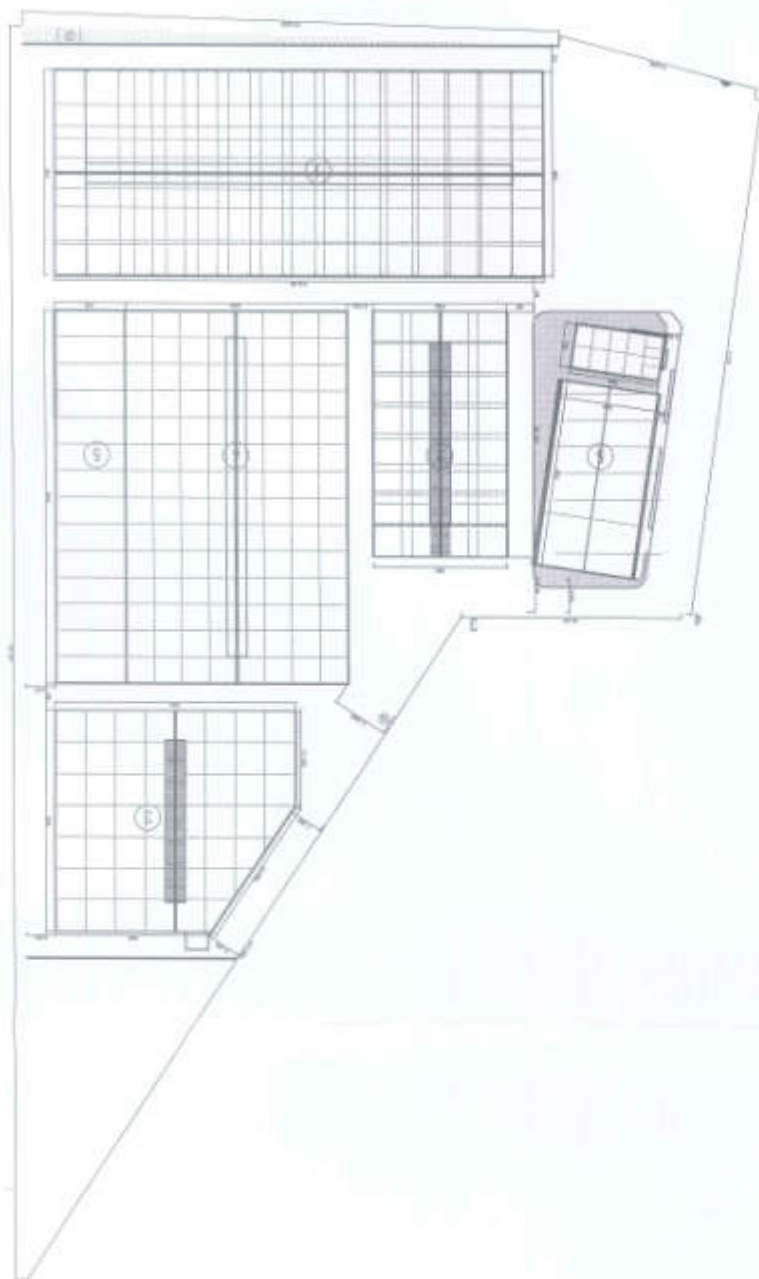
KT. GIAM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Đức

Số 20-16 cấp GCN: CT 31031



Số: 117 / HTĐĐ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 12 năm 2014

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

BẢN SAO

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 15/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 09/9/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận cho Công ty TNHH Bình B.F.C được tiếp tục thuê diện tích 27.506,0 m² đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH sản xuất xây dựng và thương mại Quốc Vĩnh tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu;

Căn cứ Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đơn giá thu tiền thuê đất để sản xuất kinh doanh đối với khu đất nằm trong cụm công nghiệp xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu của Công ty TNHH Bình B.F.C;

Hôm nay, ngày tháng năm 2014, tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Do ông **Lê Viết Hưng** - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai làm đại diện.

II. Bên thuê đất là: Công ty TNHH Bình B.F.C.

Do ông **Nguyễn Bình** - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty làm đại diện.

Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Thanh Phú-Thiện Tân, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

III. Hai Bên thống nhất ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê 27.506,0 m² (Hai mươi bảy ngàn năm trăm lẻ sáu mét vuông).

Tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 458/2014, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh xác lập ngày 09/8/2014.

3. Thời hạn thuê đất: 39 năm (ba mươi chín năm), kể từ ngày 09/9/2014 đến ngày 31/12/2052.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Xưởng sản xuất gia công may và hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá tiền thuê đất là: 4.550 đồng/m²/năm (bốn ngàn năm trăm năm mươi đồng một mét vuông một năm).

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 09/9/2014 đến ngày 08/9/2019. Hết thời gian ổn định trên, Cục trưởng Cục thuế điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho thời gian tiếp theo theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp tiền thuê đất hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai. Số Tài khoản: 741.01.00.000.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm quyền sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các Bên.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai giữ 02 bản, Công ty TNHH Bình B.F.C giữ 01 bản và gửi đến Sở Tài chính, cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

BÊN THUÊ ĐẤT THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

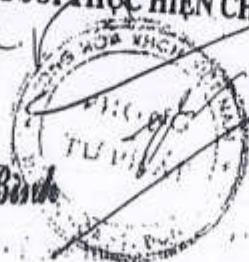


Nguyễn Bình

Số chứng thực: 5323, quyển số: 57, SCT/B:

Ngày: 01 tháng 5 năm 2015

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



BÊN CHO THUÊ ĐẤT



Lê Viết Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH CỬU**

Số: 5737 /GXN-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vinh Cửu, ngày 31 tháng 12 năm 2015

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN**

**Cửa Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa,
công suất 4.500 bộ sản phẩm/năm**

Địa chỉ: CCN Thạnh Phú – Thiện Tân, xã Thạnh Phú, huyện Vinh Cửu

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 05/10/2011 của UBND huyện Vinh Cửu ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện Vinh Cửu;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa, công suất 4.500 bộ sản phẩm/năm tại CCN Thạnh Phú – Thiện Tân, xã Thạnh Phú, huyện Vinh Cửu kèm theo Văn bản số ĐA0115 ngày 29/9/2015 của Công ty TNHH Bình B.F.C

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 43.70/TTr-TNMT ngày 28 tháng 12 năm 2015.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VINH CỬU XÁC NHẬN:

Điều 1. Bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản (sau đây gọi là Đề án) của Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa, công suất 4.500 bộ sản phẩm/năm do Công ty TNHH Bình B.F.C lập đã được đăng ký tại UBND huyện Vinh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Công ty TNHH Bình B.F.C có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đề ra trong đề án; đảm bảo các chất thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Các yêu cầu khác:

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung Đề án đã được xác nhận. Định kỳ tối thiểu 02 lần/năm (trước ngày 15/6 và ngày 15/12 hàng năm) báo cáo kết quả giám sát môi trường về UBND huyện (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Cửu) để kiểm tra, giám sát.

- Nếu trong quá trình hoạt động, Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa, công suất 4.500 bộ sản phẩm/năm gây ô nhiễm môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; trong đó ngoài các hình thức xử phạt, khắc phục ô nhiễm, còn có thể bị tạm thời đình chỉ, cấm hoạt động hoặc buộc di dời ra khỏi khu vực để đảm bảo phù hợp với sức chịu tải của môi trường theo quy định của pháp luật.

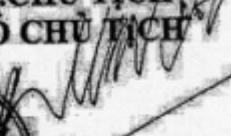
- Khi có những thay đổi, điều chỉnh khác so với nội dung Đề án đã được xác nhận, yêu cầu Công ty TNHH Bình B.F.C báo cáo về UBND huyện Vĩnh Cửu và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của UBND huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký 

Nơi nhận:

- Như điều 1 (để thực hiện);
- Sở TN&MT (báo cáo);
- CT, các PCT.UBND huyện;
- C, các PVP HĐND-UBND huyện;
- Phòng TN&MT (theo dõi);
- UBND xã Thanh Phú (để biết);
- Lưu VT, THKT.

D/2015/GXN-TNMT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 




Trần Văn Khoan

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

BẢN SAO

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thạnh Phú- Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Đại diện là ông: Nguyễn Bình- Chức vụ: Giám đốc

2. Được phép xây dựng công trình (loại công trình): Nhà xưởng.

- Theo bản vẽ thiết kế đính kèm do Công ty TNHH Việt Ngọc An lập. Được Công ty TNHH TT Xuyên Việt thẩm tra.

Gồm các nội dung sau đây:

- 03 nhà xưởng tổng diện tích xây dựng: 7.078,8 m²; số tầng 01, chiều cao tối đa: 13.35 m, cao độ nền so với cos sân đường nội bộ: 0.20 m
- Nhà Văn phòng + Showroom tổng diện tích xây dựng: 1.080 m²; số tầng 01, chiều cao tối đa: 9.3 m, cao độ nền so với cos sân đường nội bộ: 0.45 m
- Nhà xe tổng diện tích xây dựng: 180 m²; số tầng 01, chiều cao tối đa: 4.2 m, cao độ nền so với cos sân đường nội bộ: 0.20 m
- Nhà bảo vệ tổng diện tích xây dựng: 21.6 m²; số tầng 01, chiều cao tối đa: 4.5 m, cao độ nền so với cos sân đường nội bộ: 0.20 m
- Nhà chứa bụi tổng diện tích xây dựng: 20 m²; số tầng 01, chiều cao tối đa: 6 m, cao độ nền so với cos sân đường nội bộ: 0.20 m
- Nhà vệ sinh công nhân tổng diện tích xây dựng: 11.66 m²; số tầng 01, chiều cao tối đa: 3.4 m, cao độ nền so với cos sân đường nội bộ: 0.20 m
- Bể xử lý nước thải tổng diện tích xây dựng: 21.9 m².
- Trên lô đất: Tờ Bản đồ địa chính số 36; Thửa đất số 24; Diện tích: 27.506 m²; Mục đích sử dụng đất: Đất cụm công nghiệp.
- Chỉ giới xây dựng: Trừ hành lang lộ giới, hành lang an toàn lưới điện theo quy định (tính từ mặt bằng mái).
- Mật độ xây dựng: 46,2 %; Màu sắc công trình: Theo bản vẽ thiết kế.
- Địa điểm xây dựng: Cụm Công nghiệp Thạnh Phú- Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu.
- Chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về đầu tư Xây dựng cơ bản, an toàn phòng cháy chữa cháy và Môi trường theo quy định hiện hành.
- Chủ đầu tư, đơn vị thiết kế, đơn vị thi công phải chấp hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn thi công, chất lượng của công trình theo quy định.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 081195, ngày 26/01/2015 do UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Bình B.F.C đứng tên.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT&HT;
- Lưu

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Khanh

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề; phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn, độ bền vững công trình của mình.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải.....).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

Giấy phép xây dựng số 377/GPXD, ngày 12/02/2015 do UBND huyện Vĩnh Cửu cấp cho CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C được phép điều chỉnh với các nội dung sau:

- Điều chỉnh thiết kế theo bản vẽ đính kèm do Công ty TNHH Việt Ngọc An lập; cụ thể:

+ 03 nhà xưởng 01 tầng

+ Diện tích xây dựng tầng trệt: 5.427,27 m²; Tổng diện tích sàn xây dựng: 5.427,27 m²; Chiều cao công trình: 14.1 m.

- Nhà Văn phòng + Showroom tổng diện tích xây dựng: 1.324 m²; số tầng 02, chiều cao tối đa: 7.8 m, cao độ nền so với cos sân đường nội bộ: 0.45 m

Ngoài những nội dung cho phép điều chỉnh nêu trên, các nội dung khác thực hiện theo đúng nội dung Giấy phép được cấp.

Thời gian có hiệu lực của giấy phép: Theo mục 4 của giấy phép được cấp.

ĐÃ THU LỆ PHÍ

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 5322 quyền số: 01 - SCT/BS

Ngày: 7 tháng 1 năm 2015

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



Phó Trưởng Phòng Tư Pháp TP. Biên Hòa
Nguyễn Hữu Nghĩa

Vĩnh Cửu, ngày 15 tháng 4 năm 2015

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Khoan

41 32

773

UBND HUYỆN VINH CỬU
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 77/P.TNMT

V/v Kết quả kiểm tra hiệu quả các
công trình bảo vệ môi trường của
Công ty TNHH Bình B.F.C.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh Cửu, ngày 02 tháng 10 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH Bình B.F.C.

(Địa chỉ: CCN Thạnh Phú - Thiện Tân, xã
Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 5737/GXN-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc xác nhận Công ty TNHH Bình B.F.C đã đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản "Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa, công suất 4.500 bộ sản phẩm/năm" tại CCN Thạnh Phú - Thiện Tân, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở hồ sơ về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án "Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa, công suất 4.500 bộ sản phẩm/năm" kèm theo Văn bản số 1307/MT ngày 15/5/2017 của Công ty TNHH Bình B.F.C về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường.

Qua kiểm tra thực tế và lấy mẫu để phân tích chất lượng nước thải, chất lượng môi trường không khí tại Công ty vào ngày 11/8/2017; căn cứ kết quả phân tích chất lượng các chỉ tiêu môi trường của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Phòng Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Về vấn đề nước thải và các biện pháp xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Bình B.F.C có công suất thiết kế: 15m³/ngày đêm. Công suất thực tế: 8,4m³/ngày đêm; gồm 05 công đoạn xử lý chính như sau:

+ Nước thải (sinh hoạt) → Bể thu gom kết hợp lắng cát tách dầu → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → bể chứa → bơm cưỡng bức ra ao (ao đang nuôi cá; diện tích khoảng 200m²).

+ Nước thải (bể sơn nước, sơn tĩnh điện) → Bể thu gom → Bơm cưỡng bức lên Bể xử lý hóa lý → Bể điều hòa → các khâu xử lý như nước thải sinh hoạt nêu trên (có bản vẽ thiết kế kỹ thuật kèm theo).

Vào thời điểm kiểm tra, thu mẫu, hệ thống xử lý nước thải của Công ty đang vận hành bình thường và tiếp nhận nước thải sinh hoạt của công nhân viên từ khu vực văn phòng, xưởng sản xuất, nhà vệ sinh và nước của bể sơn nước, sơn tĩnh điện. Nước thải đầu vào có màu đen đục, nhiều cặn lơ lửng; nước thải đầu ra sau xử lý có màu trong tự nhiên của nước.

Số mẫu nước thải được lấy để kiểm tra, phân tích là 02 mẫu (01 mẫu nước thải trước hệ thống xử lý và 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý) và có 08 thông số được kiểm tra, phân tích bao gồm: pH, BOD₅, COD, Tss, tổng Phenol, tổng Nitơ, tổng Phốtpho và Coliform.

Kết quả phân tích của Trung tâm quan trắc và kỹ thuật môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Phiếu kết quả thử nghiệm số 1411/1DV, 1411/2DV ngày 24/8/2017 cho thấy: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý có 8/8 thông số được kiểm tra đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, giá trị C, cột A (với $k_p=1,2$, $k_f=1,2$).

Về nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được thải ra ao nuôi cá trong khuôn viên đất Công ty và một phần được sử dụng để tưới cây xanh; khi hệ thống mương thoát nước thải chung của CCN Thạnh Phú - Thiện Tân được xây dựng thì nước thải sau xử lý chảy ra suối Bà Ba và nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai.

- **Về vấn đề khí thải và các biện pháp xử lý khí thải:** Hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải của Công ty được mô tả như sau: Bụi gỗ từ khu xưởng chế biến, cưa, xẻ, chà nhám → chụp hút → quạt ly tâm → hệ thống cyclone → bụi lắng xuống đáy cyclone và được thu gom → khí thải thoát ra ngoài qua ống thải trên mái nhà xưởng.

Vào thời điểm kiểm tra, thu mẫu, hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải của Công ty đang vận hành bình thường. Số mẫu không khí được lấy để kiểm tra, phân tích là 02 mẫu (gồm 01 mẫu không khí xung quanh và 01 mẫu không khí trong môi trường lao động) và có 06 thông số được kiểm tra, phân tích bao gồm: Tiếng ồn, nhiệt độ, bụi TSP, CO, NO_x, SO₂.

Kết quả phân tích của Trung tâm quan trắc và kỹ thuật môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Phiếu kết quả thử nghiệm số 1483/1DV, 1483/2DV ngày 28/8/2017 cho thấy 6/6 thông số trong không khí xung quanh và không khí môi trường lao động được kiểm tra đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh (trung bình 01 giờ); QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế (từng lần tối đa).

* Căn cứ kết quả kiểm tra, đánh giá hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường và kết quả kiểm tra thực tế, Phòng Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty TNHH Bình B.F.C thực hiện các nội dung sau:

- Thường xuyên duy trì vận hành hệ thống xử lý đảm bảo nước thải, khí thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; có biện pháp kiểm soát, giám sát lưu lượng nước thải, khí thải phát sinh, không để hệ thống xử lý quá tải; không được xả nước thải, khí thải chưa qua xử lý ra môi trường. Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các tuyến ống thu gom, tránh rò rỉ chất thải thấm vào môi trường đất, nước.

- Thực hiện công khai minh bạch các đường ống thu gom dòng nước thải về hệ thống xử lý, đường ống thoát nước ra môi trường để thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh thu gom sạch sẽ rác thải; nạo vét, khai thông hệ thống mương thoát nước mưa trong khuôn viên Công ty, tránh tình trạng rác ứ đọng ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực.

- Thường xuyên thu dọn, vệ sinh lượng bụi gỗ, mùn cưa, dăm bào phát sinh tại khu vực thu gom (nhà kho chứa) và có các biện pháp che chắn để không phát tán ra xung quanh ảnh hưởng đến khu vực lân cận.

- Liên hệ với đơn vị có chức năng để hợp đồng thu gom, xử lý đối với chất thải công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Công ty (tùy theo khối lượng phát sinh mà có thể hợp đồng thu gom 03 tháng 01 lần, 06 tháng một lần, 09 tháng 01 lần hoặc 01 năm một lần theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại).

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung yêu cầu tại Giấy xác nhận số 5737/GXN-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản "Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa, công suất 4.500 bộ sản phẩm/năm" và các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan khác.

Trên đây là kết quả kiểm tra, đánh giá hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Bình B.F.C. Phòng Tài nguyên và Môi trường có ý kiến đánh giá gửi cho Công ty TNHH Bình B.F.C để biết và thực hiện./.

(Đính kèm: Phiếu kết quả thử nghiệm nước thải số 1411/1DV, 1411/2DV ngày 24/8/2017 và Phiếu kết quả thử nghiệm chất lượng không khí số 1483/1DV, 1483/2DV ngày 28/8/2017 của Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai).

Nơi nhận: *A*

- Như trên;
- UBND huyện (báo cáo);
- Sở TN&MT (báo cáo);
- Trưởng, Phó phòng TNMT;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Lưu VT.TNMT.

D/Vu2017/NT-HTXLNT.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Hữu Bình

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1762 /STNMT-TNN, KS&BĐKH

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2020

V/v có ý kiến đối với phương án tái sử dụng
nước thải sau xử lý.

Kính gửi: Công ty TNHH Bình B.F.C.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý của Công ty TNHH Bình B.F.C tại Cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;

Qua xem xét Phương án tái sử dụng nước thải sau xử lý của Công ty TNHH Bình B.F.C tại Cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Việc tái sử dụng nước thải sau xử lý là việc làm được khuyến khích theo quy định tại Khoản 4, Điều 4 của Luật Tài nguyên Nước năm 2012 và Điều 24 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014.

2. Để tái sử dụng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn nhà nước (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q=1,2$, $K_f=1,2$) cho mục đích dội rửa nhà vệ sinh, công ty phải có biện pháp thu gom toàn bộ nước thải phát sinh sau khi tái sử dụng để xử lý đạt quy chuẩn nhà nước về nước thải (công khai minh bạch đường ống thu gom, tái sử dụng nước thải), phù hợp với Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và quy chuẩn nhà nước hiện hành về nước thải, không xả nước thải vào lòng đất và nguồn tiếp nhận khác với bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp phương án tái sử dụng nước thải có nội dung làm thay đổi các nội dung theo Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Công ty có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến cơ quan thẩm quyền xác nhận Đề án bảo vệ môi trường để điều chỉnh cho phù hợp trước khi thực hiện.

Nơi nhận: *bauei*

- Như trên;
 - UBND tỉnh (báo cáo);
 - UBND huyện Vĩnh Cửu (phối hợp);
 - Phòng TNMT huyện Vĩnh Cửu, UBND xã Thạnh Phú (phối hợp);
 - Chi cục BVMT (phối hợp);
 - Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
 - Lưu: VT, TNN, KS&BĐKH.
- MH. TSD Bình B.F.C



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Ngọc Hưng
Nguyễn Ngọc Hưng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 93 /SDK-CCBVM

Đồng Nai, ngày 8 tháng 8 năm 2017

SỞ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 75.002611.T
(Cấp lần 01)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: Công ty TNHH Bình B.F.C

Địa chỉ văn phòng: CCN Thạnh Phú-Thiện Tân, xã Phú Thanh, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3966.105; Fax: 0251.966.110

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 3602347678 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 18/7/2014.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sở đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Như phần I;
 - Sở TNMT (báo cáo);
 - P.ĐKTNMT (phối hợp);
 - Lưu: VT, KSON (3b)
- D:\H\Thao\SoCNTV.V\2017\BinhBFC\SCT.doc

TUQ. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC TRƯỞNG



Võ Niệm Tường

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 75.002611.T do Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai cấp lần 01 ngày 8 tháng 8 năm 2017)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Nhà máy sản xuất sản phẩm bàn ghế đan sợi nhựa, công suất 4.500 sản phẩm/năm của Công ty TNHH Bình B.F.C

Địa chỉ: CCN Thạnh Phú-Thiện Tân, xã Phú Thanh, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3966.105; Fax: 0251.966.110

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính):

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Cặn sơn thải	Rắn/Lỏng	30	08 01 01
2	Hộp mực in thải	Rắn	6	08 02 04
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý sinh học	Bùn	300	12 06 05
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	6	16 01 06
5	Bao bì mềm thải	Rắn	36	18 01 01
6	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit, thủy tinh)	Rắn	60	18 01 04
7	Giẻ lau, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	72	18 02 01
	Tổng số lượng		510	

3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không

Số: 487 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày ..04/..11/..2016 của: ..Công ty.TNHH.Bình.B.F.C.....

Người đại diện là Ông/Bà: ..Nguyễn.Bình..... Chức danh: ..Giám đốc.....

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG NHẬN:

.....Nhà xưởng 5.083m² (giai đoạn 2).....

Địa điểm xây dựng: ..CCN.Thạnh.Phú, huyện.Vĩnh.Cửu, tỉnh.Đồng.Nai.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: ..Công ty.TNHH.Bình.B.F.C.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: ..Cty.TNHH.Việt.Ngọc.An; Cty.TNHH.TM.DV.Phú.Thịnh.Lộc.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông, khoảng cách;.....

- Diện tích khoang cháy, lối thoát nạn;.....

- Hệ thống cấp nước chữa cháy;.....

- Hệ thống báo cháy tự động;.....

- Hệ thống chữa cháy tự động;.....

- Hệ thống chống sét đánh thẳng;.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.✓

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (thực hiện);
- Cục C66-BCA (báo cáo);
- Lưu: .P2....

...Đồng Nai ngày 09 tháng 11 năm 2016



GIÁM ĐỐC....

Đã là Văn Quyết Thắng

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
Số/TD-PCCC, ngày..... tháng..... Năm.....)

2

Số: 85 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy sốngày 21./12./2017...của: Công ty.TNHH Bình B.F.C.....

Người đại diện là Ông/Bà:.....Nguyễn.Bình..... Chức danh:..Giám Đốc.....

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG NHẬN:

.....Xây mới sàn lửng nhà xưởng A (46x110,5)m².....

Địa điểm xây dựng: ...CCN.Thạnh.Phú, huyện.Vĩnh.Cửu, tỉnh.Đồng.Nai.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty.TNHH.Bình B.F.C.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: ...Cty.TNHH.Việt.Ngọc.An; Cty.TNHH.MTV.Trọng.Bảo.Huy.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

.....- Giao thông, khoảng cách.PCCC;.....

.....- Diện tích.khoang.cháy, lối.thoát.nạn;.....

.....- Hệ thống.cấp.nước.chữa.cháy;.....

.....- Hệ thống.bảo.cháy.tự.động;.....

.....- Hệ thống.chữa.cháy.tự.động.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.✓

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư.;
- Cục.C66.BCA (báo cáo);
- Lưu:..P2.....

..Đồng.Nai, ngày 27 tháng 12 năm 2017..



GIÁM ĐỐC.....

Đại tá Văn Quyết Thắng

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
Số/TD-PCCC, ngày..... tháng..... Năm.....)

[illegible]

Số: 106/TDPCCC-HDPC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số
ngày 04/02/2015 của Công ty TNHH Bình B.F.C
Người đại diện là ông/bà: Nguyễn Bình Chức danh Giám đốc

CẢNH SÁT PC & CC TỈNH ĐỒNG NAI
CHỨNG NHẬN:

Nhà máy Công ty TNHH Bình B.F.C

Địa điểm xây dựng: CCN Thanh Phú – Thiên Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Bình B.F.C.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Việt Ngọc An.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông, khoảng cách;
- Diện tích khoang cháy, lối thoát nạn;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: 1. Không bố trí cửa trượt, cửa cuốn làm cửa thoát nạn và lối thoát nạn phải đảm bảo theo QCVN 06:2010/BXD; Lắp đặt, bổ sung hệ thống báo cháy tự động tại khu vực nhà showroom đảm bảo theo TCVN 5738:2001; Thiết kế hệ thống chữa cháy tự động cho kho và xưởng sản xuất theo TCVN 3890:2009; Cùm bơm và bể nước chữa cháy đảm bảo theo TCVN 2622:1995; Trang bị, bố trí phương tiện PCCC cho công trình theo TCVN 3890:2009 và theo hướng dẫn của cơ quan Cảnh sát PC&CC.

2. Chủ đầu tư phải báo cáo tiến độ thi công công trình để được Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai kiểm tra an toàn PCCC trong quá trình thi công và nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (thực hiện);
- Cục C66-BCA (báo cáo);
- Phòng CS PC&CC số 4;
- Phòng TM (theo dõi);
- Lưu: Phòng HD, CD về PC.

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2015



Đại tá Võ Văn Sáng

CẢNH SÁT PC&CC ĐỒNG NAI
PHÒNG HD, CHỈ ĐẠO VỀ PC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 15 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 04 năm 2016. Tại công trình Nhà máy – Công ty TNHH Bình B.F.C.

Địa chỉ: CCN Thạnh Phú – Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm:

- | | | |
|-------------------------|----------------------|--------------------|
| - Ông Nguyễn Đình Long, | Chức vụ: Đội trưởng, | Cấp bậc: Đại úy. |
| - Ông Phạm Văn Hữu, | Chức vụ: Cán bộ, | Cấp bậc: Thiếu úy. |
- Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với dự án: Nhà máy – Công ty TNHH Bình B.F.C.

Đại diện Chủ đầu tư:

- Ông Nguyễn Bình, Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện đơn vị tổng thầu: Công ty TNHH MTV TM DV KT XD&PCCC An Toàn Thắng.

- Ông Phạm Văn Ánh Giang, Chức vụ: Phó Giám đốc

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được thẩm duyệt về PCCC;
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 106/TDPCCC-HDPC, ngày 10/2/2015;
- Đơn đề nghị nghiệm thu về PCCC;
- Bản vẽ thiết kế kiến trúc, kết cấu, PCCC đã được thẩm duyệt;
- Catalogue xuất xứ của thiết bị.

II. Kiểm tra thử nghiệm thực tế:

A. Về kiến trúc, kết cấu:

Nhà máy – Công ty TNHH Bình B.F.C gồm các hạng mục:

- Nhà xưởng B (xưởng đan) 1.654m²; được xây dựng chủ yếu theo kết cấu cột kèo thép, tường gạch, mái lợp tôn;
- Nhà xưởng C (xưởng gỗ) 2.428,775m²; được xây dựng chủ yếu theo kết cấu cột kèo thép, tường gạch, mái lợp tôn;
- Nhà xưởng E (xưởng sơn tĩnh điện) 1.344m², được xây dựng chủ yếu theo kết cấu cột kèo thép, tường gạch, mái lợp tôn;
- Nhà showroom + văn phòng có diện tích (42x22)+(20x10)m²; được xây dựng chủ yếu theo kết cấu cột bê tông cốt thép, mái lợp tôn;
- Nhà xe 180m², được xây dựng chủ yếu theo kết cấu cột kèo thép, mái lợp tôn;

Và các hạng mục phụ trợ khác.

B. Về thoát nạn:

- Nhà xưởng B: 02 lối thoát nạn, các cửa cuốn thường để mở khi có người làm việc bên trong;
- Nhà xưởng C: 02 lối thoát nạn, các cửa cuốn thường để mở khi có người làm việc bên trong;



- Nhà xưởng E: 02 lối thoát nạn, các cửa cuốn thường để mở khi có người làm việc bên trong;
- Nhà showroom + văn phòng: 02 lối thoát nạn (từ tầng 2 nhà văn phòng có 01 cầu thang bộ thoát nạn);

Cửa thoát nạn đều có hướng mở ra phía ngoài nhà đảm bảo theo QCVN 06:2010/BXD.

C. Về đường giao thông cho xe chữa cháy hoạt động: Đường giao thông nội bộ được thi công chạy xung quanh các nhà xưởng. Tại thời điểm kiểm tra, đường giao thông thông thoáng đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận được công trình.

D. Về hệ thống PCCC:

1. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

Đường ống cấp nước chữa cháy chính có đường kính 114mm được thi công đầu nối mạng vòng khép kín xung quanh nhà máy. Bên trong và bên ngoài các khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng có lắp đặt tổng cộng 56 họng nước chữa cháy vách tường (có lăng vòi kèm theo) để phục vụ chữa cháy trong nhà, tâm họng nước chữa cháy cách nền nhà khoảng 1,25m.

Hệ thống cấp nước chữa cháy được đầu nối vào bể nước dự trữ chữa cháy (có khối tích khoảng 120m³) và cụm bơm chữa cháy hiện hữu gồm: 01 bơm chữa cháy động cơ điện có lưu lượng 50Hp, H=70m; 01 bơm Diesel có lưu lượng 50Hp, H=70m và 01 bơm bù áp Q= 6m³/h, H=80m.

Hệ thống điện cấp cho máy bơm được đầu nối trước CP điện lưới của Cụm công nghiệp cấp cho công ty và đường dây dẫn đi phía dưới hệ thống thoát nước, được luôn trong ống bảo vệ (theo báo cáo của chủ đầu tư).

Tiến hành kiểm tra thực tế tình trạng hoạt động của hệ thống với 02 lăng phun đồng thời, kết quả cho thấy cột nước của 02 lăng phun đạt trên 10m tia nước đặc.

2. Hệ thống báo cháy tự động:

Các khu vực bên trong nhà máy được lắp đặt hệ thống báo cháy tự động gồm: 01 tủ trung tâm báo cháy 08 kênh (zone); 17 cặp đầu báo cháy tia chiếu (beam); 24 chuông báo cháy và 27 nút nhấn khẩn.

Tiến hành kiểm tra trạng thái hoạt động của hệ thống báo cháy tự động bằng phương pháp giả định có khói từ phía dưới bay lên tại vị trí các đầu báo cháy khói và gia tăng nhiệt tại các vị trí đầu báo cháy nhiệt, sau khoảng 10 giây thì thấy tín hiệu các đầu báo cháy được truyền từ đầu báo cháy về trung tâm báo cháy và còi báo cháy hoạt động.

Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống báo cháy hoạt động bình thường.

3. Hệ thống chữa cháy tự động:

Bên trong các khu vực nhà xưởng đan, xưởng đóng gói (hiện hữu), xưởng gỗ được lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước gồm tổng cộng 800 đầu phun Sprinkler hướng xuống 68°C.

Đường ống cấp nước chữa cháy cho hệ thống Sprinkler có đường kính nhánh 114/42mm.

Hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt đảm bảo theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt. Thử nghiệm xác xuất 02 đầu phun cho thấy hệ thống hoạt động đảm bảo yêu cầu.

4. Hệ thống chống sét đánh thẳng:

Hệ thống chống sét đánh thẳng cho công trình sử dụng 01 kim thu sét chủ động, có bán kính bảo vệ mỗi kim là R=110m lắp đặt tại các vị trí mái của nhà xưởng và nhà văn phòng.

Tại thời điểm kiểm tra, chủ đầu tư đã tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp địa có các kim thu sét, kết quả kiểm tra $<10\Omega$ đảm bảo theo TCVN 9385:2012.

5. Phương tiện chữa cháy tại chỗ: Tại thời điểm kiểm tra, nhà máy đã được trang bị phương tiện chữa cháy tại chỗ gồm bình bột chữa cháy xách tay.

6. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: Tại thời điểm kiểm tra tại các vị trí cửa ra vào, trên đường thoát nạn, cầu thang bộ thoát nạn của nhà xưởng, nhà văn phòng đã được trang bị đèn chỉ dẫn thoát hiểm và đèn chiếu sáng sự cố.

III. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận: Công trình cơ bản được thi công theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt. Các hệ thống, phương tiện PCCC lắp đặt đảm bảo yêu cầu.

2. Kiến nghị:

- Đối với các hạng mục xây dựng khác bên trong công ty phải được sự chấp thuận của cơ quan Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai trước khi thi công xây dựng và nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào sử dụng theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện các kiến nghị kèm theo giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 106/TDPCCC-HDPC ngày 10/2/2015.

- Phải đảm bảo việc sắp xếp bố trí dụng cụ bên trong các khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng không được cản trở lối thoát nạn và đường giao thông dành cho xe chữa cháy theo định tại QCVN 06:2010/BXD.

- Trang bị bổ sung hệ thống, phương tiện PCCC tại các khu vực bên trong nhà xưởng, nhà văn phòng đảm bảo theo TCVN 3890:2009.

- Yêu cầu đơn vị thi công hệ thống PCCC hướng dẫn quy trình vận hành, sử dụng các hệ thống PCCC được lắp đặt tại công trình và bàn giao cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC đã lắp đặt đảm bảo hệ thống PCCC luôn luôn hoạt động bình thường như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu.

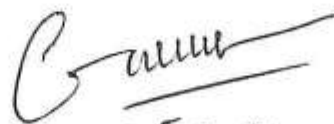
- Yêu cầu công ty thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy tại cơ sở theo Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 03 trang được lập thành 03 bản và đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

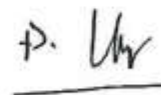


Nguyễn Bình

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG


Lâm Văn Anh Cường

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN PCCC


Nguyễn Đình Long



Kính gửi: Công ty TNHH Bình B.F.C.

Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai nhận được công văn của Công ty TNHH Bình B.F.C về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do đại diện Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai đã lập ngày 26/4/2016.

Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Công trình: Nhà máy – Công ty TNHH Bình B.F.C.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Bình B.F.C.

Địa điểm: CCN Thạnh Phú – Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đã lập ngày 26/4/2016.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến phòng cháy chữa cháy phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Cục C66 – BCA (báo cáo);
- Phòng TM (theo dõi);
- Phòng CS PC&CC số 4 (theo dõi);
- Lưu: Phòng HD, CD về PC (Đội HD TDKT).



Đại tá Văn Quyết Thắng

CẢNH SÁT PC&CC ĐỒNG NAI
PHÒNG HD, CHỈ ĐẠO VỀ PC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 15 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 04 năm 2016. Tại công trình Nhà máy – Công ty TNHH Bình B.F.C.

Địa chỉ: CCN Thanh Phú – Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm:

- | | | |
|-------------------------|----------------------|--------------------|
| - Ông Nguyễn Đình Long, | Chức vụ: Đội trưởng, | Cấp bậc: Đại úy. |
| - Ông Phạm Văn Hữu, | Chức vụ: Cán bộ, | Cấp bậc: Thiếu úy. |
- Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với dự án: Nhà máy – Công ty TNHH Bình B.F.C.

Đại diện Chủ đầu tư:

- Ông Nguyễn Bình, Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện đơn vị tổng thầu: Công ty TNHH MTV TM DV KT XD&PCCC An Toàn Thắng.

- Ông Phạm Văn Ánh Giang, Chức vụ: Phó Giám đốc

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được thẩm duyệt về PCCC;
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 106/TDPCCC-HDPC, ngày 10/2/2015;
- Đơn đề nghị nghiệm thu về PCCC;
- Bản vẽ thiết kế kiến trúc, kết cấu, PCCC đã được thẩm duyệt;
- Catalogue xuất xứ của thiết bị.

II. Kiểm tra thử nghiệm thực tế:

A. Về kiến trúc, kết cấu:

Nhà máy – Công ty TNHH Bình B.F.C gồm các hạng mục:

- Nhà xưởng B (xưởng đan) 1.654m²; được xây dựng chủ yếu theo kết cấu cột kèo thép, tường gạch, mái lợp tôn;
 - Nhà xưởng C (xưởng gỗ) 2.428,775m²; được xây dựng chủ yếu theo kết cấu cột kèo thép, tường gạch, mái lợp tôn;
 - Nhà xưởng E (xưởng sơn tĩnh điện) 1.344m², được xây dựng chủ yếu theo kết cấu cột kèo thép, tường gạch, mái lợp tôn;
 - Nhà showroom + văn phòng có diện tích (42x22)+(20x10)m²; được xây dựng chủ yếu theo kết cấu cột bê tông cốt thép, mái lợp tôn;
 - Nhà xe 180m², được xây dựng chủ yếu theo kết cấu cột kèo thép, mái lợp tôn;
- Và các hạng mục phụ trợ khác.

B. Về thoát nạn:

- Nhà xưởng B: 02 lối thoát nạn, các cửa cuốn thường để mở khi có người làm việc bên trong;
- Nhà xưởng C: 02 lối thoát nạn, các cửa cuốn thường để mở khi có người làm việc bên trong;



- Nhà xưởng E: 02 lối thoát nạn, các cửa cuốn thường để mở khi có người làm việc bên trong;

- Nhà showroom + văn phòng: 02 lối thoát nạn (từ tầng 2 nhà văn phòng có 01 cầu thang bộ thoát nạn);

Cửa thoát nạn đều có hướng mở ra phía ngoài nhà đảm bảo theo QCVN 06:2010/BXD.

C. Về đường giao thông cho xe chữa cháy hoạt động: Đường giao thông nội bộ được thi công chạy xung quanh các nhà xưởng. Tại thời điểm kiểm tra, đường giao thông thông thoáng đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận được công trình.

D. Về hệ thống PCCC:

1. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

Đường ống cấp nước chữa cháy chính có đường kính 114mm được thi công đầu nối mạng vòng khép kín xung quanh nhà máy. Bên trong và bên ngoài các khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng có lắp đặt tổng cộng 56 họng nước chữa cháy vách tường (có lăng vòi kèm theo) để phục vụ chữa cháy trong nhà, tâm họng nước chữa cháy cách nền nhà khoảng 1,25m.

Hệ thống cấp nước chữa cháy được đầu nối vào bể nước dự trữ chữa cháy (có khối tích khoảng 120m³) và cụm bơm chữa cháy hiện hữu gồm: 01 bơm chữa cháy động cơ điện có lưu lượng 50Hp, H=70m; 01 bơm Diesel có lưu lượng 50Hp, H=70m và 01 bơm bù áp Q= 6m³/h, H=80m.

Hệ thống điện cấp cho máy bơm được đầu nối trước CP điện lưới của Cụm công nghiệp cấp cho công ty và đường dây dẫn đi phía dưới hệ thống thoát nước, được luôn trong ống bảo vệ (theo báo cáo của chủ đầu tư).

Tiến hành kiểm tra thực tế tình trạng hoạt động của hệ thống với 02 lăng phun đồng thời, kết quả cho thấy cột nước của 02 lăng phun đạt trên 10m tia nước đặc.

2. Hệ thống báo cháy tự động:

Các khu vực bên trong nhà máy được lắp đặt hệ thống báo cháy tự động gồm: 01 tủ trung tâm báo cháy 08 kênh (zone); 17 cặp đầu báo cháy tia chiếu (beam); 24 chuông báo cháy và 27 nút nhấn khẩn.

Tiến hành kiểm tra trạng thái hoạt động của hệ thống báo cháy tự động bằng phương pháp giả định có khói từ phía dưới bay lên tại vị trí các đầu báo cháy khói và gia tăng nhiệt tại các vị trí đầu báo cháy nhiệt, sau khoảng 10 giây thì thấy tín hiệu các đầu báo cháy được truyền từ đầu báo cháy về trung tâm báo cháy và còi báo cháy hoạt động.

Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống báo cháy hoạt động bình thường.

3. Hệ thống chữa cháy tự động:

Bên trong các khu vực nhà xưởng đan, xưởng đóng gói (hiện hữu), xưởng gỗ được lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước gồm tổng cộng 800 đầu phun Sprinkler hướng xuống 68°C.

Đường ống cấp nước chữa cháy cho hệ thống Sprinkler có đường kính nhánh 114/42mm.

Hệ thống chữa cháy tự động lắp đặt đảm bảo theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt. Thử nghiệm xác xuất 02 đầu phun cho thấy hệ thống hoạt động đảm bảo yêu cầu.

4. Hệ thống chống sét đánh thẳng:

Hệ thống chống sét đánh thẳng cho công trình sử dụng 01 kim thu sét chủ động, có bán kính bảo vệ mỗi kim là R=110m lắp đặt tại các vị trí mái của nhà xưởng và nhà văn phòng.



Tại thời điểm kiểm tra, chủ đầu tư đã tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp địa có các kim thu sét, kết quả kiểm tra $<10\Omega$ đảm bảo theo TCVN 9385:2012.

5. Phương tiện chữa cháy tại chỗ: Tại thời điểm kiểm tra, nhà máy đã được trang bị phương tiện chữa cháy tại chỗ gồm bình bột chữa cháy xách tay.

6. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: Tại thời điểm kiểm tra tại các vị trí cửa ra vào, trên đường thoát nạn, cầu thang bộ thoát nạn cửa nhà xưởng, nhà văn phòng đã được trang bị đèn chỉ dẫn thoát hiểm và đèn chiếu sáng sự cố.

III. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận: Công trình cơ bản được thi công theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt. Các hệ thống, phương tiện PCCC lắp đặt đảm bảo yêu cầu.

2. Kiến nghị:

- Đối với các hạng mục xây dựng khác bên trong công ty phải được sự chấp thuận của cơ quan Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai trước khi thi công xây dựng và nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào sử dụng theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện các kiến nghị kèm theo giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 106/TDPCCC-HDPC ngày 10/2/2015.

- Phải đảm bảo việc sắp xếp bố trí dụng cụ bên trong các khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng không được cản trở lối thoát nạn và đường giao thông dành cho xe chữa cháy theo định tại QCVN 06:2010/BXD.

- Trang bị bổ sung hệ thống, phương tiện PCCC tại các khu vực bên trong nhà xưởng, nhà văn phòng đảm bảo theo TCVN 3890:2009.

- Yêu cầu đơn vị thi công hệ thống PCCC hướng dẫn quy trình vận hành, sử dụng các hệ thống PCCC được lắp đặt tại công trình và bàn giao cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC đã lắp đặt đảm bảo hệ thống PCCC luôn luôn hoạt động bình thường như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu.

- Yêu cầu công ty thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy tại cơ sở theo Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 03 trang được lập thành 03 bản và đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ**



Nguyễn Bình

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THI CÔNG**

Chim vai AIS Giang

**ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN PCCC**

P. Uhr
Nguyễn Đình Long



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom rác thải sinh hoạt)

- Căn cứ bộ luật dân sự năm 2015 được quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11, được quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/06/2015 và các nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ luật bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11, được quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ nhu cầu khả năng hai bên;

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2023 tại văn phòng CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYỄN hai bên gồm có:

Bên A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRÀ NGUYỄN

Do Bà : Hà Thị Nguyễn

Chức vụ: Giám Đốc

ĐT: 0703802532

MST : 3603729863

TK : 143704070004066. Tại : Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) – Chi nhánh Đồng Nai

Địa chỉ: 33/13, Tổ 1, Khu phố 5, Phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Bên B: CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C

Do Ông/Bà: Nguyễn Bình

Chức vụ: Giám đốc

MST: 3602347678

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sau khi bàn bạc hai bên thống nhất ký hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng.

- Bên B giao cho Bên A thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt cho bên B gọn gàng sạch sẽ đảm bảo vệ sinh môi trường

Điều 2: Hình thức giao nhận.

- Bên A sẽ cho xe đến gom rác thải sinh hoạt tại địa chỉ Cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Theo khung thời gian xen kẽ các ngày trong tuần.

Điều 3: Thời gian thực hiện hợp đồng.

Kể từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024.

Điều 4: Khối lượng, đơn giá và hình thức thanh toán.

- Bên B thanh toán tiền thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt cho bên A với giá là: 8.000.000 đồng/tháng (Tám triệu đồng một tháng) (giá chưa bao gồm thuế GTGT)
- Đơn giá trên bao gồm xử lý rác thải sinh hoạt, công ty chúng tôi đã ký kết với đơn vị xử lý rác tại địa điểm: Nhà máy xử lý rác CTNH Vĩnh Tân – Tổ 12, Ấp 4, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

- Bên B thanh toán tiền cho bên A bằng chuyển khoản/tiền mặt sau khi nhận hóa đơn GTGT từ 05 đến 10 ngày.
- Bên B thanh toán theo quý, 3 tháng 1 lần. Bên A sẽ xuất hóa đơn cho Bên B vào ngày trong tháng cuối cùng của các quý.

Điều 5: Cam kết chung.

• Trách nhiệm bên A:

- Bên A sẽ cho xe thu gom rác cho bên B đúng thời gian như điều 2. Và không để tồn đọng rác trong công ty và không làm ảnh hưởng đến môi trường làm việc của công ty.
- Bố trí phương tiện vận chuyển tại địa điểm giao rác thải của bên B theo đúng lịch trình đã được thỏa thuận giữa hai bên.
- Đảm bảo việc thực hiện vận chuyển an toàn, vệ sinh, sạch sẽ khu vực lấy rác thải, hạn chế rơi vãi trong quá trình thu gom.
- Tiếp nhận và xử lý sự cố trong vòng 24 giờ nếu có phát sinh vận chuyển rác thải ngoài lịch trình đã thỏa thuận.

• Trách nhiệm bên B :

- Bên B phải tập chung rác thải sinh hoạt vào đúng nơi quy định để thuận tiện cho bên A thu gom và vận chuyển.
- Bên B không để chất thải nguy hại, chất thải y tế và chất gây cháy nổ lẫn vào rác thải sinh hoạt trường hợp trong quá trình thu gom bên A phát hiện ra chất thải nguy hại và chất thải y tế chất gây cháy nổ lẫn vào rác thải sinh hoạt bên A có quyền không thu gom rác cho bên B

• Trách nhiệm chung:

- Hợp đồng được ký 01 năm, nếu trong vòng 01 năm không đáp ứng được yêu cầu xử lý rác của bên B thì sẽ được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
- Hai bên đồng ý đảm bảo thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn thì phải thông báo cho bên kia biết trước tối thiểu 15 ngày.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có khó khăn vướng mắc hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Nếu bên nào vi phạm hợp đồng sẽ nhờ đến tòa án kinh tế giải quyết.
- Bản hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC


Hà Thị Nguyễn

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC


Nguyễn Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải)

Số: 170324/HĐKT/TL-BFC

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập;
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 03 năm 2024, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH BÌNH BFC

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Thạnh Phú – Thiện Tân, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế : 3602347678

Điện thoại : 02513966105

Đại diện : Ông/Bà NGUYỄN BÌNH

Chức vụ: **GIÁM ĐỐC**

BÊN B : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÀNH LẬP

Địa chỉ trụ sở : 39 Cao Triều Phát, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM, Việt Nam

Địa chỉ VP : 137/31 Trịnh Đình Trọng, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp.HCM

Mã số thuế : 0301761350

Điện thoại : 028 3860 3072

Fax : 028 3974 5075

Đại diện : Ông **Tăng Tư Thế**

Chức vụ: **Giám đốc**

Tài khoản : 2000 148 510 37950 tại Ngân hàng Eximbank Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại của Bên A theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.
- Toàn bộ chất thải thu gom từ Bên A được vận chuyển về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập, tại: Lô 147 Tổ 3 Ấp Bàu Trăn, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố HCM.



- Trường hợp trong quá trình Bên B tiếp nhận chất thải nguy hại mà phát hiện Bên A để lẫn bất kỳ loại chất thải nào khác không nằm trong danh mục chất thải nguy hại chuyển giao theo hợp đồng ký kết thì bên B sẽ từ chối tiếp nhận khối lượng chất thải bị lẫn đó. Hai bên sẽ tiến hành bàn bạc để đưa ra quyết định thống nhất.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 Số lượng và đơn giá xử lý chất thải nguy hại

- Số lượng và đơn giá thu gom, xử lý chất thải nguy hại Bên A chuyển giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

2.2 Đơn giá xử lý

Chất thải sẽ được thu gom định kỳ **1 lần / năm** hoặc theo yêu cầu của Bên A khi có phát sinh thêm chất thải với giá khoán như sau:

- Nếu tổng số lượng chất thải bàn giao trong **01 năm < 200kg**, thì chi phí Bên A phải thanh toán cho Bên B là **8.000.000 VNĐ** (bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại);
- Nếu khối lượng chất thải bàn giao trong **01 năm > 200kg**, thì chi phí được tính như sau:
Tổng tiền (VNĐ) = [(Tổng khối lượng chất thải - 200kg) x 10.000đ/kg] + 8.000.000

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT
- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam (Kg);
- Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp phép;
- Trường hợp Bên A không chuyển giao chất thải nguy hại vẫn phải trả chi phí khoán theo hợp đồng và không có chứng từ chất thải nguy hại.

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Địa điểm thu gom

- Địa điểm thu gom tại: Công ty TNHH Bình BFC : Cụm công nghiệp Thanh Phú, Thien Tân, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Sau khi thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại.

3.2 Phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản tròn vòng 20 ngày làm việc.
- Hồ sơ thanh toán gồm: Hóa đơn tài chính do bên B cung cấp và chứng từ CTNH đã được ký tên và đóng dấu

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và lưu trữ đúng quy định, chất thải lỏng chứa vào thùng dầy kín nắp.
- Vị trí chuyển giao chất thải cố định để thuận tiện khi Bên B đến tiếp nhận chất thải.
- Lập 01 bộ “Chứng từ chất thải nguy hại” đã được người có thẩm quyền của Bên A ký tên, đóng dấu và giao cho Bên B trong ngày thu gom chất thải.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, nhân viên của Bên B thực hiện công tác tiếp nhận và vận chuyển chất thải (ví dụ: hỗ trợ xe nâng).
- Thanh toán chi phí theo đúng thỏa thuận của hợp đồng này.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Thực hiện thu gom chất thải nguy hại theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi của Bên A.
- Đảm bảo chất thải được xử lý theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường và đúng theo Giấy phép hành nghề Quản lý Chất thải nguy hại đã được cấp.
- Làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và tuân thủ nội quy, quy định khi Bên A yêu cầu.
- Phải trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.
- Phải hoàn trả chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại theo quy định.
- Phải cung cấp các hồ sơ năng lực liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A khi Bên A có yêu cầu phù hợp.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Nếu muốn hủy hợp đồng thì phải thông báo trước cho đối phương 30 ngày.
- Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.
- Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.
- Các biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá

trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....

- Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh trên tinh thần hợp tác.

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực **01 năm** kể từ ngày ký và tự thanh lý.
- Trong trường hợp Bên B tiến hành thu gom, xử lý, hoàn trả xong chứng từ CTNH cho Bên A trước thời hạn kết thúc của hợp đồng và Bên A đã hoàn thành xong nghĩa vụ công nợ thì hợp đồng này cũng tự động được thanh lý tại thời điểm đó.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(CHỦ NGUỒN THẢI)
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bình

ĐẠI DIỆN BÊN B
(ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ)
GIÁM ĐỐC



TĂNG TỰ THỂ



AN TOÀN SỬ DỤNG HÓA CHẤT

Theo tiêu chuẩn 1907/2006/EC, mục 31

Phiên bản: 1.0/01.2014

1. ĐỊNH DANH HÓA CHẤT/TIỀN CHẤT CỦA CÔNG TY CUNG CẤP / CAM KẾT

Product information

Tên thương mại : **DURLAC WOOD STAIN®**

Mã sản phẩm : **BFC-09**

Mô tả : Màu bảo quản đồ gỗ ngoài trời.

Công ty : Công ty TNHH Kỹ Nghệ Sơn Phủ Việt SAPA
558 Quang Trung, P11, Q. Gò Vấp
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : +84839941277
Fax : +84839941279
Email : kinhdoanh@vietsapa.vn

Liên lạc kỹ thuật : Mr. Trương Tấn Phát
Mobile :
Email : phat-tt@vietsapa.vn

2. NHẬN DẠNG NGUY CƠ

Lời khuyên rủi ro cho con người và môi trường

Dễ cháy.

Dị ứng cho da.

Có thể gây tổn hại phổi nếu nuốt phải.

Hơi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

Có hại cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác động có hại lâu dài trong môi trường nước.

Hỗn hợp hơi của sản phẩm và không khí có thể gây nổ.

Tránh xa các nguồn phát lửa.

Các dấu hiệu và triệu chứng

Mất mẫn, dấu hiệu viêm da và các triệu chứng có thể bao gồm một cảm giác bỏng rát và / hoặc xuất hiện khô / nứt. Các dấu hiệu và triệu chứng khác của hệ thống thần kinh trung ương trầm cảm có thể bao gồm đau đầu, buồn nôn, và thiếu sự phối hợp. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng hô hấp có thể bao gồm cảm giác nóng tạm thời của mũi và họng, ho, và / hoặc khó thở. Nếu hóa chất đi vào phổi, các dấu hiệu và triệu chứng có thể bao gồm ho, nghẹt thở, thở khò khè, khó thở, tắc nghẽn ngực, khó thở, và / hoặc sốt. Ảnh hưởng đến cơ quan thính giác có thể bao gồm mất thính lực tạm thời và / hoặc ù tai.

3. THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Bản chất hóa học

Hỗn hợp chất lỏng nhựa tổng hợp gốc dầu thực vật, nhựa thông biến tính, dung môi hữu cơ, bột màu vô cơ và các phụ gia....

Thành chất hóa chất trong màng film khô

CAS-No	EEC No.	Tên hóa chất	Symbol(s)	R-phrase(s)	Nồng độ [%]
-	-	Alkyd resin	-	-	35 - 45
9004-70-0	-	Cellulose, nitrate	-	-	30 - 40
62887-06-3	-	Thermoplastic solid, BMA/MMA copolymer	-	-	10 - 20
20344-49-4	-	Synthetic Iron Oxide (Yellow pigment)	-	-	1 – 10
1309-37-1	-	Synthetic Iron Oxide (Red pigment)	-	-	1 – 10
1317-61-9	-	Synthetic Iron Oxide (Black pigment)	-	-	1 – 10
2786-76-7	-	Naphthol AS pigment	-	-	1 – 5

Thành phần hóa chất (trong dung dịch lỏng, thành phẩm sử dụng tại Việt Nam)

CAS-No	EEC No.	Tên hóa chất	Symbol(s)	R-phrase(s)	Nồng độ [%]
-	-	Alkyd resin	-	-	7 - 15
9004-70-0	-	Cellulose, nitrate	-	-	5 – 10
62887-06-3	-	Thermoplastic solid, BMA/MMA copolymer	-	-	2 – 5
20344-49-4	-	Synthetic Iron Oxide (Yellow pigment)	-	-	1 – 3
1309-37-1	-	Synthetic Iron Oxide (Red pigment)	-	-	1 – 3
1317-61-9	-	Synthetic Iron Oxide (Black pigment)	-	-	1 – 3
2786-76-7	-	Naphthol AS pigment	-	-	1 – 3
123-86-4	-	Mixture of oxygenated solvents	Xn, N	R10; R65-67; R51/53	60 – 70

Lưu ý về thành phần hóa chất : hóa chất không nguy hại được đánh dấu ở cột Symbol và R-phrase bằng dấu (-).

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Nguyên tắc chung:

Sơ cứu đầu tiên là rất cần thiết nếu nuốt phải hóa chất, dính vào da hoặc dây vào mắt.

Di chuyển đối tượng cần sơ cứu đến khu vực thoáng khí.

Chăm sóc y tế nếu vẫn còn bất kỳ sự khó chịu.

Hít phải:

Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành cùng một lúc. Khi bất tỉnh, nới lỏng quần áo và đặt nằm ở vị trí cố định thoáng khí. Chăm sóc y tế nếu bất kỳ sự khó chịu vẫn tiếp tục.

Nuốt phải:

Không gây nôn. Chăm sóc y tế ngay lập tức. **KHÔNG ĐƯỢC LÀM NGƯỜI BỊ BẤT TỈNH NÔN ÓI HAY UỐNG BẤT KỲ CHẤT LỎNG NÀO.**

Da:

Kịp thời rửa da bị dính hóa chất bằng xà phòng hoặc chất tẩy nhẹ và nước. Nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị ngấm hóa chất và giặt rửa như trên.

Mắt:

Ngay lập tức rửa sạch bằng nước sạch trong vài phút.
Không bao giờ sử dụng dung môi.
Chăm sóc y tế nếu bất kỳ sự khó chịu vẫn tiếp tục.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**Phương tiện dập lửa:**

KHUYẾN NGHỊ: nước cao áp,; sương, bột hoặc bột CO₂.
KHÔNG phù hợp : nước máy.

Các thủ tục chữa cháy cụ thể:

Xử lý như là nguồn cháy xăng dầu..
Trong trường hợp cháy và / hoặc nổ, không hít khói.
Nước có thể không có hiệu quả, nhưng sử dụng để giữ cho lửa tiếp xúc với các container lạnh.
Để nước chảy ra khỏi hệ thống cống rãnh và các nguồn nước.

Nguy cơ chuyên biệt:

Hơi dung môi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí.

Sản phẩm cháy:

Cháy hoặc nhiệt độ cao tạo ra: khí độc / hơi / khói, Carbon monoxide (CO), Carbon dioxide (CO₂), Hydrocarbons.

Bảo hộ PCCC:

Người tham gia chữa cháy được yêu cầu mang mặt nạ phòng khói độc.

6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES**Cảnh báo cá nhân:**

Trang bị bảo hộ. Giữ người không được bảo vệ tránh xa khu vực hóa chất.

**Bảo vệ môi trường:**

Xả hóa chất trong hệ thống cống rãnh bị cấm.

Không để cho hóa chất rò rỉ vào môi trường.

Nếu hóa chất bị rò rỉ liên hệ cơ quan chức năng xử lý phù hợp theo qui định / luật.

Spill Cleanup Methods:

Nói chung Thông gió tốt. Lượng nước rửa không để chảy ra cống, đường thủy, hoặc mặt đất. Thông báo cho nhà chức trách nếu có liên quan đến số lượng lớn.

Hấp thụ Hấp thụ là cát, cát hay đất khô vào thùng chứa. Rửa sạch khu vực với nước.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Chú ý sử dụng :

Tránh đổ, da và tiếp xúc mắt. Thông gió tốt. Tránh xa các nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa.

Thông gió tốt, tránh hít hơi. Trong trường hợp thiếu thông gió, mang thiết bị thở thích hợp.

Chú ý về tồn trữ :

Hãy kho chứa khô mát, thông thoáng, và các thùng kín.

Giữ trong container ban đầu.

Tránh xa sức nóng, tia lửa và ngọn lửa.

Giữ riêng biệt từ thực phẩm thức ăn chăn nuôi, phân bón và vật liệu nhạy cảm khác.

Sử dụng những bao được làm bằng: Kim loại.

Không sử dụng các thùng chứa làm bằng: Nhựa.

Tiêu chí tồn trữ :

Bảo quản chất lỏng dễ cháy.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Thông gió:

Khu vực thông gió tốt

Mặt nạ phòng độc:

Sử dụng loại mặt nạ phòng độc thích hợp ở nồng độ cao. Có cartridge lọc khí.

Găng tay bảo vệ :

Sử dụng găng tay cao su PVA hoặc Viton (chống hóa chất).

Bảo vệ mắt :

Sử dụng kính bảo hộ lao động.

Lắp đặt trạm rửa mắt.

Vệ sinh lao động :

Xử lý phù hợp với vệ sinh công nghiệp tốt và thực hành an toàn.

9. THÔNG SỐ HÓA LÝ

Ngoại quan : chất lỏng độ nhớt thấp.

Màu : nâu.

Mùi : mùi mạnh.

Tỷ trọng : 840 – 1000 g/cm³

Độ nhớt (25 °C): 12 – 20 cP Brookfield DV-I

Điểm chớp cháy (°C) : 20 °C
Nhiệt độ tự cháy (°C) : > 200°C
Giới hạn dưới hỗn hợp khí cháy (%) : 0,70 vol.% (White Spirit)
Giới hạn trên hỗn hợp khí cháy (%) : 7,00 vol.% (White Spirit)

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

Độ Ổn định :

Ổn định trong điều kiện lưu trữ thông thường.

Điều kiện cần tránh :

Tránh nhiệt.

Tránh tiếp xúc với tác nhân acid, oxy hóa.

Tác nhân cần tránh :

Amines.

Chất oxy hóa mạnh.

Acid mạnh.

Kiềm mạnh.

Chất độc khí cháy :

Cháy hoặc nhiệt độ cao tạo ra: khí độc / hơi / khói, Carbon monoxide (CO), Carbon dioxide (CO₂), Hydrocarbons.

11. THÔNG TIN ĐỘC CHẤT

Nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe chung :

Tiếp xúc kéo dài và liên tục với các dung môi trong thời gian dài có thể dẫn đến vấn đề sức khỏe lâu dài.

Hít phải :

Hơi có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

Tiếp xúc da :

Tiếp xúc nhiều lần có thể gây khô và nứt da.

Tiếp xúc mắt :

Có thể gây dị ứng cho mắt.

Nuốt phải:

Chất lỏng gây kích thích niêm mạc và có thể gây đau bụng nếu nuốt phải.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Dữ liệu sinh thái :

Không thải ra cống hoặc môi trường; vứt bỏ đến điểm thu gom chất thải được ủy quyền.

Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác động có hại lâu dài trong môi trường nước.

Tính chất độc :

Cá : có hại: 10 < LC/EC/IC50 ≤ 100 mg/l

Thủy sản thân mềm : có hại: 10 < LC/EC/IC50 ≤ 100 mg/l

Rong : Toxic: $1 < LC/EC/IC50 \leq 10 \text{ mg/l}$
Vi sinh vật : kỳ vọng là có hại: $10 < LC/EC/IC50 \leq 100 \text{ mg/l}$
Tính linh động: nổi trên mặt nước.
Bền / khả năng phân hủy : Dễ phân hủy. Ôxi hóa nhanh bằng các phản ứng quang hóa trong không khí.
Nguy cơ tích lũy sinh học : Có tiềm năng tích tụ sinh học.

13. CÂN NHẮC KHI THẢI BỎ :

Phương pháp thải bỏ :

Đốt. Đốt trong buồng đốt phù hợp. Khi rắn lại, nhựa có thể được xử lý trên một bãi rác bình thường. Xem thêm mục 15.

Bao bì nhiễm hóa chất :

Bao bì được làm sạch có thể được tái chế.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Vận tải đường bộ: UN No. Road : 1866
 ADR Class : 3
 ADR Packaging group III
 Hazard NO. (ADR) 30 chất lỏng dễ cháy (flash point giữa 23°C và 61°C , bao gồm) hoặc chất lỏng dễ cháy hoặc chất rắn ở trạng thái nóng chảy có độ chớp cháy ở trên 61°C , đun nóng đến một nhiệt độ bằng hoặc cao hơn điểm flash của nó, hoặc tự làm nóng chất lỏng.
 ADR Label NO. 3
 Tên vận chuyển đúng : chất lỏng dễ cháy.

Giao thông vận tải biển: Biển Số UN: 1866
 IMDG Loại: 3
 IMDG Gói Gr. : III
 EmS số: F-E, S-E
 Chất gây ô nhiễm biển: P

Air Transport: Số UN: 1866
 CAO Loại: 3
 Air Gói Gr. : III
 Giao thông vận tải đường sắt: RID Lớp NO. : 3

15. THÔNG TIN LUẬT

Cụm từ nguy cơ :

R 10	Dễ cháy.
R36/37/38	Rất nhạy cảm với mắt, hệ hô hấp và da..
R37	Dị ứng cho hệ hô hấp.
R 51/53	Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác động có hại lâu dài trong môi trường nước.
R 66	Tiếp xúc nhiều lần có thể gây ra khô hay nứt da.
R 67	Hơi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

Cụm từ an toàn :

S 21	Khi sử dụng không hút thuốc
S 37	Mang găng tay thích hợp.

- | | |
|------|---|
| S 41 | Trong trường hợp cháy và / hoặc nổ không hít khói. |
| S 51 | Chỉ sử dụng ở khu vực thông gió tốt. |
| S 61 | Tránh thải ra môi trường. Hãy tham khảo hướng dẫn đặc biệt / dữ liệu an toàn. |

Biểu tượng: N Nguy hiểm cho môi trường.

16. THÔNG TIN KHÁC

Phù hợp với các yêu cầu của Chỉ thị 2001/58/EC, các văn bản đầy đủ của cụm từ nguy cơ (R) được đề cập trong chương 2 được đưa ra ở đây:

- R 10 Dễ cháy.
- R 11 Rất dễ cháy.
- R 20 Có hại khi hít phải.
- R 20/21 Có hại khi hít phải và tiếp xúc với da.
- R 38 Dị ứng cho da.
- R 51/53 Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ảnh hưởng lâu dài bất lợi môi trường thủy sản.
- R 65 Có hại: có thể gây tổn hại phổi nếu nuốt phải.
- R 66 Tiếp xúc nhiều lần có thể gây ra khô hay nứt da.
- R 67 Hơi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

Sử dụng và hạn chế: dầu màu bảo quản cho đồ gỗ ngoài trời.

Phân phối MSDS: Thông tin trong tài liệu này phải được cung cấp sẵn cho tất cả những người có thể sử dụng hóa chất.

Disclaimer: Thông tin này được dựa trên hiểu biết hiện tại của chúng tôi và được dự định để mô tả các sản phẩm cho các mục đích an toàn, sức khỏe và môi trường. Do đó nó không nên được hiểu như là sự bảo đảm về bất kỳ thuộc tính cụ thể của sản phẩm.



SAFETY DATA SHEET

according to 1907/2006/EC, Article 31

1. IDENTIFICATION OF THE SUBSTANCE/PREPARATION AND OF THE COMPANY/UNDERTAKING

Product information

Trade name : **DURVA® WOOD OIL**

Product Name : **DURVA® WOOD OIL CO2A**

Description : Wood varnish for outdoor furniture (transparent varnish)

Company : Viet Sa Pa Coatings Technology Co., Ltd
110/2A No. 5 St., Ward 17, Go Vap Dist.,
Ho Chi Minh City, Viet Nam

Telephone : +84 28 37163779

Fax : +84 28 37163780

Email : kinhdoanh@vietsapa.vn

Technical information: Mr. Trương Tấn Phát
Email : phat-tt@vietsapa.vn

2. HAZARDS IDENTIFICATION

Risk advice to man and the environment

Flammable.

Irritating to skin.

May cause lung damage if swallowed.

Vapours may cause drowsiness and dizziness.

Harmful to aquatic organisms, may cause long-term adverse effects in the aquatic environment.

The mixture of product vapour and air could be explosive.

Keep away from sources of ignition.

Signs and Symptoms

Defatting dermatitis signs and symptoms may include a burning sensation and/or a dried/cracked appearance. Other signs and symptoms of central nervous system (CNS) depression may include headache, nausea, and lack of coordination. Respiratory irritation signs and symptoms may include a temporary burning sensation of the nose and throat, coughing, and/or difficulty breathing. If material enters lungs, signs and symptoms may include coughing, choking, wheezing, difficulty in breathing, chest congestion, shortness of breath, and/or fever. Auditory system effects may include temporary hearing loss and/or ringing in the ears.

3. COMPOSITION/INFORMATION ON INGREDIENTS

Chemical nature

Solution of mixtures of oil-based synthetic resins, linseed oil, low-aromatic white spirit and microbiocide, drying agents, etc.

Hazardous components

CAS-No	EEC No.	Chemical Name	Symbol(s)	R-phrase(s)	Conc. [%]
-	-	Alkyd resin dissolved in white spirit	-	-	20 - 40
8001-28-1	232-278-6	Akali refined linseed oil	-	-	10 – 20
64742-82-1	265-185-4	White Spirit solvent	Xn, N	R10; R65-67; R51/53	30 – 55
55406-53-6	259-627-5	3- Iodo -2-propynylbutylcarbamate	T, N	R22-23; R41; R48/23; R43; R50	0.1 – 0.2
13586-82-8	237-015-9	Cobalt carboxylate	Xn, Xi, N	R22; R38; R51/53; R43	0.8 – 2
22464-99-9	245-018-1	Zirconium Carboxylate	Xi	R38	1 - 3
96-29-7	202-496-6	Ethyl Methyl Ketoxime	Xn, Xi, Carc3	R40; R21; R41-43	≤ 0.1

Composition comments : other components, not classified as harmful, are indicated by a hyphen (-).

4. FIRST AID MEASURES**General:**

First aid is required if swallowed in case of contact with eyes, in case of contact with skin if gas/vapour is inhaled.
Move the exposed person to fresh air at once.
Get medical attention if any discomfort continues.

Inhalation:

Move the exposed person to fresh air at once. When unconscious, loosen tight clothing and position in secured sideposition. Get medical attention if any discomfort continues.

Ingestion:

DO NOT induce vomiting. Get medical attention immediately. NEVER MAKE AN UNCONSCIOUS PERSON VOMIT OR DRINK FLUIDS!

Skin:

Promptly wash contaminated skin with soap or mild detergent and water. Promptly remove clothing if soaked through and wash as above.

Eyes:

Immediately rinse with water for several minutes.
Never use solvent.

Get medical attention if any discomfort continues.

5. FIRE-FIGHTING MEASURES

Extinguishing media:

RECOMMENDED : water spray, fog of mist. Powder, foam of CO₂.

NOT SUITABLE : water jet.

Specific Fire Fighting Procedures:

Treat as hydrocarbon fire.

In case of fire and/or explosion, do not breathe fumes.

Water may be ineffective but use to keep fire-exposed containers cool.

Keep run-off water out of sewers and water sources. Dike for water control.

Specific hazard:

Solvent vapours may form explosive mixtures with air.

Hazardous Decomp. Products:

Fire or high temperature create : Toxic gases / vapour / fumes, Carbon monoxide (CO), Carbon dioxide (CO₂), Hydrocarbons.

Protective Measures in Fire:

Fire personnel exposed to gases from the product is recommended to use respiratory protection.

6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES

Personal precautions:

Wear protective equipment. Keep unprotected persons away.



Environment protection:

Discharge in sewers prohibited.

Do not allow this chemical to enter the environment.

If the product contaminates lakes, rivers or sewers, inform appropriate authorities in accordance with local regulations.

Spill Cleanup Methods:

General. Ventilate well. Runoff or release water to sewers, waterway or ground if forbidden. Inform authorities if large amounts are involved.

Absorb. Absorb with vermiculite, dry sand or earth and place into containers. Flush area with water.

7. HANDLING AND STORAGE

Usage Precautions :

Avoid spilling, skin and eye contact. Provide good ventilation. Keep away from heat, sparks and open flame.

Ventilate well, avoid breathing vapours. In case of insufficient ventilation, wear suitable respiratory equipment.

Storage Precautions :

Keep in cool, dry, ventilated storage and closed containers.
 Keep in original container.
 Keep away from heat, sparks and open flame.
 Keep separate from food feedstuffs, fertilisers and other sensitive material.
 USE containers made of :
 Metals.
 Do NOT USE containers made of :
 Plastics.

Storage Criteria :

Flammable liquid storage.

8. EXPOSURE CONTROLS AND PERSONAL PROTECTION

Chemical Name	CAS No.	Std	LT - ppm	LT - mg/m ³	ST - ppm	ST - mg/m ³
Low aromatic white spirit	64742-82-1	-	-	350	-	-
3- Iodo -2-propynylbutylcarbamate	55406-53-6	-	-	-	-	0.05
Cobalt carboxylate	13586-82-8	-	-	0.1	-	-
Zirconium Carboxylate	22464-99-9	-	-	5	-	10
Ethyl Methyl Ketoxime	96-29-7	-	10	-	-	-

Ventilation:

Well ventilated area.

Respirators:

Suitable respiratory protection must be used at high concentrations. Gas cartridge.

Protective Glove :

Use protective gloves made of Polyvinyl alcohol (PVA), Viton rubber (fluor rubber).

Eye Protection:

Use eye protection.
 Provide eyewash station.

Hygiene measures:

Handle in accordance with good industrial hygiene and safety practice.

9. PHYSICAL AND CHEMICAL PROPERTIES

Appearance: low viscous Fluid
Color : brownish
Odour: White spirit
Density: 810 – 830 g/cm³
Viscosity (25 °C): 12 – 20 cP Brookfield DV-I
Flash point (°C): 40 °C
Auto Ignition Temp. (°C) : > 200°C
Flammability Limit - Lower (%) : 0,70 vol.% (White Spirit)
Flammability Limit - Upper (%) : 7,00 vol.% (White Spirit)

10. STABILITY AND REACTIVITY

Stability :

Stable under normal storage condition.

Conditions to avoid :

Avoid heat.

Avoid contact with acids and oxidizing substances.

Materials to avoid :

Amines.

Strong oxidizing agents.

Strong acids.

Strong alkalis.

Hazardous Decomp. Products :

Fire or high temperature create : Toxic gases / vapours / fumes, Carbon monoxide (CO), Carbon dioxide (CO₂), Hydrocarbons.

11. TOXICOLOGICAL INFORMATION

General Health Hazards :

Prolonged and repeated contact with solvents over a long period may lead to permanent health problems.

Inhalation :

Vapours may cause drowsiness and dizziness.

Skin Contact :

Repeated exposure may cause skin dryness or cracking.

Eye Contact :

May cause irritation to eyes.

Ingestion :

Liquid irritates mucous membranes and may cause abdominal pain if swallowed.

12. ECOLOGICAL INFORMATION

Ecotoxicological Data :

Do not discharge into drains or the environment; dispose to an authorized waste collection point.

Toxic to aquatic organisms, may cause long-term adverse effects in the aquatic environment.

Acute Toxicity

Fish : Harmful: $10 < LC/EC/IC50 \leq 100$ mg/l

Aquatic Invertebrates : Harmful: $10 < LC/EC/IC50 \leq 100$ mg/l

Algae : Toxic: $1 < LC/EC/IC50 \leq 10$ mg/l

Microorganisms : Expected to be harmful: $10 < LC/EC/IC50 \leq 100$ mg/l

Mobility : Floats on water.

Persistence/degradability : Readily biodegradable. Oxidises rapidly by photo-chemical reactions in air.

Bioaccumulation : Has the potential to bioaccumulate.

13. DISPOSAL CONSIDERATIONS :

Disposal Methods :

INCINERATE. Incinerate in suitable combustion chamber. When cured, the resin may be disposed of on an ordinary landfill.

See section 15.

Contaminated packaging :

Cleaned packaging may be recycled.

14. TRANSPORT INFORMATION

Road Transport : UN No. Road : 1866

ADR Class : 3

ADR Packaging group III

Hazard NO. (ADR) 30 Flammable liquid (flash point between 23°C and 61°C, inclusive) or flammable liquid or solid in the molten state with a flash point above 61°C, heated to a temperature equal to or above its flash point, or self heating liquid.

ADR Label NO. 3

Proper Shipping Name : Flammable resin solution

Sea Transport : UN No. Sea : 1866

IMDG Class : 3

IMDG Pack Gr. : III

EmS No. : F-E, S-E

Marine Pollutant : P

Air Transport : UN No. Air : 1866

ICAO Class : 3

Air Pack Gr. : III

Rail Transport : RID Class NO. : 3

15. REGULATORY INFORMATION**Risk Phrases : R 10**

Flammable.

R36/37/38 Irritating to eyes, respiratory system and skin.

R37 Irritating to respiratory system.

R 51/53 Toxic to aquatic organisms, may cause long-term adverse effects in the aquatic environment.

R 66 Repeated exposure may cause skin dryness or cracking.

R 67 Vapours may cause drowsiness and dizziness.

Safety Phrases :

S 21 When using do not smoke.

S 37 Wear suitable gloves.

S 41 In case of fire and/or explosion do not breathe fumes.

S 51 Use only in well ventilated areas.

S 61 Avoid release to the environment. Refer to special instructions/Safety data sheets.

Symbols : N Dangerous for the environment.

16. OTHER INFORMATION

In accordance with the requirements of Directive 2001/58/EC, the full text of risk phrases (R) referred to in

chapter 2 is stated here :

R 10 Flammable.

R 11 Highly flammable.

R 20 Harmful by inhalation.

R 20/21 Harmful by inhalation and in contact with skin.

R 38 Irritating to skin.

R 51/53 Toxic to aquatic organisms, may cause long-term adverse effects in aquatic environment.

R 65 Harmful : may cause lung damage if swallowed.

R 66 Repeated exposure may cause skin dryness or cracking.

R 67 Vapours may cause drowsiness and dizziness.

Uses and Restrictions : wood varnish for outdoor furniture.

MSDS Distribution : The information in this document should be made available to all who may handle the product.

Disclaimer : This information is based on our current knowledge and is intended to describe the product for the purposes of health, safety and environmental requirements only. It should not therefore be construed as guaranteeing any specific property of the product.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN SẢN PHẨM

VN0001E
1 / 2

Phần 1. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

TÊN THƯƠNG MẠI KOYOBOND KR-560

TÊN NHÀ MÁY SẢN XUẤT: CÔNG TY TNHH KOYO SANGYO VIETNAM

ĐỊA CHỈ: Lô B_3B10_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BỘ PHẬN CHUYÊN TRÁCH: BAN KOYOBOND

TEL: +84-274-222-1567

FAX: +84-274-222-1566

NGÀY TẠO: Ngày 1 tháng 1 năm 2019

Phần 2. THÔNG TIN THÀNH PHẦN - CẤU TRÚC

PHÂN LOẠI ĐƠN HAY HỢP

CHẤT:

PHA TRỘN

TÊN HÓA HỌC: KEO GHEP GỖ GÓC NƯỚC CAO PHÂN TỬ POLYMER

THÀNH PHẦN: STYRENE/BUTADIENE COPOLYMER	Cas No. -	10~30%
Poly (vinyl alcohol)	Cas No. 9002-89-5, 25213-24-5	3~10%
Calcium carbonate	Cas No. 471-34-1	15~30%
Nước	Cas No. -	30~70%

PHÂN LOẠI SỐ UN : Không xác định

Phần 3. XÁC ĐỊNH LOẠI NGUY HẠI:

PHÂN LOẠI NGUY HIỂM Ở NHẬT BẢN: Không áp dụng

Phần 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU:

TIẾP XÚC VỚI MẮT: Ngay lập tức rửa mắt dưới vòi nước ít nhất 15 phút với mắt đang mở, sau đó tham khảo ý kiến của bác sĩ.

TIẾP XÚC VỚI DA: Cởi quần áo và giày bị dính rồi rửa sạch vùng tiếp xúc bằng nước lạnh hoặc nước ấm. Nếu có kích ứng gây ngứa thì tham vấn ngay với bác sĩ.

KHI HÍT PHẢI: Di chuyển ngay đến nơi thoáng khí, giữ yên tĩnh và sau đó tham vấn ngay với bác sĩ.

NUỐT PHẢI: Uống một lượng lớn nước hoặc sữa ngay lập tức để gây nôn, sau đó súc miệng và tham khảo ý kiến bác sĩ.

Phần 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY:

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY: Nước, bột nước, bột hoá học khô, halogenide.

HƯỚNG DẪN CHỮA CHÁY: Tắt nguồn gây lửa. Dập lửa bằng chất chữa cháy trên. Phun nước lên khu vực cháy để ngăn lửa lan rộng. Công tác chữa cháy phải thực hiện theo hướng gió. Nhân viên cứu hoả phải trang bị mặt nạ khí và các thiết bị bảo vệ khác.

Phần 6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ:

HƯỚNG DẪN: Chặn dòng chảy bằng chắn hoặc túi cát. Nếu rò rỉ nhiều thì bơm vào thùng chứa bằng bơm chân không. Nếu rò rỉ ít thì thấm keo bằng cát hoặc mùn cưa và thu hồi.

Trang bị các dụng cụ bảo vệ khi lau dọn như ủng, găng tay chống thấm và kiếng bảo hộ.

Nếu bị đổ ra sông, hồ hay biển thì lập tức báo ngay cho nhà chức trách và có những hành động cần thiết theo đúng luật định.

Phần 7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

HƯỚNG DẪN: Không bao giờ uống hay nuốt, sử dụng ở nơi thoáng khí, trang bị những dụng cụ bảo vệ như kiếng bảo hộ, găng tay chống thấm để tránh tiếp xúc với mắt và da, trang bị cả những thiết bị thở thích hợp nếu cần thiết. Bảo quản ở nhiệt độ dưới 35°C và trên 5°C, tránh ánh nắng trực tiếp. Đóng nắp chặt khi không sử dụng để ngăn chặn đóng màng keo trên bề mặt.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN SẢN PHẨM

VN0001E
2 / 2

Phần 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO HỘ CÁ NHÂN:

GIỚI HẠN PHƠI NHIỄM: Chưa có quy định

BIỆN PHÁP KỸ THUẬT: Khuyến khích sử dụng các thiết bị giảm áp.

THIẾT BỊ BẢO HỘ: Bảo vệ mắt:

Đeo kiếng bảo hộ.

Bảo vệ tay:

Đeo bao tay chống thấm như bao tay cao su.

Bảo vệ da:

Mặc trang phục bảo hộ lao động.

Phần 9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC:

NGOẠI QUAN: Dung dịch màu trắng sữa.

Độ pH: 6.0~8.0

ĐIỂM SÔI: Xấp xỉ 100°C

ĐIỂM TAN CHÁY: Xấp xỉ 0°C

ĐỘ HÒA TAN TRONG NƯỚC: Có thể pha với nước.

Phần 10. HIỂM HOẠI LÝ TÍNH (TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH):

TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHÂN ỦNG: Ổn định trong trạng thái bình thường.

Phần 11. THÔNG TIN ĐỘC HẠI:

Hiện tại chưa có thông tin nào.

Phần 12. THÔNG TIN VỀ ẢNH HƯỞNG MÔI TRƯỜNG:

Xả ra sông, vv...có thể dẫn đến cá và động vật có vảy chết vì suy hô hấp do dính nhũ tương hoặc nguyên nhân khác.

Phần 13. LƯU Ý KHI THẢI RA MÔI TRƯỜNG:

Nên xử lý bằng phương pháp đốt lửa.

Việc rửa nên để cho keo kết tụ thành (màng) tảng, sau đó mới xử lý.

Phải tuân thủ quy định của quốc gia và chính quyền địa phương.

Phần 14. LƯU Ý KHI VẬN CHUYỂN:

Trước khi vận chuyển phải xác thực van đã đóng để không bị rò rỉ, đảm bảo an toàn, ổn định để ngăn ngừa dịch chuyển, nghiêng đổ và hư hại.

Thực hiện theo phương thức vận tải theo quy định của Luật hàng không, IATA; không có không khí độc hại, không phải hàng hóa nhà nước cấm, không ăn mòn, không có nguy cơ đánh lửa và không có bất kỳ thành phần nào bị cấm bởi không khí.

Phần 15. THÔNG TIN PHÁP LỆNH:

Không có thông tin liên quan.

Phần 16. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:

TIÊU CHUẨN FORMALDEHYDE:

Số đăng ký trong Tiêu chuẩn tự quản lý chống lại ô nhiễm không khí trong nhà của Hiệp hội công nghiệp keo dán Nhật Bản.

F☆☆☆☆: 010721

4VOC: 404683

Nội dung này chưa đủ để đánh giá tính độc hại và nguy hiểm. Cần hết sức cẩn thận khi sử dụng.

Thông tin an toàn sản phẩm này được công bố dựa trên cơ sở thông tin mới nhất tại thời điểm hiện tại, không phải thông tin để đảm bảo sự chính xác và hoàn thiện, có thể thay đổi khi cần thiết. Do đó nếu cần thông tin chính xác thì vui lòng liên hệ với Công Ty TNHH Koyo Sangyo Việt Nam.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG AN TOÀN

1. Giới thiệu về sản phẩm/ đơn vị sản xuất/ trách nhiệm

Tên sản phẩm : Tinh màu đen
Mã số sản phẩm : U9442
Công dụng sản phẩm : Ứng dụng công nghiệp
Cách dùng : Pha cùng các sản phẩm sơn bóng, lót Biochem
Thông tin liên lạc : Công ty Cổ Phần Sinh Hóa Quốc Tế (BIOCHEM)
Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3, đường DA4, phường Thới Hòa, Thị xã
Bến Cát, Bình Dương, Việt Nam
Số điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Số Fax: (8428) 3620 4206
Số ĐT (NM): (84) 0274 3 553 308 Fax: (84) 0274 3553 309

2. Thông tin về các nguy cơ gây hại

Phân loại theo GHS:

Tác hại về mặt lý hóa: Không có.
Tác hại liên quan đến sức khỏe con người: Không có.

Phân loại

Cụm từ chỉ sự nguy hiểm : Theo các quy định của Liên Minh Châu Âu, sản phẩm này không thuộc nhóm sản phẩm gây nguy hiểm.
Nguy hại đến sức khỏe con người: H303 – Có thể có hại nếu nuốt phải
H317 – Có thể gây phản ứng dị ứng da
H320 – Gây kích ứng mắt (nếu tiếp xúc trực tiếp)





Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

Các thông tin khác

Các cụm từ cảnh báo thêm: Thông tin hướng dẫn an toàn sẽ được cung cấp cho người sử dụng chuyên nghiệp khi được yêu cầu.

Chỉ thị cấm sử dụng trên thị trường : Không có.

3. Các thành phần hóa chất / thông tin cần biết

Các chất gây tác hại đến sức khỏe con người và môi trường có trong Quy định về Chất nguy hiểm số 67/548/EEC và Tiêu chuẩn về chất gây hại của OSHA số 29 OFR 1910.

Tên hóa chất	Số CAS	Ký hiệu R và giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp (OEL)	Tỷ lệ %	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) theo ACGIH
Carbon Black	1333-86-4		40–60%	
Water	7732-18-5		40-60%	

4. Các biện pháp sơ / cấp cứu

Các trường hợp chung : Trong tất cả các trường hợp có nghi ngờ, hoặc khi thấy xuất hiện triệu chứng, bệnh nhân cần phải được chăm sóc y tế. Nếu bất tỉnh, phải đặt bệnh nhân nằm yên rồi tìm chuyên viên y tế. Không được cho bất cứ gì bằng miệng vào người đang bất tỉnh.

Trường hợp hít phải : Đặt bệnh nhân nơi thoáng khí. Giữ ấm và đặt bệnh nhân nằm im.

Trường hợp văng vào mắt : Lập tức dùng nước sạch xối thật nhiều vào khu vực bị hóa chất văng vào từ 5 đến 10 phút, lưu ý phải mở to mí mắt lên. Nếu có triệu chứng ngứa rát, cần phải được chăm sóc y tế ngay.

Tác động ngoài da : Cởi hết quần áo bị nhiễm hóa chất. Dùng xà phòng và nước rửa thật kỹ hoặc dùng bất kỳ một loại chất rửa nào thích hợp để rửa sạch da. **KHÔNG ĐƯỢC** sử dụng bất kỳ dung môi hoặc chất pha loãng nào.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

- Trường hợp nuốt phải :** Giữ ấm và đặt bệnh nhân nằm im. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn. Nếu xúc rửa thì phải đặt đầu bệnh nhân nằm thấp nhằm giảm nguy cơ chất trong dạ dày tràn vào phổi. Cần phải được chăm sóc y tế trừ khi chỉ nuốt phải một lượng quá nhỏ – không đáng kể.
- Triệu chứng đặc biệt :** Không có.
- Chỉ thị đặc biệt :** Không có.

5. Các biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

- Phương pháp phù hợp :** Nếu có xảy ra cháy, phải dùng bình phun nước, các loại hóa chất khô tạo bọt, hoặc khí CO₂. Phải dùng bình phun nước để lại nguội các thùng hóa chất đầy kín nắp.
- Cách thức không phù hợp :** **KHÔNG ĐƯỢC** dùng vòi phun, hoặc lấy nước từ xô, chậu, ván ván để tạt vì có thể sẽ gây nguy cơ làm lửa cháy lan ra.
- Sản phẩm phân giải nhiệt gây hại :** Tham khảo Phần 10 của tài liệu này.
- Bảo hộ, cảnh báo khi chữa cháy :** Trang bị đủ các thiết bị bảo hộ chữa cháy cần thiết (quần áo, mũ bảo hộ,...) khi tham gia chữa cháy.

6. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- Đề phòng cá nhân :** Tránh để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Cần tránh hít hơi khí và bụi phun mù. Cần tham khảo các biện pháp bảo vệ được nêu trong phần 7 và 8. Cần yêu cầu những người không có phận sự nên tránh xa khu vực làm việc. Không được hút thuốc.
- Trường hợp chất liệu bị đổ tràn :** Phải ngăn chặn không cho hóa chất chảy vào các hệ thống cống rãnh, mạch nước ngầm hoặc các khu vực cấm, kênh mương, ván ván. Sử dụng các vật liệu hút thấm và cho toàn bộ vật liệu có thấm hóa chất đó vào thùng chứa chất phế thải phù hợp.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

7. Yêu cầu về sử dụng và bảo quản

Quá trình bốc dỡ, mang vác, sử dụng: Cần tránh không để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít mùi hóa chất và các bụi phun mù. Không được phép ăn uống và hút thuốc tại khu vực đang bốc dỡ hóa chất. Nên sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân – xem ở phần 8. Tránh xa các loại hóa chất không phù hợp như đề cập trong Phần 10.

Bảo quản: Đóng chặt nắp thùng. Bảo quản hóa chất tại nơi khô ráo và thoáng khí. Nhiệt độ bảo quản: 5 – 40⁰C. Tránh xa các loại hóa chất không phù hợp như đề cập trong Phần 10.

Vật liệu chứa hóa chất: Luôn luôn chứa hóa chất trong thùng làm bằng vật liệu giống như của thùng chứa ban đầu.

8. Các biện pháp kiểm soát bụi khí/ bảo vệ cá nhân

Các biện pháp kỹ thuật: Phải trang bị hệ thống thông hơi hoặc các thiết bị kiểm soát kỹ thuật nhằm đảm bảo mật độ hóa chất trong không khí thấp hơn các mức giới hạn thoát khí công nghiệp quy định. Đảm bảo các trạm nước sạch để rửa mắt và vòi nước chữa cháy gần nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh: Rửa thật kỹ tay, cánh tay và mặt sau khi mang vác hóa chất và trước khi ăn, hút thuốc, sử dụng bồn rửa mặt, và rửa sạch vào cuối ngày làm việc. Luôn luôn phải rửa sạch ngay phần da bị nhiễm hóa chất. Sử dụng chất rửa sạch da phù hợp.

CÁC THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Hệ hô hấp: Phải đeo mặt nạ hoặc khẩu trang khi hệ thống thông hơi không đảm bảo an toàn. Nếu bụi không thể thoát ra được qua hệ thống thông hơi cục bộ, thì phải sử dụng đến máy lọc bụi phù hợp.

Mắt: Phải đeo kính bảo vệ khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...

Da và cơ thể: Mang tạp dề khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...

Tay: Dùng găng tay PF khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

9. Các đặc tính lý hóa

Trạng thái tự nhiên	:	Chất lỏng
Mùi đặc trưng	:	Mùi nhẹ
Tỷ trọng	:	1,2g/cm ³
Điểm cháy	:	Không có (vì là gốc nước)
Điểm nóng chảy	:	Không có (vì là gốc nước)
Nhiệt độ tự phát cháy	:	Không có (vì là gốc nước)
Độ hòa tan trong nước	:	Tốt
Giới hạn nổ	:	Không có (vì là gốc nước)

10. Tính ổn định và phản ứng

Tính ổn định	:	Là sản phẩm ổn định
Phản ứng	:	Có phản ứng với các CHẤT OXY HÓA.
Các sản phẩm phân giải nhiệt gây hại	:	Là các loại cacbon oxit (CO, CO ₂).
Các điều kiện cần tránh	:	Không có
Vật liệu không tương thích:		Những vật liệu không phải là gỗ hoặc mây tre lá
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không có

11. Thông tin về chất độc

Tác hại tức thì:

Hít bụi khí	:	Tại các khu vực được thông hơi kém, việc hít phải bụi khí có thể gây ngứa rát hệ thống hô hấp.
--------------------	---	--



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

- Văng vào mắt** : Có thể gây ngứa rát và tổn thương tạm thời nếu hóa chất bắn vào mắt.
- Tiếp xúc ngoài da** : Việc tiếp xúc thường xuyên và lâu dài với hóa chất có thể gây mất lớp mỡ tự nhiên dưới da, dẫn đến chứng bệnh viêm da không gây dị ứng và thẩm thấu hóa chất qua lớp da.
- Nuốt phải** : Nuốt hóa chất có thể gây đau dạ dày và nôn mửa.

Tác hại lâu dài: Không có

12. Thông tin về ảnh hưởng về mặt sinh thái

- Khả năng gây hại** : Không xác định tại thời điểm này.

13. Điều cần lưu ý khi xử lý chất phế thải

Danh sách các chất thải của: 080112
Liên Minh Châu Âu (EWC)

- Chất thải gây hại** : Theo sự hiểu biết của nhà sản xuất, sản phẩm này không có chất thải gây hại như được liệt kê trong Quyết định của Liên Minh Châu Âu số 91/689/EC.

Các biện pháp xử lý chất thải: Không được phép đổ chất thải vào cống rãnh hoặc các nguồn nước. Nên có biện pháp xử lý chất thải theo quy định luật pháp của nước sở tại.

Danh sách các chất thải của: 080101, 080102
Luật Việt Nam

Theo Luật môi trường Việt Nam: phải xử lý/ đổ bỏ chất thải thông qua đơn vị xử lý chất thải được cấp phép để xử lý theo quy định.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

14. Thông tin cần biết về vận chuyển

Số UN : Không có quy định
Cấp ưu tiên : Không có quy định
Tên đơn vị chuyển chở đạt yêu cầu:
Bộ phận đóng gói :
Cấp IATA-DGR :

15. Thông tin về các quy chế

Quy định pháp luật phải tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui định Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất Oxy hóa, các hợp chất oxits hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

16. Các thông tin khác

Nhận xét : Đây là sản phẩm không chứa glycol

Nội dung trong tài liệu này được biên soạn trong khả năng kiến thức rộng nhất mà chúng tôi có vào thời điểm phát hành và có căn cứ vào những thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện hành. Tuy nhiên, những thông tin trong cuốn tài liệu này không phải là cơ sở để sử dụng sản phẩm chúng tôi vì phạm bất kỳ quyền sáng chế hoặc để bảo đảm (một cách nghiêm nhiên hoặc mặc nhiên) không vi phạm hoặc tình trạng hợp pháp vì bất cứ động cơ cụ thể nào. Người sử dụng tiềm năng có thể tiến hành những cuộc thử nghiệm của riêng mình cũng như các cuộc nghiên cứu để xác định tính hiệu quả của các sản phẩm của công ty Biochem vì mục đích của riêng mình và theo những cách thức sử dụng phù hợp. Do những điều kiện và kỹ thuật áp dụng khác nhau, công ty Biochem không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng sản phẩm, có thể theo kinh nghiệm hoặc quá trình sản xuất và cũng không chịu trách nhiệm về những kỹ thuật được áp dụng trong quá trình sử dụng. Công ty Biochem không chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm bản quyền của bên thứ ba nào do việc người mua hàng sử dụng sản phẩm của công ty chúng tôi.

*Biochem: Công ty CP Sinh Hóa Quốc Tế

Ngày lập : 16/08/2019

Ngày sửa đổi : Lần 3 - 30/09/2022

Phiên bản : V3/U9442-30092022



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG AN TOÀN

1. Giới thiệu về sản phẩm/ đơn vị sản xuất/ trách nhiệm

Tên sản phẩm : Tinh màu đỏ
Mã số sản phẩm : U9458
Công dụng sản phẩm : Ứng dụng công nghiệp
Cách dùng : Pha cùng các sản phẩm sơn bóng, lót Biochem
Thông tin liên lạc : Công ty Cổ Phần Sinh Hóa Quốc Tế (BIOCHEM)
Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3, đường DA4, phường Thới Hòa, Thị xã
Bến Cát, Bình Dương, Việt Nam
Số điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Số Fax: (8428) 3620 4206
Số ĐT (NM): (84) 0274 3 553 308 Fax: (84) 0274 3553 309

2. Thông tin về các nguy cơ gây hại

Phân loại theo GHS:

Tác hại về mặt lý hóa: Không có.
Tác hại liên quan đến sức khỏe con người: Không có.

Phân loại

Cụm từ chỉ sự nguy hiểm : Theo các quy định của Liên Minh Châu Âu, sản phẩm này không thuộc nhóm sản phẩm gây nguy hiểm.
Nguy hại đến sức khỏe con người: H303 – Có thể có hại nếu nuốt phải
H317 – Có thể gây phản ứng dị ứng da
H320 – Gây kích ứng mắt (nếu tiếp xúc trực tiếp)





Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

Các thông tin khác

Các cụm từ cảnh báo thêm: Thông tin hướng dẫn an toàn sẽ được cung cấp cho người sử dụng chuyên nghiệp khi được yêu cầu.

Chỉ thị cấm sử dụng trên thị trường : Không có.

3. Các thành phần hóa chất / thông tin cần biết

Các chất gây tác hại đến sức khỏe con người và môi trường có trong Quy định về Chất nguy hiểm số 67/548/EEC và Tiêu chuẩn về chất gây hại của OSHA số 29 OFR 1910.

Tên hóa chất	Số CAS	Ký hiệu R và giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp (OEL)	Tỷ lệ %	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) theo ACGIH
Không có				

4. Các biện pháp sơ / cấp cứu

Các trường hợp chung : Trong tất cả các trường hợp có nghi ngờ, hoặc khi thấy xuất hiện triệu chứng, bệnh nhân cần phải được chăm sóc y tế. Nếu bất tỉnh, phải đặt bệnh nhân nằm yên rồi tìm chuyên viên y tế. Không được cho bất cứ gì bằng miệng vào người đang bất tỉnh.

Trường hợp hít phải : Đặt bệnh nhân nơi thoáng khí. Giữ ấm và đặt bệnh nhân nằm im.

Trường hợp văng vào mắt : Lập tức dùng nước sạch xối thật nhiều vào khu vực bị hóa chất văng vào từ 5 đến 10 phút, lưu ý phải mở to mí mắt lên. Nếu có triệu chứng ngứa rát, cần phải được chăm sóc y tế ngay.

Tác động ngoài da : Cởi hết quần áo bị nhiễm hóa chất. Dùng xà phòng và nước rửa thật kỹ hoặc dùng bất kỳ một loại chất rửa nào thích hợp để rửa sạch da. **KHÔNG ĐƯỢC** sử dụng bất kỳ dung môi hoặc chất pha loãng nào.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

- Trường hợp nuốt phải :** Giữ ấm và và đặt bệnh nhân nằm im. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn. Nếu xúc rửa thì phải đặt đầu bệnh nhân nằm thấp nhằm giảm nguy cơ chất trong dạ dày tràn vào phổi. Cần phải được chăm sóc y tế trừ khi chỉ nuốt phải một lượng quá nhỏ – không đáng kể.
- Triệu chứng đặc biệt :** Không có.
- Chỉ thị đặc biệt :** Không có.

5. Các biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

- Phương pháp phù hợp :** Nếu có xảy ra cháy, phải dùng bình phun nước, các loại hóa chất khô tạo bọt, hoặc khí CO₂. Phải dùng bình phun nước để lại nguội các thùng hóa chất đầy kín nắp.
- Cách thức không phù hợp :** **KHÔNG ĐƯỢC** dùng vòi phun, hoặc lấy nước từ xô, chậu, ván vên để tạt vì có thể sẽ gây nguy cơ làm lửa cháy lan ra.
- Sản phẩm phân giải nhiệt gây hại :** Tham khảo Phần 10 của tài liệu này.
- Bảo hộ, cảnh báo khi chữa cháy :** Trang bị đủ các thiết bị bảo hộ chữa cháy cần thiết (quần áo, mũ bảo hộ,...) khi tham gia chữa cháy.

6. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- Phòng cá nhân :** Tránh để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Cần tránh hít hơi khí và bụi phun mù. Cần tham khảo các biện pháp bảo vệ được nêu trong phần 7 và 8. Cần yêu cầu những người không có phận sự nên tránh xa khu vực làm việc. Không được hút thuốc.
- Trường hợp chất liệu bị đổ tràn :** Phải ngăn chặn không cho hóa chất chảy vào các hệ thống cống rãnh, mạch nước ngầm hoặc các khu vực cấm, kênh mương, ván vên. Sử dụng các vật liệu hút thấm và cho toàn bộ vật liệu có thấm hóa chất đó vào thùng chứa chất phế thải phù hợp.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

7. Yêu cầu về sử dụng và bảo quản

Quá trình bốc dỡ, mang vác, sử dụng: Cần tránh không để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít mùi hóa chất và các bụi phun mù. Không được phép ăn uống và hút thuốc tại khu vực đang bốc dỡ hóa chất. Nên sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân – xem ở phần 8. Tránh xa các loại hóa chất không phù hợp như đề cập trong Phần 10.

Bảo quản: Đóng chặt nắp thùng. Bảo quản hóa chất tại nơi khô ráo và thoáng khí. Nhiệt độ bảo quản: 5 – 40⁰C. Tránh xa các loại hóa chất không phù hợp như đề cập trong Phần 10.

Vật liệu chứa hóa chất: Luôn luôn chứa hóa chất trong thùng làm bằng vật liệu giống như của thùng chứa ban đầu.

8. Các biện pháp kiểm soát bụi khí/ bảo vệ cá nhân

Các biện pháp kỹ thuật: Phải trang bị hệ thống thông hơi hoặc các thiết bị kiểm soát kỹ thuật nhằm đảm bảo mật độ hóa chất trong không khí thấp hơn các mức giới hạn thoát khí công nghiệp quy định. Đảm bảo các trạm nước sạch để rửa mắt và vòi nước chữa cháy gần nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh: Rửa thật kỹ tay, cánh tay và mặt sau khi mang vác hóa chất và trước khi ăn, hút thuốc, sử dụng bồn rửa mặt, và rửa sạch vào cuối ngày làm việc. Luôn luôn phải rửa sạch ngay phần da bị nhiễm hóa chất. Sử dụng chất rửa sạch da phù hợp.

CÁC THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Hệ hô hấp: Phải đeo mặt nạ hoặc khẩu trang khi hệ thống thông hơi không đảm bảo an toàn. Nếu bụi không thể thoát ra được qua hệ thống thông hơi cục bộ, thì phải sử dụng đến máy lọc bụi phù hợp.

Mắt: Phải đeo kính bảo vệ khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...

Da và cơ thể: Mang tạp dề khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...

Tay: Dùng găng tay PE khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

9. Các đặc tính lý hóa

Trạng thái tự nhiên	:	Chất lỏng
Mùi đặc trưng	:	Mùi nhẹ
Tỷ trọng	:	1,2g/cm ³
Điểm cháy	:	Không có (vì là gốc nước)
Điểm nóng chảy	:	Không có (vì là gốc nước)
Nhiệt độ tự phát cháy	:	Không có (vì là gốc nước)
Độ hòa tan trong nước	:	Tốt
Giới hạn nổ	:	Không có (vì là gốc nước)

10. Tính ổn định và phản ứng

Tính ổn định	:	Là sản phẩm ổn định
Phản ứng	:	Có phản ứng với các CHẤT OXY HÓA.
Các sản phẩm phân giải nhiệt gây hại	:	Là các loại cacbon oxit (CO, CO ₂).
Các điều kiện cần tránh	:	Không có
Vật liệu không tương thích:		Những vật liệu không phải là gỗ hoặc mây tre lá
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không có

11. Thông tin về chất độc

Tác hại tức thì:



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

- Hít bụi khí** : Tại các khu vực được thông hơi kém, việc hít phải bụi khí có thể gây ngứa rát hệ thống hô hấp.
- Văng vào mắt** : Có thể gây ngứa rát và tổn thương tạm thời nếu hóa chất bắn vào mắt.
- Tiếp xúc ngoài da** : Việc tiếp xúc thường xuyên và lâu dài với hóa chất có thể gây mất lớp mỡ tự nhiên dưới da, dẫn đến chứng bệnh viêm da không gây dị ứng và thẩm thấu hóa chất qua lớp da.
- Nuốt phải** : Nuốt hóa chất có thể gây đau dạ dày và nôn mửa.

Tác hại lâu dài: Không có

12. Thông tin về ảnh hưởng về mặt sinh thái

- Khả năng gây hại** : Không xác định tại thời điểm này.

13. Điều cần lưu ý khi xử lý chất phế thải

Danh sách các chất thải của: 080112
Liên Minh Châu Âu (EWC)

- Chất thải gây hại** : Theo sự hiểu biết của nhà sản xuất, sản phẩm này không có chất thải gây hại như được liệt kê trong Quyết định của Liên Minh Châu Âu số 91/689/EC.

Các biện pháp xử lý chất thải: Không được phép đổ chất thải vào cống rãnh hoặc các nguồn nước. Nên có biện pháp xử lý chất thải theo quy định luật pháp của nước sở tại.

Danh sách các chất thải của: 080101, 080102
Luật Việt Nam

Theo Luật môi trường Việt Nam: phải xử lý/ đổ bỏ chất thải thông qua đơn vị xử lý chất thải được cấp phép để xử lý theo quy định.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

14. Thông tin cần biết về vận chuyển

Số UN : Không có quy định
Cấp ưu tiên : Không có quy định
Tên đơn vị chuyển chở đạt yêu cầu:
Bộ phận đóng gói :
Cấp IATA-DGR :

15. Thông tin về các quy chế

Quy định pháp luật phải tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui định Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất Oxy hóa, các hợp chất oxits hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

16. Các thông tin khác

Nhận xét : Đây là sản phẩm không chứa glycol

Nội dung trong tài liệu này được biên soạn trong khả năng kiến thức rộng nhất mà chúng tôi có vào thời điểm phát hành và có căn cứ vào những thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện hành. Tuy nhiên, những thông tin trong cuốn tài liệu này không phải là cơ sở để sử dụng sản phẩm chúng tôi vì phạm bất kỳ quyền sáng chế hoặc để bảo đảm (một cách nghiêm nhiên hoặc mặc nhiên) không vi phạm hoặc tình trạng hợp pháp vì bất cứ động cơ cụ thể nào. Người sử dụng tiềm năng có thể tiến hành những cuộc thử nghiệm của riêng mình cũng như các cuộc nghiên cứu để xác định tính hiệu quả của các sản phẩm của công ty Biochem vì mục đích của riêng mình và theo những cách thức sử dụng phù hợp. Do những điều kiện và kỹ thuật áp dụng khác nhau, công ty Biochem không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng sản phẩm, có thể theo kinh nghiệm hoặc quá trình sản xuất và cũng không chịu trách nhiệm về những kỹ thuật được áp dụng trong quá trình sử dụng. Công ty Biochem không chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm bản quyền của bên thứ ba nào do việc người mua hàng sử dụng sản phẩm của công ty chúng tôi.

*Biochem: Công ty CP Sinh Hóa Quốc Tế

Ngày lập : 16/08/2019

Ngày sửa đổi : Lần 3 - 30/09/2022

Phiên bản : V3/U9458-30092022



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG AN TOÀN

1. Giới thiệu về sản phẩm/ đơn vị sản xuất/ trách nhiệm

Tên sản phẩm : Tinh màu đỏ
Mã số sản phẩm : U23010
Công dụng sản phẩm : Ứng dụng công nghiệp
Cách dùng : Pha cùng các sản phẩm sơn bóng, lót Biochem
Thông tin liên lạc : Công ty Cổ Phần Sinh Hóa Quốc Tế (BIOCHEM)
Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3, đường DA4, phường Thới Hòa, Thị xã
Bến Cát, Bình Dương, Việt Nam
Số điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Số Fax: (8428) 3620 4206
Số ĐT (NM): (84) 0274 3 553 308 Fax: (84) 0274 3553 309

2. Thông tin về các nguy cơ gây hại

Phân loại theo GHS:

Tác hại về mặt lý hóa: Không có.
Tác hại liên quan đến sức khỏe con người: Không có.

Phân loại

Cụm từ chỉ sự nguy hiểm : Theo các quy định của Liên Minh Châu Âu, sản phẩm này không thuộc nhóm sản phẩm gây nguy hiểm.
Nguy hại đến sức khỏe con người: H303 – Có thể có hại nếu nuốt phải
H317 – Có thể gây phản ứng dị ứng da
H320 – Gây kích ứng mắt (nếu tiếp xúc trực tiếp)





Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

Các thông tin khác

Các cụm từ cảnh báo thêm: Thông tin hướng dẫn an toàn sẽ được cung cấp cho người sử dụng chuyên nghiệp khi được yêu cầu.

Chỉ thị cấm sử dụng trên thị trường : Không có.

3. Các thành phần hóa chất / thông tin cần biết

Các chất gây tác hại đến sức khỏe con người và môi trường có trong Quy định về Chất nguy hiểm số 67/548/EEC và Tiêu chuẩn về chất gây hại của OSHA số 29 OFR 1910.

Tên hóa chất	Số CAS	Ký hiệu R và giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp (OEL)	Tỷ lệ %	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) theo ACGIH
Không có				

4. Các biện pháp sơ / cấp cứu

Các trường hợp chung : Trong tất cả các trường hợp có nghi ngờ, hoặc khi thấy xuất hiện triệu chứng, bệnh nhân cần phải được chăm sóc y tế. Nếu bất tỉnh, phải đặt bệnh nhân nằm yên rồi tìm chuyên viên y tế. Không được cho bất cứ gì bằng miệng vào người đang bất tỉnh.

Trường hợp hít phải : Đặt bệnh nhân nơi thoáng khí. Giữ ấm và đặt bệnh nhân nằm im.

Trường hợp văng vào mắt : Lập tức dùng nước sạch xối thật nhiều vào khu vực bị hóa chất văng vào từ 5 đến 10 phút, lưu ý phải mở to mí mắt lên. Nếu có triệu chứng ngứa rát, cần phải được chăm sóc y tế ngay.

Tác động ngoài da : Cởi hết quần áo bị nhiễm hóa chất. Dùng xà phòng và nước rửa thật kỹ hoặc dùng bất kỳ một loại chất rửa nào thích hợp để rửa sạch da. **KHÔNG ĐƯỢC** sử dụng bất kỳ dung môi hoặc chất pha loãng nào.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

- Trường hợp nuốt phải :** Giữ ấm và và đặt bệnh nhân nằm im. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn. Nếu xúc rửa thì phải đặt đầu bệnh nhân nằm thấp nhằm giảm nguy cơ chất trong dạ dày tràn vào phổi. Cần phải được chăm sóc y tế trừ khi chỉ nuốt phải một lượng quá nhỏ – không đáng kể.
- Triệu chứng đặc biệt :** Không có.
- Chỉ thị đặc biệt :** Không có.

5. Các biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

- Phương pháp phù hợp :** Nếu có xảy ra cháy, phải dùng bình phun nước, các loại hóa chất khô tạo bọt, hoặc khí CO₂. Phải dùng bình phun nước để lại nguội các thùng hóa chất đầy kín nắp.
- Cách thức không phù hợp :** **KHÔNG ĐƯỢC** dùng vòi phun, hoặc lấy nước từ xô, chậu, ván ván để tạt vì có thể sẽ gây nguy cơ làm lửa cháy lan ra.
- Sản phẩm phân giải nhiệt gây hại :** Tham khảo Phần 10 của tài liệu này.
- Bảo hộ, cảnh báo khi chữa cháy :** Trang bị đủ các thiết bị bảo hộ chữa cháy cần thiết (quần áo, mũ bảo hộ,...) khi tham gia chữa cháy.

6. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- Phòng cá nhân :** Tránh để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Cần tránh hít hơi khí và bụi phun mù. Cần tham khảo các biện pháp bảo vệ được nêu trong phần 7 và 8. Cần yêu cầu những người không có phận sự nên tránh xa khu vực làm việc. Không được hút thuốc.
- Trường hợp chất liệu bị đổ tràn :** Phải ngăn chặn không cho hóa chất chảy vào các hệ thống cống rãnh, mạch nước ngầm hoặc các khu vực cấm, kênh mương, ván ván. Sử dụng các vật liệu hút thấm và cho toàn bộ vật liệu có thấm hóa chất đó vào thùng chứa chất phế thải phù hợp.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

7. Yêu cầu về sử dụng và bảo quản

Quá trình bốc dỡ, mang vác, sử dụng: Cần tránh không để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít mùi hóa chất và các bụi phun mù. Không được phép ăn uống và hút thuốc tại khu vực đang bốc dỡ hóa chất. Nên sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân – xem ở phần 8. Tránh xa các loại hóa chất không phù hợp như đề cập trong Phần 10.

Bảo quản: Đóng chặt nắp thùng. Bảo quản hóa chất tại nơi khô ráo và thoáng khí. Nhiệt độ bảo quản: 5 – 40⁰C. Tránh xa các loại hóa chất không phù hợp như đề cập trong Phần 10.

Vật liệu chứa hóa chất: Luôn luôn chứa hóa chất trong thùng làm bằng vật liệu giống như của thùng chứa ban đầu.

8. Các biện pháp kiểm soát bụi khí/ bảo vệ cá nhân

Các biện pháp kỹ thuật: Phải trang bị hệ thống thông hơi hoặc các thiết bị kiểm soát kỹ thuật nhằm đảm bảo mật độ hóa chất trong không khí thấp hơn các mức giới hạn thoát khí công nghiệp quy định. Đảm bảo các trạm nước sạch để rửa mắt và vòi nước chữa cháy gần nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh: Rửa thật kỹ tay, cánh tay và mặt sau khi mang vác hóa chất và trước khi ăn, hút thuốc, sử dụng bồn rửa mặt, và rửa sạch vào cuối ngày làm việc. Luôn luôn phải rửa sạch ngay phần da bị nhiễm hóa chất. Sử dụng chất rửa sạch da phù hợp.

CÁC THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Hệ hô hấp: Phải đeo mặt nạ hoặc khẩu trang khi hệ thống thông hơi không đảm bảo an toàn. Nếu bụi không thể thoát ra được qua hệ thống thông hơi cục bộ, thì phải sử dụng đến máy lọc bụi phù hợp.

Mắt: Phải đeo kính bảo vệ khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...

Da và cơ thể: Mang tạp dề khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...

Tay: Dùng găng tay PE khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

9. Các đặc tính lý hóa

Trạng thái tự nhiên	:	Chất lỏng
Mùi đặc trưng	:	Mùi nhẹ
Tỷ trọng	:	1,2g/cm ³
Điểm cháy	:	Không có (vì là gốc nước)
Điểm nóng chảy	:	Không có (vì là gốc nước)
Nhiệt độ tự phát cháy	:	Không có (vì là gốc nước)
Độ hòa tan trong nước	:	Tốt
Giới hạn nổ	:	Không có (vì là gốc nước)

10. Tính ổn định và phản ứng

Tính ổn định	:	Là sản phẩm ổn định
Phản ứng	:	Có phản ứng với các CHẤT OXY HÓA.
Các sản phẩm phân giải nhiệt gây hại	:	Là các loại cacbon oxit (CO, CO ₂).
Các điều kiện cần tránh	:	Không có
Vật liệu không tương thích:		Những vật liệu không phải là gỗ hoặc mây tre lá
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không có

11. Thông tin về chất độc

Tác hại tức thì:



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

- Hít bụi khí** : Tại các khu vực được thông hơi kém, việc hít phải bụi khí có thể gây ngứa rát hệ thống hô hấp.
- Văng vào mắt** : Có thể gây ngứa rát và tổn thương tạm thời nếu hóa chất bắn vào mắt.
- Tiếp xúc ngoài da** : Việc tiếp xúc thường xuyên và lâu dài với hóa chất có thể gây mất lớp mỡ tự nhiên dưới da, dẫn đến chứng bệnh viêm da không gây dị ứng và thẩm thấu hóa chất qua lớp da.
- Nuốt phải** : Nuốt hóa chất có thể gây đau dạ dày và nôn mửa.

Tác hại lâu dài: Không có

12. Thông tin về ảnh hưởng về mặt sinh thái

- Khả năng gây hại** : Không xác định tại thời điểm này.

13. Điều cần lưu ý khi xử lý chất phế thải

Danh sách các chất thải của: 080112
Liên Minh Châu Âu (EWC)

- Chất thải gây hại** : Theo sự hiểu biết của nhà sản xuất, sản phẩm này không có chất thải gây hại như được liệt kê trong Quyết định của Liên Minh Châu Âu số 91/689/EC.

Các biện pháp xử lý chất thải: Không được phép đổ chất thải vào cống rãnh hoặc các nguồn nước. Nên có biện pháp xử lý chất thải theo quy định luật pháp của nước sở tại.

Danh sách các chất thải của: 080101, 080102
Luật Việt Nam

Theo Luật môi trường Việt Nam: phải xử lý/ đổ bỏ chất thải thông qua đơn vị xử lý chất thải được cấp phép để xử lý theo quy định.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

14. Thông tin cần biết về vận chuyển

Số UN : Không có quy định
Cấp ưu tiên : Không có quy định
Tên đơn vị chuyển chở đại yêu cầu:
Bộ phận đóng gói :
Cấp IATA-DGR :

15. Thông tin về các quy chế

Quy định pháp luật phải tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui định Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất Oxy hóa, các hợp chất oxits hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

16. Các thông tin khác

Nhận xét : Đây là sản phẩm không chứa glycol

Nội dung trong tài liệu này được biên soạn trong khả năng kiến thức rộng nhất mà chúng tôi có vào thời điểm phát hành và có căn cứ vào những thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện hành. Tuy nhiên, những thông tin trong cuốn tài liệu này không phải là cơ sở để sử dụng sản phẩm chúng tôi vì phạm bất kỳ quyền sáng chế hoặc để bảo đảm (một cách nghiêm nhiên hoặc mặc nhiên) không vi phạm hoặc tình trạng hợp pháp vì bất cứ động cơ cụ thể nào. Người sử dụng tiềm năng có thể tiến hành những cuộc thử nghiệm của riêng mình cũng như các cuộc nghiên cứu để xác định tính hiệu quả của các sản phẩm của công ty Biochem vì mục đích của riêng mình và theo những cách thức sử dụng phù hợp. Do những điều kiện và kỹ thuật áp dụng khác nhau, công ty Biochem không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng sản phẩm, có thể theo kinh nghiệm hoặc quá trình sản xuất và cũng không chịu trách nhiệm về những kỹ thuật được áp dụng trong quá trình sử dụng. Công ty Biochem không chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm bản quyền của bên thứ ba nào do việc người mua hàng sử dụng sản phẩm của công ty chúng tôi.

*Biochem: Công ty CP Sinh Hóa Quốc Tế

Ngày lập : 16/08/2019

Ngày sửa đổi : Lần 3 - 30/09/2022

Phiên bản : V3/U23010-30092022



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG AN TOÀN

1. Giới thiệu về sản phẩm/ đơn vị sản xuất/ trách nhiệm

Tên sản phẩm : Tinh màu vàng đất
Mã số sản phẩm : U9383
Công dụng sản phẩm : Ứng dụng công nghiệp
Cách dùng : Pha cùng các sản phẩm sơn bóng, lót Biochem
Thông tin liên lạc : Công ty Cổ Phần Sinh Hóa Quốc Tế (BIOCHEM)
Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3, đường DA4, phường Thới Hòa, Thị xã
Bến Cát, Bình Dương, Việt Nam
Số điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Số Fax: (8428) 3620 4206
Số ĐT (NM): (84) 0274 3 553 308 Fax: (84) 0274 3553 309

2. Thông tin về các nguy cơ gây hại

Phân loại theo GHS:

Tác hại về mặt lý hóa: Không có.
Tác hại liên quan đến sức khỏe con người: Không có.

Phân loại

Cụm từ chỉ sự nguy hiểm : Theo các quy định của Liên Minh Châu Âu, sản phẩm này không thuộc nhóm sản phẩm gây nguy hiểm.
Nguy hại đến sức khỏe con người: H303 – Có thể có hại nếu nuốt phải
H317 – Có thể gây phản ứng dị ứng da
H320 – Gây kích ứng mắt (nếu tiếp xúc trực tiếp)





Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

Các thông tin khác

Các cụm từ cảnh báo thêm: Thông tin hướng dẫn an toàn sẽ được cung cấp cho người sử dụng chuyên nghiệp khi được yêu cầu.

Chỉ thị cấm sử dụng trên thị trường : Không có.

3. Các thành phần hóa chất / thông tin cần biết

Các chất gây tác hại đến sức khỏe con người và môi trường có trong Quy định về Chất nguy hiểm số 67/548/EEC và Tiêu chuẩn về chất gây hại của OSHA số 29 OFR 1910.

Tên hóa chất	Số CAS	Ký hiệu R và giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp (OEL)	Tỷ lệ %	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) theo ACGIH
Không có				

4. Các biện pháp sơ / cấp cứu

Các trường hợp chung : Trong tất cả các trường hợp có nghi ngờ, hoặc khi thấy xuất hiện triệu chứng, bệnh nhân cần phải được chăm sóc y tế. Nếu bất tỉnh, phải đặt bệnh nhân nằm yên rồi tìm chuyên viên y tế. Không được cho bất cứ gì bằng miệng vào người đang bất tỉnh.

Trường hợp hít phải : Đặt bệnh nhân nơi thoáng khí. Giữ ấm và đặt bệnh nhân nằm im.

Trường hợp văng vào mắt : Lập tức dùng nước sạch xối thật nhiều vào khu vực bị hóa chất văng vào từ 5 đến 10 phút, lưu ý phải mở to mí mắt lên. Nếu có triệu chứng ngứa rát, cần phải được chăm sóc y tế ngay.

Tác động ngoài da : Cởi hết quần áo bị nhiễm hóa chất. Dùng xà phòng và nước rửa thật kỹ hoặc dùng bất kỳ một loại chất rửa nào thích hợp để rửa sạch da. **KHÔNG ĐƯỢC** sử dụng bất kỳ dung môi hoặc chất pha loãng nào.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

- Trường hợp nuốt phải :** Giữ ấm và và đặt bệnh nhân nằm im. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn. Nếu xúc rửa thì phải đặt đầu bệnh nhân nằm thấp nhằm giảm nguy cơ chất trong dạ dày tràn vào phổi. Cần phải được chăm sóc y tế trừ khi chỉ nuốt phải một lượng quá nhỏ – không đáng kể.
- Triệu chứng đặc biệt :** Không có.
- Chỉ thị đặc biệt :** Không có.

5. Các biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

- Phương pháp phù hợp :** Nếu có xảy ra cháy, phải dùng bình phun nước, các loại hóa chất khô tạo bọt, hoặc khí CO₂. Phải dùng bình phun nước để lại nguội các thùng hóa chất đầy kín nắp.
- Cách thức không phù hợp :** **KHÔNG ĐƯỢC** dùng vòi phun, hoặc lấy nước từ xô, chậu, ván ván để tạt vì có thể sẽ gây nguy cơ làm lửa cháy lan ra.
- Sản phẩm phân giải nhiệt gây hại :** Tham khảo Phần 10 của tài liệu này.
- Bảo hộ, cảnh báo khi chữa cháy :** Trang bị đủ các thiết bị bảo hộ chữa cháy cần thiết (quần áo, mũ bảo hộ,...) khi tham gia chữa cháy.

6. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- Phòng cá nhân :** Tránh để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Cần tránh hít hơi khí và bụi phun mù. Cần tham khảo các biện pháp bảo vệ được nêu trong phần 7 và 8. Cần yêu cầu những người không có phận sự nên tránh xa khu vực làm việc. Không được hút thuốc.
- Trường hợp chất liệu bị đổ tràn :** Phải ngăn chặn không cho hóa chất chảy vào các hệ thống cống rãnh, mạch nước ngầm hoặc các khu vực cấm, kênh mương, ván ván. Sử dụng các vật liệu hút thấm và cho toàn bộ vật liệu có thấm hóa chất đó vào thùng chứa chất phế thải phù hợp.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

7. Yêu cầu về sử dụng và bảo quản

Quá trình bốc dỡ, mang vác, sử dụng: Cần tránh không để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít mùi hóa chất và các bụi phun mù. Không được phép ăn uống và hút thuốc tại khu vực đang bốc dỡ hóa chất. Nên sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân – xem ở phần 8. Tránh xa các loại hóa chất không phù hợp như đề cập trong Phần 10.

Bảo quản: Đóng chặt nắp thùng. Bảo quản hóa chất tại nơi khô ráo và thoáng khí. Nhiệt độ bảo quản: 5 – 40⁰C. Tránh xa các loại hóa chất không phù hợp như đề cập trong Phần 10.

Vật liệu chứa hóa chất: Luôn luôn chứa hóa chất trong thùng làm bằng vật liệu giống như của thùng chứa ban đầu.

8. Các biện pháp kiểm soát bụi khí/ bảo vệ cá nhân

Các biện pháp kỹ thuật: Phải trang bị hệ thống thông hơi hoặc các thiết bị kiểm soát kỹ thuật nhằm đảm bảo mật độ hóa chất trong không khí thấp hơn các mức giới hạn thoát khí công nghiệp quy định. Đảm bảo các trạm nước sạch để rửa mắt và vòi nước chữa cháy gần nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh: Rửa thật kỹ tay, cánh tay và mặt sau khi mang vác hóa chất và trước khi ăn, hút thuốc, sử dụng bồn rửa mặt, và rửa sạch vào cuối ngày làm việc. Luôn luôn phải rửa sạch ngay phần da bị nhiễm hóa chất. Sử dụng chất rửa sạch da phù hợp.

CÁC THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Hệ hô hấp: Phải đeo mặt nạ hoặc khẩu trang khi hệ thống thông hơi không đảm bảo an toàn. Nếu bụi không thể thoát ra được qua hệ thống thông hơi cục bộ, thì phải sử dụng đến máy lọc bụi phù hợp.

Mắt: Phải đeo kính bảo vệ khi phối trộn, sang chiết phun sơn,...

Da và cơ thể: Mang tạp dề khi phối trộn, sang chiết phun sơn,...

Tay: Dùng găng tay PTFE khi phối trộn, sang chiết phun sơn,...



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

9. Các đặc tính lý hóa

Trạng thái tự nhiên	:	Chất lỏng
Mùi đặc trưng	:	Mùi nhẹ
Tỷ trọng	:	1,2g/cm ³
Điểm cháy	:	Không có (vì là gốc nước)
Điểm nóng chảy	:	Không có (vì là gốc nước)
Nhiệt độ tự phát cháy	:	Không có (vì là gốc nước)
Độ hòa tan trong nước	:	Tốt
Giới hạn nổ	:	Không có (vì là gốc nước)

10. Tính ổn định và phản ứng

Tính ổn định	:	Là sản phẩm ổn định
Phản ứng	:	Có phản ứng với các CHẤT OXY HÓA.
Các sản phẩm phân giải nhiệt gây hại	:	Là các loại cacbon oxit (CO, CO ₂).
Các điều kiện cần tránh	:	Không có
Vật liệu không tương thích:	:	Những vật liệu không phải là gỗ hoặc mây tre lá
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không có

11. Thông tin về chất độc

Tác hại tức thì:



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

- Hít bụi khí** : Tại các khu vực được thông hơi kém, việc hít phải bụi khí có thể gây ngứa rát hệ thống hô hấp.
- Văng vào mắt** : Có thể gây ngứa rát và tổn thương tạm thời nếu hóa chất bắn vào mắt.
- Tiếp xúc ngoài da** : Việc tiếp xúc thường xuyên và lâu dài với hóa chất có thể gây mất lớp mỡ tự nhiên dưới da, dẫn đến chứng bệnh viêm da không gây dị ứng và thẩm thấu hóa chất qua lớp da.
- Nuốt phải** : Nuốt hóa chất có thể gây đau dạ dày và nôn mửa.

Tác hại lâu dài: Không có

12. Thông tin về ảnh hưởng về mặt sinh thái

- Khả năng gây hại** : Không xác định tại thời điểm này.

13. Điều cần lưu ý khi xử lý chất phế thải

Danh sách các chất thải của: 080112
Liên Minh Châu Âu (EWC)

- Chất thải gây hại** : Theo sự hiểu biết của nhà sản xuất, sản phẩm này không có chất thải gây hại như được liệt kê trong Quyết định của Liên Minh Châu Âu số 91/689/EC.

Các biện pháp xử lý chất thải: Không được phép đổ chất thải vào cống rãnh hoặc các nguồn nước. Nên có biện pháp xử lý chất thải theo quy định luật pháp của nước sở tại.

Danh sách các chất thải của: 080101, 080102
Luật Việt Nam

Theo Luật môi trường Việt Nam: phải xử lý/ đổ bỏ chất thải thông qua đơn vị xử lý chất thải được cấp phép để xử lý theo quy định.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

14. Thông tin cần biết về vận chuyển

Số UN : Không có quy định
Cấp ưu tiên : Không có quy định
Tên đơn vị chuyển chở đạt yêu cầu:
Bộ phận đóng gói :
Cấp IATA-DGR :

15. Thông tin về các quy chế

Quy định pháp luật phải tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui định Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất Oxy hóa, các hợp chất oxits hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

16. Các thông tin khác

Nhận xét : Đây là sản phẩm không chứa glycol

Nội dung trong tài liệu này được biên soạn trong khả năng kiến thức rộng nhất mà chúng tôi có vào thời điểm phát hành và có căn cứ vào những thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện hành. Tuy nhiên, những thông tin trong cuốn tài liệu này không phải là cơ sở để sử dụng sản phẩm chúng tôi vì phạm bất kỳ quyền sáng chế hoặc để bảo đảm (một cách nghiêm nhiên hoặc mặc nhiên) không vi phạm hoặc tình trạng hợp pháp vì bất cứ động cơ cụ thể nào. Người sử dụng tiềm năng có thể tiến hành những cuộc thử nghiệm của riêng mình cũng như các cuộc nghiên cứu để xác định tính hiệu quả của các sản phẩm của công ty Biochem vì mục đích của riêng mình và theo những cách thức sử dụng phù hợp. Do những điều kiện và kỹ thuật áp dụng khác nhau, công ty Biochem không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng sản phẩm, có thể theo kinh nghiệm hoặc quá trình sản xuất và cũng không chịu trách nhiệm về những kỹ thuật được áp dụng trong quá trình sử dụng. Công ty Biochem không chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm bản quyền của bên thứ ba nào do việc người mua hàng sử dụng sản phẩm của công ty chúng tôi.

*Biochem: Công ty CP Sinh Hóa Quốc Tế

Ngày lập : 16/08/2019

Ngày sửa đổi : Lần 3 - 30/09/2022

Phiên bản : V3/U9383-30092022



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG AN TOÀN

1. Giới thiệu về sản phẩm/ đơn vị sản xuất/ trách nhiệm

Tên sản phẩm : Tinh màu vàng
Mã số sản phẩm : U23009
Công dụng sản phẩm : Ứng dụng công nghiệp
Cách dùng : Pha cùng các sản phẩm sơn bóng, lót Biochem
Thông tin liên lạc : Công ty Cổ Phần Sinh Hóa Quốc Tế (BIOCHEM)
Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3, đường DA4, phường Thới Hòa, Thị xã
Bến Cát, Bình Dương, Việt Nam
Số điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Số Fax: (8428) 3620 4206
Số ĐT (NM): (84) 0274 3 553 308 Fax: (84) 0274 3553 309

2. Thông tin về các nguy cơ gây hại

Phân loại theo GHS:

Tác hại về mặt lý hóa: Không có.
Tác hại liên quan đến sức khỏe con người: Không có.

Phân loại

Cụm từ chỉ sự nguy hiểm : Theo các quy định của Liên Minh Châu Âu, sản phẩm này không thuộc nhóm sản phẩm gây nguy hiểm.
Nguy hại đến sức khỏe con người: H303 – Có thể có hại nếu nuốt phải
H317 – Có thể gây phản ứng dị ứng da
H320 – Gây kích ứng mắt (nếu tiếp xúc trực tiếp)





Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

Các thông tin khác

Các cụm từ cảnh báo thêm: Thông tin hướng dẫn an toàn sẽ được cung cấp cho người sử dụng chuyên nghiệp khi được yêu cầu.

Chỉ thị cấm sử dụng trên thị trường : Không có.

3. Các thành phần hóa chất / thông tin cần biết

Các chất gây tác hại đến sức khỏe con người và môi trường có trong Quy định về Chất nguy hiểm số 67/548/EEC và Tiêu chuẩn về chất gây hại của OSHA số 29 OFR 1910.

Tên hóa chất	Số CAS	Ký hiệu R và giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp (OEL)	Tỷ lệ %	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) theo ACGIH
Không có				

4. Các biện pháp sơ / cấp cứu

Các trường hợp chung : Trong tất cả các trường hợp có nghi ngờ, hoặc khi thấy xuất hiện triệu chứng, bệnh nhân cần phải được chăm sóc y tế. Nếu bất tỉnh, phải đặt bệnh nhân nằm yên rồi tìm chuyên viên y tế. Không được cho bất cứ gì bằng miệng vào người đang bất tỉnh.

Trường hợp hít phải : Đặt bệnh nhân nơi thoáng khí. Giữ ấm và đặt bệnh nhân nằm im.

Trường hợp văng vào mắt : Lập tức dùng nước sạch xối thật nhiều vào khu vực bị hóa chất văng vào từ 5 đến 10 phút, lưu ý phải mở to mí mắt lên. Nếu có triệu chứng ngứa rát, cần phải được chăm sóc y tế ngay.

Tác động ngoài da : Cởi hết quần áo bị nhiễm hóa chất. Dùng xà phòng và nước rửa thật kỹ hoặc dùng bất kỳ một loại chất rửa nào thích hợp để rửa sạch da. **KHÔNG ĐƯỢC** sử dụng bất kỳ dung môi hoặc chất pha loãng nào.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

- Trường hợp nuốt phải :** Giữ ấm và và đặt bệnh nhân nằm im. **KHÔNG ĐƯỢC** gây nôn. Nếu xúc rửa thì phải đặt đầu bệnh nhân nằm thấp nhằm giảm nguy cơ chất trong dạ dày tràn vào phổi. Cần phải được chăm sóc y tế trừ khi chỉ nuốt phải một lượng quá nhỏ – không đáng kể.
- Triệu chứng đặc biệt :** Không có.
- Chỉ thị đặc biệt :** Không có.

5. Các biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

- Phương pháp phù hợp :** Nếu có xảy ra cháy, phải dùng bình phun nước, các loại hóa chất khô tạo bọt, hoặc khí CO₂. Phải dùng bình phun nước để lại nguội các thùng hóa chất đầy kín nắp.
- Cách thức không phù hợp :** **KHÔNG ĐƯỢC** dùng vòi phun, hoặc lấy nước từ xô, chậu, ván vên để tạt vì có thể sẽ gây nguy cơ làm lửa cháy lan ra.
- Sản phẩm phân giải nhiệt gây hại :** Tham khảo Phần 10 của tài liệu này.
- Bảo hộ, cảnh báo khi chữa cháy :** Trang bị đủ các thiết bị bảo hộ chữa cháy cần thiết (quần áo, mũ bảo hộ,...) khi tham gia chữa cháy.

6. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- Phòng cá nhân :** Tránh để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Cần tránh hít hơi khí và bụi phun mù. Cần tham khảo các biện pháp bảo vệ được nêu trong phần 7 và 8. Cần yêu cầu những người không có phận sự nên tránh xa khu vực làm việc. Không được hút thuốc.
- Trường hợp chất liệu bị đổ tràn :** Phải ngăn chặn không cho hóa chất chảy vào các hệ thống cống rãnh, mạch nước ngầm hoặc các khu vực cấm, kênh mương, ván vên. Sử dụng các vật liệu hút thấm và cho toàn bộ vật liệu có thấm hóa chất đó vào thùng chứa chất phế thải phù hợp.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

7. Yêu cầu về sử dụng và bảo quản

Quá trình bốc dỡ, mang vác, sử dụng: Cần tránh không để hóa chất tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít mùi hóa chất và các bụi phun mù. Không được phép ăn uống và hút thuốc tại khu vực đang bốc dỡ hóa chất. Nên sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân – xem ở phần 8. Tránh xa các loại hóa chất không phù hợp như đề cập trong Phần 10.

Bảo quản : Đóng chặt nắp thùng. Bảo quản hóa chất tại nơi khô ráo và thoáng khí. Nhiệt độ bảo quản: 5 – 40⁰C. Tránh xa các loại hóa chất không phù hợp như đề cập trong Phần 10.

Vật liệu chứa hóa chất : Luôn luôn chứa hóa chất trong thùng làm bằng vật liệu giống như của thùng chứa ban đầu.

8. Các biện pháp kiểm soát bụi khí/ bảo vệ cá nhân

các biện pháp kỹ thuật : Phải trang bị hệ thống thông hơi hoặc các thiết bị kiểm soát kỹ thuật nhằm đảm bảo mật độ hóa chất trong không khí thấp hơn các mức giới hạn thoát khí công nghiệp quy định. Đảm bảo các trạm nước sạch để rửa mắt và vòi nước chữa cháy gần nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh : Rửa thật kỹ tay, cánh tay và mặt sau khi mang vác hóa chất và trước khi ăn, hút thuốc, sử dụng bồn rửa mặt, và rửa sạch vào cuối ngày làm việc. Luôn luôn phải rửa sạch ngay phần da bị nhiễm hóa chất. Sử dụng chất rửa sạch da phù hợp.

CÁC THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Hệ hô hấp : Phải đeo mặt nạ hoặc khẩu trang khi hệ thống thông hơi không đảm bảo an toàn. Nếu bụi không thể thoát ra được qua hệ thống thông hơi cục bộ, thì phải sử dụng đến máy lọc bụi phù hợp.

Mắt : Phải đeo kính bảo vệ khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...

Da và cơ thể : Mang tạp dề khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...

Tay : Dùng găng tay PE khi phổi trộn, sang chiết phun sơn,...



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 Fax: (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn Website: www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

9. Các đặc tính lý hóa

Trạng thái tự nhiên	:	Chất lỏng
Mùi đặc trưng	:	Mùi nhẹ
Tỷ trọng	:	1,2g/cm ³
Điểm cháy	:	Không có (vì là gốc nước)
Điểm nóng chảy	:	Không có (vì là gốc nước)
Nhiệt độ tự phát cháy	:	Không có (vì là gốc nước)
Độ hòa tan trong nước	:	Tốt
Giới hạn nổ	:	Không có (vì là gốc nước)

10. Tính ổn định và phản ứng

Tính ổn định	:	Là sản phẩm ổn định
Phản ứng	:	Có phản ứng với các CHẤT OXY HÓA.
Các sản phẩm phân giải nhiệt gây hại	:	Là các loại cacbon oxit (CO, CO ₂).
Các điều kiện cần tránh	:	Không có
Vật liệu không tương thích:		Những vật liệu không phải là gỗ hoặc mây tre lá
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không có

11. Thông tin về chất độc

Tác hại tức thì:



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

- Hít bụi khí** : Tại các khu vực được thông hơi kém, việc hít phải bụi khí có thể gây ngứa rát hệ thống hô hấp.
- Văng vào mắt** : Có thể gây ngứa rát và tổn thương tạm thời nếu hóa chất bắn vào mắt.
- Tiếp xúc ngoài da** : Việc tiếp xúc thường xuyên và lâu dài với hóa chất có thể gây mất lớp mỡ tự nhiên dưới da, dẫn đến chứng bệnh viêm da không gây dị ứng và thẩm thấu hóa chất qua lớp da.
- Nuốt phải** : Nuốt hóa chất có thể gây đau dạ dày và nôn mửa.

Tác hại lâu dài: Không có

12. Thông tin về ảnh hưởng về mặt sinh thái

- Khả năng gây hại** : Không xác định tại thời điểm này.

13. Điều cần lưu ý khi xử lý chất phế thải

Danh sách các chất thải của: 080112
Liên Minh Châu Âu (EWC)

- Chất thải gây hại** : Theo sự hiểu biết của nhà sản xuất, sản phẩm này không có chất thải gây hại như được liệt kê trong Quyết định của Liên Minh Châu Âu số 91/689/EC.

Các biện pháp xử lý chất thải: Không được phép đổ chất thải vào cống rãnh hoặc các nguồn nước. Nên có biện pháp xử lý chất thải theo quy định luật pháp của nước sở tại.

Danh sách các chất thải của: 080101, 080102
Luật Việt Nam

Theo Luật môi trường Việt Nam: phải xử lý/ đổ bỏ chất thải thông qua đơn vị xử lý chất thải được cấp phép để xử lý theo quy định.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

14. Thông tin cần biết về vận chuyển

Số UN : Không có quy định
Cấp ưu tiên : Không có quy định
Tên đơn vị chuyển chở đạt yêu cầu:
Bộ phận đóng gói :
Cấp IATA-DGR :

15. Thông tin về các quy chế

Quy định pháp luật phải tuân thủ:

- Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui định Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất Oxy hóa, các hợp chất oxits hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.



Văn phòng: Số 66, đường số 1, khu phố 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (8428) 3620 4207/ 3620 4208 **Fax:** (8428) 3620 4206
Email: contacts@biochem.vn **Website:** www.biochem.vn
Nhà máy: Lô A-3A-CN, KCN Mỹ Phước 3 đường DA4, phường Thới Hòa, Bến Cát, Tỉnh Bình Dương..

16. Các thông tin khác

Nhận xét : Đây là sản phẩm không chứa glycol

Nội dung trong tài liệu này được biên soạn trong khả năng kiến thức rộng nhất mà chúng tôi có vào thời điểm phát hành và có căn cứ vào những thành tựu khoa học và kỹ thuật hiện hành. Tuy nhiên, những thông tin trong cuốn tài liệu này không phải là cơ sở để sử dụng sản phẩm chúng tôi vì phạm bất kỳ quyền sáng chế hoặc để bảo đảm (một cách nghiêm nhiên hoặc mặc nhiên) không vi phạm hoặc tình trạng hợp pháp vì bất cứ động cơ cụ thể nào. Người sử dụng tiềm năng có thể tiến hành những cuộc thử nghiệm của riêng mình cũng như các cuộc nghiên cứu để xác định tính hiệu quả của các sản phẩm của công ty Biochem vì mục đích của riêng mình và theo những cách thức sử dụng phù hợp. Do những điều kiện và kỹ thuật áp dụng khác nhau, công ty Biochem không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng sản phẩm, có thể theo kinh nghiệm hoặc quá trình sản xuất và cũng không chịu trách nhiệm về những kỹ thuật được áp dụng trong quá trình sử dụng. Công ty Biochem không chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm bản quyền của bên thứ ba nào do việc người mua hàng sử dụng sản phẩm của công ty chúng tôi.

*Biochem: Công ty CP Sinh Hóa Quốc Tế

Ngày lập : 16/08/2019

Ngày sửa đổi : Lần 3 - 30/09/2022

Phiên bản : V3/U23009-30092022

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu An Toàn Hóa Chất CHẤT TẠO MÀNG NANO ZIRCONIUM ZIRCOFILM-02			
Số CAS: Hợp chất Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
PHẦN I. Nhận dạng hóa chất			
- Tên thường gọi của chất: ZIRCOFILM-02		Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: 0937 11 9908	
- Tên thương mại: ZIRCOFILM-02			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Công ty TNHH SX TM Kiệm Tân 165/19 Đường Tam Châu, KP2, Tam Bình, Thủ Đức, TP HCM			
- Mục đích sử dụng: Chế phẩm xử lý bề mặt kim loại			
PHẦN II. Thông tin về thành phần các chất			
Tên thành phần hóa chất	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Hexafluorozirconic acid	12021-95-3	H_2ZrF_6	5-10
Complex agent	--	--	0.1-1.0
Phụ gia	—	—	0.1-1.0
PHẦN III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất			
1. Mức xếp loại nguy hiểm : 2. Cảnh báo nguy hiểm - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Khi tiếp xúc phải mang phương tiện bảo vệ cá nhân. Bảo quản hóa chất nơi thông thoáng, tránh tiếp xúc với các acid. 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: Khi tiếp xúc quá mức có thể gây ngứa, đỏ mắt. - Đường thở: Gây kích ứng hô hấp, gây ho. - Đường da: Khi tiếp xúc với da có thể gây ngứa trên da. - Đường tiêu hóa: Gây ảnh hưởng khó chịu, nôn ói nếu ăn uống phải.			

PHẦN IV. Biện pháp sơ cứu về y tế

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dầy vào mắt): Vạch mí mắt lên, rửa mắt ngay dưới vòi nước ít nhất trong vòng 5 phút để rửa sạch cả mắt lẫn mí mắt.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dầy vào da): Rửa sạch bằng nước ít nhất trong 2-3 phút.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Di chuyển ra chỗ thoáng khí, cởi bỏ quần áo dính hóa chất.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Uống nhiều nước. Nôn ra. Khám bác sĩ.

PHẦN V. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

- 1. Xếp loại về tính cháy:** không bắt lửa
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** không có
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ:** không có
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** yêu cầu như các trường hợp chữa cháy bình thường.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** yêu cầu như các trường hợp chữa cháy bình thường.

PHẦN VI. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- 1. Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ:** khắc phục dò rỉ, lau sạch chỗ dính hóa chất.
- 2. Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng:**
 - Mang đồ bảo hộ.
 - Thu hồi hóa chất vãi ra và để trong đồ chứa thích hợp.
 - Rửa sạch hóa chất vãi ra còn lại bằng nước.
 - Tránh để nước rửa xử lý tràn đổ chảy vào hệ thống nước tự nhiên.

PHẦN VII. Yêu cầu về cất giữ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...):
 - Thao tác với hóa chất ở nơi thông thoáng.
 - Mang đồ bảo hộ thích hợp để ngăn không cho hóa chất văng lên da, quần áo, mắt.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:**
 - Lưu trữ hóa chất nơi thoáng mát, tránh tiếp xúc acid.

PHẦN VIII. Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:**
 - Thiết lập hệ thống thông gió cục bộ để giữ cho môi trường làm việc luôn thông thoáng.
 - Lắp đặt hệ thống nước rửa và vòi nước cấp cứu gần nơi thao tác, sử dụng hóa chất.
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ, mặt nạ.
 - Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: Găng tay bằng cao su hay plastic
 - Bảo vệ chân: Đi giày hoặc ủng.
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, găng tay chống hóa chất, mặt nạ, ủng.
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): Rửa sạch mặt và tay sau khi tiếp xúc với hóa chất.

PHẦN IX. Đặc tính lý, hóa của hóa chất				
Trạng thái vật lý: dạng dung dịch	Điểm sôi (°C): không áp dụng			
Màu sắc: không màu đến trắng đục	Điểm nóng chảy (°C) : chưa có thông tin			
Mùi đặc trưng: mùi xốc nhẹ	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có			
Áp suất hóa hơi (mm Hg) : không áp dụng	Nhiệt độ tự cháy (°C): không có			
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1):không áp dụng	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có			
Độ hòa tan trong nước: 100%	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có			
Độ pH: không áp dụng	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin			
Khối lượng riêng (kg/m³): 1.0-1.2	Các tính chất khác (nếu có)			
PHẦN X. Mức ổn định và khả năng hoạtđộng của hóa chất				
1. Tính ổn định : Ổn định				
2. Khả năng phản ứng:				
- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: không có				
- Các phản ứng nguy hiểm : không có				
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung: không có				
- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra				
PHẦN XI. Thông tin vềđộc tính				
Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Hexafluorozirconic acid	LD50	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Complex agent	LD50	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin
Phụ gia	--	—	—	—
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người: chưa có thông tin				
2. Các ảnh hưởng độc khác: chưa có thông tin				
PHẦN XII. Thông tin về sinh thái				
1. Độc tính với sinh vật: chưa có thông tin				
2. Tác động trong môi trường				
- Mức độ phân hủy sinh học: giống các chất tẩy rửa gia dụng				
- Chỉ số BOD và COD: giống các chất tẩy rửa gia dụng				
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: giống các chất tẩy rửa gia dụng				
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: giống các chất tẩy rửa gia dụng				
PHẦN XIII. Yêu cầu trong việc thải bỏ				
1. Thông tin quy định tiêu hủy : Xử lý nước thải phải được thực hiện theo quy định của nhà nước.				
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: chưa có thông tin.				
3. Biện pháp tiêu hủy: xử lý như nước thải trước khi thải vào hệ thống cống rãnh.				

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý : chưa có thông tin.**PHẦN XIV. Yêu cầu trong vận chuyển**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.		không có		20kg/can	ZIRCOFIL M-02	
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	không có	-	-	-	-	-

PHẦN XV. Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới :** Chưa có thông tin
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:** Chưa có thông tin
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:** Chưa có thông tin

PHẦN XVI. Thông tin cần thiết khác

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 15 tháng 10 năm 2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 15 tháng 03 năm 2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH SX TM Kiệm Tân

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu An Toàn Hóa Chất CHẤT TẨY DẦU & TẨY XỈ MÔI HÀN (TD-9278SA)			
Số CAS: Hợp chất Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
PHẦN I. Nhận dạng hóa chất			
- Tên thường gọi của chất: TD-9278SA - Tên thương mại: TD-9278SA - Tên khác (không là tên khoa học): - Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Công ty TNHH SX TM Kiệm Tân 165/19 Đường Tam Châu, KP2, Tam Bình, Thủ Đức, TP HCM - Mục đích sử dụng: Chế phẩm làm sạch bề mặt kim loại	Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: 0937119908		
PHẦN II. Thông tin về thành phần các chất			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Axit Citric	77-92-9	$C_6H_8O_7$	9-15
Sodium hydroxide	1310-73-2	NaOH	6-10
Sodium Pyrophosphate	7722-88-5	$Na_4P_2O_7$	2-7
Surfactant	--	—	Còn lại
PHẦN III. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất			
1. Mức xếp loại nguy hiểm : 88 2. Cảnh báo nguy hiểm - Chất rắn ăn mòn. - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Khi tiếp xúc phải mang phương tiện bảo vệ cá nhân. Bảo quản hóa chất nơi thông thoáng, tránh tiếp xúc với các acid. 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: Khi tiếp xúc quá mức có thể gây ngứa, đỏ mắt, tổn thương giác mạc. - Đường thở: Gây kích ứng hô hấp, gây ho, khó thở. - Đường da: Khi tiếp xúc với da có thể gây bong, ngứa trên da. - Đường tiêu hóa: Gây ảnh hưởng (bong) đến bộ phận tiêu hóa nếu ăn uống phải.			
PHẦN IV. Biện pháp sơ cứu về y tế			

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Vạch mí mắt lên, rửa mắt ngay dưới vòi nước ít nhất trong vòng 15 phút để rửa sạch cả mắt lẫn mí mắt.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Rửa sạch bằng nước ít nhất trong 15 phút.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Di chuyển ra chỗ thoáng khí, cởi bỏ quần áo dính hóa chất.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Uống nhiều nước. Nôn ra. Khám bác sĩ.

PHẦN V. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

- 1. Xếp loại về tính cháy:** không bắt lửa
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** không có
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ:** không có
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** yêu cầu như các trường hợp chữa cháy bình thường.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** yêu cầu như các trường hợp chữa cháy bình thường.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy nổ** (nếu có)

PHẦN VI. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:** khắc phục rò rỉ, lau sạch chỗ dính hóa chất.
- 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:**
 - Mang đồ bảo hộ.
 - Thu hồi hóa chất vãi ra và để trong đồ chứa thích hợp.
 - Rửa sạch hóa chất vãi ra còn lại bằng nước.
 - Tránh để nước rửa xử lý tràn đổ chảy vào hệ thống nước tự nhiên.

PHẦN VII. Yêu cầu về cất giữ

- 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm** (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...):
 - Thao tác với hóa chất ở nơi thông thoáng.
 - Mang đồ bảo hộ thích hợp để ngăn không cho hóa chất văng lên da, quần áo, niêm mạc.
- 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:**
 - Lưu trữ hóa chất nơi thoáng mát, tránh tiếp xúc acid.

PHẦN VIII. Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

- 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết:**
 - Thiết lập hệ thống thông gió cục bộ để giữ cho môi trường làm việc luôn thông thoáng.
 - Lắp đặt hệ thống nước rửa và vòi nước cấp cứu gần nơi thao tác, sử dụng hóa chất.
- 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**
 - Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ, mặt nạ.
 - Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: Găng tay bằng Neoprene hay plastic
 - Bảo vệ chân: Đi giày hoặc ủng.
- 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố:** quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, găng tay chống hóa chất, mặt nạ, ủng.
- 4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): Rửa sạch mặt và tay sau khi tiếp xúc với hóa chất.

PHẦN IX. Đặc tính lý, hóa của hóa chất				
Trạng thái vật lý: dạng bột		Điểm sôi (°C): không áp dụng		
Màu sắc: vàng nhạt		Điểm nóng chảy (°C) : chưa có thông tin		
Mùi đặc trưng: không có mùi đặc trưng		Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có		
Áp suất hóa hơi (mm Hg) : không áp dụng		Nhiệt độ tự cháy (°C): không có		
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1): không áp dụng		Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có		
Độ hòa tan trong nước: 100%		Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có		
Độ PH: không áp dụng		Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin		
Khối lượng riêng (kg/m³): chưa có thông tin		Các tính chất khác (nếu có)		
PHẦN X. Mức ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất				
1. Tính ổn định : Ổn định				
2. Khả năng phản ứng:				
- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: không có				
- Các phản ứng nguy hiểm : phản ứng với chất acid				
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung: các chất acid				
- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra				
PHẦN XI. Thông tin về độc tính				
Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Axit Citric	LD50	3100 mg/kg	miệng	chuột
Sodium hydroxide	TLV	2 mg/m³	Hô hấp, da	–
Sodium Pyrophosphate	LD50	175 mg/kg	miệng	chuột
Surfactant	chưa có thông tin	–	–	–
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người: chưa có thông tin				
2. Các ảnh hưởng độc khác: chưa có thông tin				
PHẦN XII. Thông tin về sinh thái				
1. Độc tính với sinh vật: chưa có thông tin				
2. Tác động trong môi trường				
- Mức độ phân hủy sinh học: chưa có thông tin				
- Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin				
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa có thông tin				
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin				
PHẦN XIII. Yêu cầu trong việc thải bỏ				
1. Thông tin quy định tiêu hủy : Xử lý nước thải phải được thực hiện theo quy định của nhà nước.				
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: chưa có thông tin.				
3. Biện pháp tiêu hủy: trung hòa bằng axit trước khi thải vào hệ thống cống rãnh.				
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý : chưa có thông tin.				

PHẦN XIV. Yêu cầu trong vận chuyển						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	3262	không có	8	25 kg/bao	TD-9278 K	vận chuyển hàng kèm theo COA
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	không có	-	-	-	-	-
PHẦN XV. Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ						
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : Chưa có thông tin 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Chưa có thông tin 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: Chưa có thông tin						
PHẦN XVI. Thông tin cần thiết khác						
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 15 tháng 11 năm 2012						
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 15 tháng 3 năm 2018						
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH SX TM Kiệm Tân						
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc						

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

PASTE MÀU ĐEN HỆ NƯỚC



Phần 1. Định danh

Tên và/hoặc mã sản phẩm : 62-BVN-055
Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất) : PASTE MÀU ĐEN HỆ NƯỚC
Các cách khác để xác định lại lịch : Không có sẵn.
Loại sản phẩm : Chất lỏng.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Các mục đích sử dụng được khuyến nghị
Sử dụng trong công nghiệp/cho mục đích chuyên nghiệp
Các mục đích sử dụng không được khuyến cáo
Sản phẩm tiêu dùng

Nhà sản xuất : CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL COATINGS VIỆT NAM
Lô 107, Khu Công Nghiệp Amata,
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
(84) 61 3936389
Số điện thoại cấp cứu của công ty : (84) 61 3936389
Số điện thoại cấp cứu của bộ phận tư vấn chính thức : (84) 61 3936389

Phần 2. Xác định mối nguy

Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp : ẮNH HƯỞNG / ẮN DA - Loại 3
ẮNH HƯỞNG / TỒN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG ĐẾN MẮT - Loại 2A
NHAY CẮM DA - Loại 1
CHẤT GÂY UNG THƯ: HÍT PHẢI - Loại 2

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Biểu đồ pictogram của Nguy Hại



Hiệu lệnh : Chú ý
Các công bố về hiểm họa : Gây kích ứng da nhẹ.
Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Có thể gây phản ứng da dị ứng.
Bị nghi ngờ gây ung thư nếu hít phải.

Các công bố về phòng ngừa
Ngăn chặn

: Không xử lý khi các lưu ý về an toàn chưa được đọc và hiểu. Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân như yêu cầu. Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt. Tránh hít thở hơi. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc.

Phản ứng

: NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi dùng lại. NẾU BỊ DÍNH VÀO MẮT: Súc rửa bằng nước cần thận trọng vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Rửa tay sau khi xử lý. NẾU bị phơi nhiễm hoặc có quan ngại: Hãy tìm chăm sóc/tư vấn y tế.

Lưu trữ

: Cất giữ khóa kín.

Phần 2. Xác định mối nguy

Xử lý : Vứt bỏ hóa chất/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không có sẵn.

Phần 3. Cấu tạo, thông tin về thành phần

Tên thành phần	%	Số CAS
muội than	5 - 15	1 333-86-4
2-amino-2-methylpropanol	1 - 5	124-68-5
Poly(oxy-1,2-ethanediyl), α-[3-[3-(2H-benzotriazol-2-yl)-5-(1,1-dimethylethyl)-4-hydroxyphenyl]-1-oxopropyl]-ω-hydroxy-	0 - 1	104810-48-2
Poly(oxy-1,2-ethanediyl), α-[3-[3-(2H-benzotriazol-2-yl)-5-(1,1-dimethylethyl)-4-hydroxyphenyl]-1-oxopropyl]-ω-[3-[3-(2H-benzotriazol-2-yl)-5-(1,1-dimethylethyl)-4-hydroxyphenyl]-1-oxopropoxy]-	0 - 1	104810-47-1
bis(1,2,2,6,6-pentamethyl-4-piperidyl) sebacate	0 - 1	41556-26-7
methyl 1,2,2,6,6-pentamethyl-4-piperidyl sebacate	0 - 1	82919-37-7
2-butoxyethanol	0 - 1	111-76-2

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.

Hít phải : Di chuyển người bị phơi nhiễm ra chỗ thoáng mát. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.

Tiếp xúc ngoài da : Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.

Nuốt phải : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Không được nuốt bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- Hít phải** : Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi nhiễm.
- Tiếp xúc ngoài da** : Gây kích ứng da nhẹ. Có thể gây phản ứng da dị ứng.
- Nuốt phải** : Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ
- Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- Bác sĩ lưu ý** : Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

Phần 5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện dập tắt

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.
- Các chất chữa cháy không phù hợp** : Không biết chất nào.
- Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất** : Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ.
- Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm** : Các sản phẩm làm thổi rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxít nitơ
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa** : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa** : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

Phần 6. Các biện pháp xử lý tình huống hóa chất bị xả ra bất ngờ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).

Đề phòng cho môi trường : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Đổ tràn ít : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Vứt bỏ hóa chất/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Đổ tràn nhiều : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị vây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem phần 13). Vứt bỏ hóa chất/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và phần 13 về xử lý chất thải.

Phần 7. Xử lý và lưu trữ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Tránh phơi nhiễm - lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng. Không xử lý khi các lưu ý về an toàn chưa được đọc và hiểu. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít hơi hay sương. Nếu trong lúc sử dụng bình thường mà vật liệu có biểu hiện nguy hiểm đến hệ hô hấp thì chỉ nên dùng khi có đủ sự thoáng khí hoặc mang dụng cụ hô hấp thích hợp. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dụng cụ, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

Lưu trữ ở nơi khô, thoáng từ 5 đến 40 độ C. Nhiệt độ thực ở 20°C.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm, bảo vệ cá nhân**Các thông số kiểm soát****Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp**

Tên thành phần	Giới hạn phơi nhiễm
muội than	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 2/2010). Ghi chú: Substance identified by other sources as a suspected or confirmed human carcinogen. 1996 Adoption Refers to Appendix A -- Carcinogens. TWA: 3 mg/m ³ 8 giờ. Biểu mẫu: Inhalable fraction
2-but oxyethanol	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 2/2010). Ghi chú: 2002 Adoption. TWA: 20 ppm 8 giờ.

Quy trình theo dõi đề nghị : Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, có thể cần theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hay sinh học để xác định hiệu quả việc thông gió hay các biện pháp kiểm soát khác và/hay nhu cầu cần dùng thiết bị bảo vệ hô hấp.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Nếu khi sử dụng có phát ra bụi, khói, khí, hơi hoặc sương, hãy dùng những vật dụng che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ cho sự phơi nhiễm của công nhân đối với chất độc trong không khí ở dưới bất kỳ mức giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân

Biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mặt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết.

Biện pháp bảo vệ cơ thể : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.

Biện pháp bảo vệ da khác : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Bảo vệ hô hấp : Hãy dùng khẩu trang vừa vặn, lọc không khí hoặc tiếp không khí, đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết. Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn. Việc ma sát khô, dùng ngọn lửa cắt và/hoặc hàn màng sơn khô sẽ tạo ra bụi và/hoặc khí độc. Nên ma sát ướt hay trơn khi cần thiết. Nên dùng các dụng cụ bảo vệ hô hấp nếu như điều kiện thông thoáng cho hơi thải không đảm bảo.

Phần 9: Thuộc tính lý hóa

Bề ngoài

Tình trạng vật lý	: Chất lỏng.
Màu	: Không có sẵn.
Mùi	: Không có sẵn.
Ngưỡng về mùi	: Không có sẵn.
pH	: 8 đến 10
Điểm nóng chảy	: Không có sẵn.
Điểm sôi	: 78 đến 166°C (172.4 đến 330.8°F)
Điểm cháy	: Cốc đậy kín: >93.3°C (>199.9°F)
Thời gian cháy	: Không áp dụng.
Mức cháy	: Không áp dụng.
Mức độ bay hơi	: Không có sẵn.
Khả năng cháy (chất rắn, khí)	: Không có sẵn.
Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên	: Thấp hơn: 4.3% Trên: 19%
Áp suất hơi	: Không có sẵn.
Mật độ hơi	: Không có sẵn.
Mật độ tương đối	: 1.03
Tính hòa tan	: Không có sẵn.
Hệ số phân chia nước/Octanol	: Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bắt lửa	: Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	: Không có sẵn.
SADT	: Không có sẵn.
Tính không ổn định	: 73.49% (w/w)

Phần 10. Tính ổn định và độ phản ứng

Độ phản ứng	: Không có thông tin gì cụ thể có liên quan đến độ phản ứng có thể cho sản phẩm này.
Độ bền hóa học	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Không có thông tin cụ thể gì.
Các vật liệu không tương thích	: Không có thông tin cụ thể gì.
Sản phẩm phân rã có môi nguy	: Sản phẩm phân hủy đặc biệt chưa được xác định.

Phần 11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Dữ liệu của các hợp chất riêng biệt cung cấp theo yêu cầu

Kích ứng/Án mòn

Dữ liệu của các hợp chất riêng biệt cung cấp theo yêu cầu

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Phần 11. Thông tin về độc tính

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Tên	Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
muội than	Loại 3	Không xác định	Sự kích thích vùng hô hấp

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra**Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn**

- Tiếp xúc mắt** : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- Hít phải** : Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi nhiễm.
- Tiếp xúc ngoài da** : Gây kích ứng da nhẹ. Có thể gây phản ứng da dị ứng.
- Nuốt phải** : Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ
- Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài**Phơi nhiễm ngắn hạn**

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.
- Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

- Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.
- Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

- Tổng quát** : Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.
- Tính gây ung thư** : Bị nghi ngờ gây ung thư nếu hít phải. Rủi ro bị ung thư tùy thuộc thời gian và mức độ phơi nhiễm.

Phần 11. Thông tin về độc tính

- Tính đột biến** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Độc tính gây quái thai** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Ảnh hưởng khả năng sinh sản** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Phần 12. Thông tin sinh thái

Dữ liệu của các hợp chất riêng biệt cung cấp theo yêu cầu

Phần 13. Các cân nhắc khi thải bỏ

- Các phương pháp thải bỏ** : Vứt bỏ hóa chất/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng: luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

UN

- số UN** : Không quản lý.
- Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền** : Không áp dụng.
- Phân loại** : Không áp dụng.
- Loại phụ** : -
- Chất gây ô nhiễm biển** : Không.

IMDG

- số UN** : Không quản lý.
- Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền** : Không áp dụng.
- Phân loại** : Không áp dụng.
- Loại phụ** : -
- Nhóm đóng gói** : Không áp dụng.
- Chất gây ô nhiễm biển** : Không.

IATA

- số UN** : Không quản lý.
- Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền** : Không áp dụng.
- Phân loại** : Không áp dụng.
- Loại phụ** : -
- Nhóm đóng gói** : Không áp dụng.

Sản phẩm này không được quy định cho chuyên chở chiếu theo ADR/RID, IMDG, ICAO/IATA.

Phần 15. Thông tin quản lý

Danh sách quốc tế

- : **Bản kê của Úc (AICS)**: Không xác định.
: **Bản kê của Trung Quốc (IECSC)**: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
: **Bản kê của Nhật**: Không xác định.
: **Bản kê của Hàn Quốc**: Không xác định.
: **Danh mục Hóa chất của New Zealand (NZIoC)**: Không xác định.
: **Bản Kê của Phi-lip-pin (PICCS)**: Không xác định.
: **Bản kê của Canada** Không xác định.
: **Bản Kê của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc)**: Không xác định.

Phần 16. Thông tin khác

Lịch sử

- Ngày in** : 16/01/2013.
Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 16/01/2013.
Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định.
Phiên bản : 1

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này.

Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

PASTE MÀU ĐỎ HỆ NƯỚC



Phần 1. Định danh

Tên và/hoặc mã sản phẩm : 62-RVN-054
Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất) : PASTE MÀU ĐỎ HỆ NƯỚC
Các cách khác để xác định lại lịch : Không có sẵn.
Loại sản phẩm : Chất lỏng.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Các mục đích sử dụng được khuyến nghị
Sử dụng trong công nghiệp/cho mục đích chuyên nghiệp
Các mục đích sử dụng không được khuyến cáo
Sản phẩm tiêu dùng

Nhà sản xuất : CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL COATINGS VIỆT NAM
Lô 107, Khu Công Nghiệp Amata,
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
(84) 61 3936389
Số điện thoại cấp cứu của công ty : (84) 61 3936389
Số điện thoại cấp cứu của bộ phận tư vấn chính thức : (84) 61 3936389

Phần 2. Xác định mối nguy

Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp : ẢNH HƯỞNG / ẨM DA - Loại 3

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hiệu lệnh : Chú ý
Các công bố về hiểm họa : Gây kích ứng da nhẹ.
Các công bố về phòng ngừa
Ngăn chặn : Không áp dụng.
Phản ứng : Nếu bị kích ứng da, tìm tư vấn/chăm sóc y tế.
Lưu trữ : Không áp dụng.
Xử lý : Không áp dụng.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không có sẵn.

Phần 3. Cấu tạo, thông tin về thành phần

Tên thành phần	%	Số CAS
2-amino-2-methylpropanol	1 - 5	124-68-5
2-butoxyethanol	0 - 1	111-76-2

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Phần 3. Cấu tạo, thông tin về thành phần

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- Tiếp xúc mắt** : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nếu dị ứng không giảm, phải có chăm sóc y tế.
- Hít phải** : Di chuyển người bị phơi nhiễm ra chỗ thoáng mát. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thở vô miệng để hồi sinh. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Tiếp xúc ngoài da** : Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- Nuốt phải** : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy dị răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Không được nuốt bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Gây kích ứng mắt.
- Hít phải** : Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi nhiễm.
- Tiếp xúc ngoài da** : Gây kích ứng da nhẹ.
- Nuốt phải** : Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: đau nhức hoặc kích ứng khó chịu chảy nước mắt bị đỏ
- Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích ứng khó chịu bị đỏ
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- Bác sĩ lưu ý** : Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thở vô miệng để hồi sinh.

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

Xem thông tin độc tính (phần 11)

Phần 5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp : Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.

Các chất chữa cháy không phù hợp : Không biết chất nào.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ.

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm : Các sản phẩm làm thổi rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxít nitơ
hợp chất halogen hóa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

Phần 6. Các biện pháp xử lý tình huống hóa chất bị xả ra bất ngờ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).

Phòng ngừa cho môi trường : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Đổ tràn ít : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Vứt bỏ hóa chất/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Đổ tràn nhiều : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị vây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem phần 13). Vứt bỏ hóa chất/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và phần 13 về xử lý chất thải.

Phần 7. Xử lý và lưu trữ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Dùng nuột. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh hít hơi hay sương. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Đóng thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dụng cụ, cho khô rồi. Dùng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

Lưu trữ ở nơi khô, thoáng từ 5 đến 40 độ C. Nhiệt độ thực ở 20°C.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm, bảo vệ cá nhân

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần	Giới hạn phơi nhiễm
2-butoxyethanol	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 2/2010). Ghi chú: 2002 Adoption. TWA: 20 ppm 8 giờ.

Quy trình theo dõi đề nghị : Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, có thể cần theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hay sinh học để xác định hiệu quả việc thông gió hay các biện pháp kiểm soát khác và/hay nhu cầu cần dùng thiết bị bảo vệ hô hấp.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Không buộc phải có điều kiện thoáng gió đặc biệt. Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại. Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, hãy dùng những đồ chặn khi làm, lỗ thông gió tại chỗ hoặc các phương tiện kiểm soát khác để giữ cho sự phơi nhiễm của công nhân dưới mức giới hạn đề nghị hoặc quy định.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân

Biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết.

Biện pháp bảo vệ cơ thể : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm, bảo vệ cá nhân

- Biện pháp bảo vệ da khác :** Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp :** Hãy dùng khẩu trang vừa vặn, lọc không khí hoặc tiếp không khí, đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết. Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn. Việc ma sát khô, dùng ngọn lửa cắt và/hoặc hàn màng sơn khô sẽ tạo ra bụi và/hoặc khí độc. Nên ma sát ướt hay trơn khi cần thiết. Nên dùng các dụng cụ bảo vệ hô hấp nếu như điều kiện thông thoáng cho hơi thải không đảm bảo.

Phần 9: Thuộc tính lý hóa

Bề ngoài

Tình trạng vật lý	: Chất lỏng.
Màu	: Không có sẵn.
Mùi	: Không có sẵn.
Ngưỡng về mùi	: Không có sẵn.
pH	: 8 đến 10
Điểm nóng chảy	: Không có sẵn.
Điểm sôi	: 78 đến 165°C (172.4 đến 329°F)
Điểm cháy	: Cốc đáy kín: >93.3°C (>199.9°F)
Thời gian cháy	: Không áp dụng.
Mức cháy	: Không áp dụng.
Mức độ bay hơi	: Không có sẵn.
Khả năng cháy (chất rắn, khí)	: Không có sẵn.
Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên	: Thấp hơn: 4.3% Trên: 19%
Áp suất hơi	: Không có sẵn.
Mật độ hơi	: Không có sẵn.
Mật độ tương đối	: 1
Tính hòa tan	: Không có sẵn.
Hệ số phân chia nước/Octanol	: Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bắt lửa	: Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	: Không có sẵn.
SADT	: Không có sẵn.
Tính không ổn định	: 79.99% (w/w)

Phần 10. Tính ổn định và độ phản ứng

Độ phản ứng	: Không có thông tin gì cụ thể có liên quan đến độ phản ứng có thể cho sản phẩm này.
Độ bền hóa học	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Không có thông tin cụ thể gì.
Các vật liệu không tương thích	: Không có thông tin cụ thể gì.
Sản phẩm phân rã có môi nguy	: Sản phẩm phân hủy đặc biệt chưa được xác định.

Phần 11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Dữ liệu của các hợp chất riêng biệt cung cấp theo yêu cầu

Kích ứng/Án mòn

Dữ liệu của các hợp chất riêng biệt cung cấp theo yêu cầu

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- | | |
|--------------------------|--|
| Tiếp xúc mắt | : Gây kích ứng mắt. |
| Hít phải | : Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi nhiễm. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Gây kích ứng da nhẹ. |
| Nuốt phải | : Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày. |

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- | | |
|--------------------------|---|
| Tiếp xúc mắt | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ |
| Hít phải | : Không có thông tin cụ thể gì. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ |
| Nuốt phải | : Không có thông tin cụ thể gì. |

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp : Không có sẵn.

Phần 11. Thông tin về độc tính

Các tác dụng chậm có thể gặp : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

Tổng quát : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính đột biến : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Độc tính gây quái thai : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Ảnh hưởng khả năng sinh sản : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Phần 12. Thông tin sinh thái

Dữ liệu của các hợp chất riêng biệt cung cấp theo yêu cầu

Phần 13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các phương pháp thải bỏ : Vứt bỏ hóa chất/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng: luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

UN

số UN : Không quản lý.
Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền : Không áp dụng.
Phân loại : Không áp dụng.
Loại phụ : -
Chất gây ô nhiễm biển : Không.

IMDG

số UN : Không quản lý.
Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền : Không áp dụng.
Phân loại : Không áp dụng.
Loại phụ : -
Nhóm đóng gói : Không áp dụng.
Chất gây ô nhiễm biển : Không.

IATA

số UN : Không quản lý.
Tên thích hợp khi vận chuyển bằng tàu thuyền : Không áp dụng.
Phân loại : Không áp dụng.
Loại phụ : -
Nhóm đóng gói : Không áp dụng.

Sản phẩm này không được quy định cho chuyên chở chiếu theo ADR/RID, IMDG, ICAO/IATA.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Phần 15. Thông tin quản lý

Danh sách quốc tế

- : Bản kê của Úc (AICS): Không xác định.
- Bản kê của Trung Quốc (IECSC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
- Bản kê của Nhật: Không xác định.
- Bản kê của Hàn Quốc: Không xác định.
- Danh mục Hóa chất của New Zealand (NZIoC): Không xác định.
- Bản Kê của Phi-lip-pin (PICCS): Không xác định.
- Bản kê của Canada: Không xác định.
- Bản Kê của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc): Không xác định.

Phần 16. Thông tin khác

Lịch sử

- Ngày in : 16/01/2013.
- Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh : 16/01/2013.
- Ngày phát hành lần trước : Trước đây chưa thẩm định.
- Phiên bản : 1

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này.

Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

PASTE MÀU VÀNG HỆ NƯỚC



Phần 1. Định danh

Tên và/hoặc mã sản phẩm : 62-YVN-053
Mã sản phẩm GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)
Các cách khác để xác định lại lịch : Không có sẵn.
Loại sản phẩm : Chất lỏng.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến nên tránh

Các mục đích sử dụng được khuyến nghị

Sử dụng trong công nghiệp/cho mục đích chuyên nghiệp

Các mục đích sử dụng không được khuyến cáo

Sản phẩm tiêu dùng

Nhà sản xuất : CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL COATINGS VIỆT NAM
Lô 107, Khu Công Nghiệp Amata,
TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
(84) 61 3936389
Số điện thoại cấp cứu của công ty : (84) 61 3936389
Số điện thoại cấp cứu của bộ phận tư vấn chính thức : (84) 61 3936389

Phần 2. Xác định mối nguy

Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp : CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 4
ĂN MÒN/KÍCH ỨNG DA - Loại 3
GÂY TỒN THƯƠNG MẮT /KÍCH ỨNG MẮT NGHIÊM TRỌNG - Loại 2A

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)

Biểu đồ pictogram của Nguy Hại



Hiệu lệnh : Cảnh Báo

Các công bố về hiểm họa : Chất lỏng dễ cháy nổ.
Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Gây kích ứng da nhẹ.

Các công bố về phòng ngừa

Ngăn chặn : Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt. Giữ tránh xa ngọn lửa và bề mặt nóng.

Phản ứng : Nếu bị kích ứng da, tìm tư vấn/chăm sóc y tế. **NẾU BỊ DÍNH VÀO MẮT:** Súc rửa bằng nước cẩn thận trong vài phút. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt vẫn còn dai dẳng, tìm tư vấn/chăm sóc y tế. Rửa tay sau khi xử lý.

Lưu trữ : Giữ lạnh.

Phần 2. Xác định mối nguy

Xử lý : Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại : Không có thông tin gì thêm.

Phần 3. Cấu tạo, thông tin về thành phần

Tên thành phần	%	Số CAS
2,2'-[(3,3'-dichloro[1,1'-biphenyl]-4,4'-diyl)bis(azo)]bis[N-(4-chloro-2,5-dimethoxyphenyl)-3-oxobutyr amide]	5 - 15	5567-15-7
2-amino-2-methylpropanol	1 - 5	124-68-5

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần bổ sung nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- Tiếp xúc mắt** : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Phải có chăm sóc y tế nếu xuất hiện triệu chứng.
- Hít phải** : Di chuyển người bị phơi nhiễm ra chỗ thoáng mát. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thở vô miệng để hồi sinh. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Tiếp xúc ngoài da** : Dùng thật nhiều nước để tẩy chỗ da bị dính chất độc. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.
- Nuốt phải** : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Phải có chăm sóc y tế nếu hậu quả sức khỏe có hại không giảm hay nặng. Không được nuốt bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quần bụng.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt** : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- Hít phải** : Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi nhiễm.
- Tiếp xúc ngoài da** : Gây kích ứng da nhẹ.
- Nuốt phải** : Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày.

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ
- Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ
- Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- Bác sĩ lưu ý** : Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn.
. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

Phần 5. Các biện pháp chữa cháy

Phương tiện dập tắt

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng hóa chất khô, CO₂, bụi nước hay bột.
- Các chất chữa cháy không phù hợp** : Dùng tia nước.

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất : Chất lỏng dễ cháy nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Để cháy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ.

- Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm** : Các sản phẩm làm thổi rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxít nitơ
hợp chất halogen hóa

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất cả mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phơi ra lửa.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

Phần 6. Các biện pháp xử lý tình huống hóa chất bị xả ra bất ngờ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8).

Đề phòng cho môi trường : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Đổ tràn ít : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Vứt bỏ nội dung /thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Đổ tràn nhiều : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

Phần 7. Xử lý và lưu trữ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ ở nơi thích hợp. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Loại trừ mọi nguồn bất lửa. Giữ tách xa các vật liệu ô xi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dụng cụ đứng, cho khô rồi. Đựng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

Lưu trữ ở nơi khô, thoáng từ 5 đến 40 độ C. Thềm tích thực ở 20°C.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm, bảo vệ cá nhân

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Không.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm, bảo vệ cá nhân

Quy trình theo dõi đề nghị : Nếu sản phẩm này có những chất có giới hạn về phơi nhiễm, có thể cần theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hay sinh học để xác định hiệu quả việc thông gió hay các biện pháp kiểm soát khác và/hay nhu cầu cần dùng thiết bị bảo vệ hô hấp. Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân

Biện pháp vệ sinh : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

Biện pháp bảo vệ mắt/mặt : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: kính chống văng hóa chất.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay

Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.

Biện pháp bảo vệ cơ thể : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.

Biện pháp bảo vệ da khác : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Bảo vệ hô hấp

Hãy dùng khẩu trang vừa vặn, lọc không khí hoặc tiếp không khí, đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết. Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn.

Việc ma sát khô, dùng ngọn lửa cắt và/hoặc hàn màng sơn khô sẽ tạo ra bụi và/hoặc khí độc. Nên ma sát ướt hay trơn khi cần thiết. Nên dùng các dụng cụ bảo vệ hô hấp nếu như điều kiện thông thoáng cho hơi thải không đảm bảo.

Phần 9: Thuộc tính lý hóa

Bề ngoài

Tình trạng vật lý	: Chất lỏng.
Màu	: Không có sẵn.
Mùi	: Không có sẵn.
Ngưỡng về mùi	: Không có sẵn.
pH	: 8 đến 10
Điểm nóng chảy	: Không có sẵn.
Điểm sôi	: 78 đến 165°C (172.4 đến 329°F)
Điểm cháy	: Cốc đầy kín: 93°C (199.4°F)
Thời gian cháy	: Không áp dụng.
Mức cháy	: Không áp dụng.
Mức độ bay hơi	: Chưa thử nghiệm
Khả năng cháy (chất rắn, khí)	: Không có sẵn.
Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên	: Thấp hơn: 4.3% Trên: 19%
Áp suất hơi	: Không có sẵn.
Mật độ hơi	: Không có sẵn.
Mật độ tương đối	: 1
Tính hòa tan	: Chưa thử nghiệm
Hệ số phân chia nước/Octanol	: Chưa thử nghiệm
Nhiệt độ tự bắt lửa	: Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	: Chưa thử nghiệm
SADT	: Không có sẵn.

Phần 10. Tính ổn định và độ phản ứng

Độ phản ứng	: Không có thông tin gì cụ thể có liên quan đến độ phản ứng có thể cho sản phẩm này.
Độ bền hóa học	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa). Đừng ép, cắt, nổi, đánh đồng, hàn, soi, nghiền hoặc phơi các đồ đựng ra chỗ nóng hoặc nguồn kích hỏa.
Các vật liệu không tương thích	: Phản ứng hay không tương thích với các chất sau: chất oxy hóa
Sản phẩm phân rã có mối nguy	: Sản phẩm phân hủy đặc biệt chưa được xác định.

Phần 11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Dữ liệu của các hợp chất riêng biệt cung cấp theo yêu cầu

Kích ứng/Án mòn

Dữ liệu của các hợp chất riêng biệt cung cấp theo yêu cầu

Nhạy cảm

Không có sẵn.

Phần 11. Thông tin về độc tính

Tính đột biến

Không có sẵn.

Tính gây ung thư

Không có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- | | |
|--------------------------|--|
| Tiếp xúc mắt | : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. |
| Hít phải | : Tiếp xúc với sản phẩm phân hủy có thể nguy hiểm cho sức khỏe. Hậu quả nghiêm trọng có thể đến trễ sau khi bị phơi nhiễm. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Gây kích ứng da nhẹ. |
| Nuốt phải | : Gây dị ứng cho miệng, họng và dạ dày. |

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- | | |
|--------------------------|---|
| Tiếp xúc mắt | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ |
| Hít phải | : Không có thông tin cụ thể gì. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ |
| Nuốt phải | : Không có thông tin cụ thể gì. |

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

- | | |
|---|-----------------|
| Các tác dụng tức thời có thể gặp | : Không có sẵn. |
| Các tác dụng chậm có thể gặp | : Không có sẵn. |

Phơi nhiễm lâu dài

- | | |
|---|-----------------|
| Các tác dụng tức thời có thể gặp | : Không có sẵn. |
| Các tác dụng chậm có thể gặp | : Không có sẵn. |

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Không có sẵn.

Phần 11. Thông tin về độc tính

Tổng quát	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính gây ung thư	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Tính đột biến	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Độc tính gây quái thai	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
Ảnh hưởng khả năng sinh sản	: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Phần 12. Thông tin sinh thái

Dữ liệu của các hợp chất riêng biệt cung cấp theo yêu cầu

Phần 13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các phương pháp thải bỏ : Vứt bỏ nội dung/thùng chứa phù hợp với các quy định địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

	UN	IMDG	IATA
số UN	Không có sẵn.	Not regulated.	Not regulated.
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển	Không có sẵn.	Not available.	Not available.
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	Không có sẵn.	Not available.	Not available.
Nhóm đóng gói	-	-	-
Mối nguy cho môi trường	Không.	No.	No.
Thông tin phụ	-	-	-

Các biện pháp phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL 73/78 và Mã Thùng Trung Chuyển Số Lượng Lớn (IBC) : Không có sẵn.

Phần 15. Thông tin quản lý

Danh sách quốc tế

- : **Bản kê của Úc (AICS)**: Không xác định.
- Bản kê của Trung Quốc (IECSC)**: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
- Bản kê của Nhật**: Không xác định.
- Bản kê của Hàn Quốc**: Không xác định.
- Danh mục của Malaysia (Đăng ký EHS)**: Không xác định.
- Danh mục Hóa chất của New Zealand (NZIoC)**: Không xác định.
- Bản Kê của Phi-lip-pin (PICCS)**: Không xác định.
- Danh mục của Đài Loan (CSNN)**: Không xác định.
- Bản kê của Canada**: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.
- Bản Kê của Hoa Kỳ (TSCA 8b) (Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc)**: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc được miễn trừ.

Phần 16. Thông tin khác

Lịch sử

- Ngày in** : 6/27/2014.
- Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh** : 6/27/2014.
- Ngày phát hành lần trước** : Trước đây chưa thẩm định.
- Phiên bản** : 1

Người đọc lưu ý

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này.

Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.



AN TOÀN SỬ DỤNG HÓA CHẤT

Theo tiêu chuẩn 1907/2006/EC, mục 31

Phiên bản: 1.0/01.2014

1. ĐỊNH DANH HÓA CHẤT/TIỀN CHẤT CỦA CÔNG TY CUNG CẤP / CAM KẾT

Product information

Tên thương mại	: DUHARD WOOD STAIN®
Mã sản phẩm	: BFC-215
Mô tả	: Màu bảo quản đồ gỗ ngoài trời.
Công ty	: Công ty TNHH Kỹ Nghệ Sơn Phủ Việt SAPA 558 Quang Trung, P11, Q. Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	: +84839941277
Fax	: +84839941279
Email	: kinhdoanh@vietsapa.vn
Liên lạc kỹ thuật	: Mr. Trương Tấn Phát
Mobile	:
Email	: phat-tt@vietsapa.vn

2. NHẬN DẠNG NGUY CƠ

Lời khuyên rủi ro cho con người và môi trường

Dễ cháy.

Dị ứng cho da.

Có thể gây tổn hại phổi nếu nuốt phải.

Hơi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

Có hại cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác động có hại lâu dài trong môi trường nước.

Hỗn hợp hơi của sản phẩm và không khí có thể gây nổ.

Tránh xa các nguồn phát lửa.

Các dấu hiệu và triệu chứng

Mất mẫn, dấu hiệu viêm da và các triệu chứng có thể bao gồm một cảm giác bỏng rát và / hoặc xuất hiện khô / nứt. Các dấu hiệu và triệu chứng khác của hệ thống thần kinh trung ương trầm cảm có thể bao gồm đau đầu, buồn nôn, và thiếu sự phối hợp. Các dấu hiệu và triệu chứng kích ứng hô hấp có thể bao gồm cảm giác nóng tạm thời của mũi và họng, ho, và / hoặc khó thở. Nếu hóa chất đi vào phổi, các dấu hiệu và triệu chứng có thể bao gồm ho, nghẹt thở, thở khò khè, khó thở, tắc nghẽn ngực, khó thở, và / hoặc sốt. Ảnh hưởng đến cơ quan thính giác có thể bao gồm mất thính lực tạm thời và / hoặc ù tai.

3. THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Bản chất hóa học

Hỗn hợp chất lỏng nhựa tổng hợp gốc dầu thực vật, nhựa thông biến tính, dung môi hữu cơ, bột màu vô cơ và các phụ gia....

Thành chất hóa chất trong màng film khô

CAS-No	EEC No.	Tên hóa chất	Symbol(s)	R-pharse(s)	Nồng độ [%]
-	-	Alkyd resin	-	-	35 - 45
9004-70-0	-	Cellulose, nitrate	-	-	30 - 40
62887-06-3	-	Thermoplastic solid, BMA/MMA copolymer	-	-	10 - 20
20344-49-4	-	Synthetic Iron Oxide (Yellow pigment)	-	-	1 – 10
1309-37-1	-	Synthetic Iron Oxide (Red pigment)	-	-	1 – 10
1317-61-9	-	Synthetic Iron Oxide (Black pigment)	-	-	1 – 10
2786-76-7	-	Naphthol AS pigment	-	-	1 – 5

Thành phần hóa chất (trong dung dịch lỏng, thành phẩm sử dụng tại Việt Nam)

CAS-No	EEC No.	Tên hóa chất	Symbol(s)	R-pharse(s)	Nồng độ [%]
-	-	Alkyd resin	-	-	7 - 15
9004-70-0	-	Cellulose, nitrate	-	-	5 – 10
62887-06-3	-	Thermoplastic solid, BMA/MMA copolymer	-	-	2 – 5
20344-49-4	-	Synthetic Iron Oxide (Yellow pigment)	-	-	1 – 3
1309-37-1	-	Synthetic Iron Oxide (Red pigment)	-	-	1 – 3
1317-61-9	-	Synthetic Iron Oxide (Black pigment)	-	-	1 – 3
2786-76-7	-	Naphthol AS pigment	-	-	1 – 3
123-86-4	-	Mixture of oxygenated solvents	Xn, N	R10; R65-67; R51/53	60 – 70

Lưu ý về thành phần hóa chất : hóa chất không nguy hại được đánh dấu ở cột Symbol và R-pharse bằng dấu (-).

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Nguyên tắc chung:

Sơ cứu đầu tiên là rất cần thiết nếu nuốt phải hóa chất, dính vào da hoặc dây vào mắt.

Di chuyển đối tượng cần sơ cứu đến khu vực thoáng khí.

Chăm sóc y tế nếu vẫn còn bất kỳ sự khó chịu.

Hít phải:

Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành cùng một lúc. Khi bất tỉnh, nói lỏng quần áo và đặt nằm ở vị trí cố định thoáng khí. Chăm sóc y tế nếu bất kỳ sự khó chịu vẫn tiếp tục.

Nuốt phải:

Không gây nôn. Chăm sóc y tế ngay lập tức. **KHÔNG ĐƯỢC LÀM NGƯỜI BỊ BẤT TỈNH NÔN ÓI HAY UỐNG BẤT KỲ CHẤT LỎNG NÀO.**

Da:

Kịp thời rửa da bị dính hóa chất bằng xà phòng hoặc chất tẩy nhẹ và nước. Nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị ngấm hóa chất và giặt rửa như trên.

Mắt:

Ngay lập tức rửa sạch bằng nước sạch trong vài phút.
Không bao giờ sử dụng dung môi.
Chăm sóc y tế nếu bất kỳ sự khó chịu vẫn tiếp tục.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**Phương tiện dập lửa:**

KHUYẾN NGHỊ: nước cao áp,; sương, bột hoặc bột CO₂.
KHÔNG phù hợp : nước máy.

Các thủ tục chữa cháy cụ thể:

Xử lý như là nguồn cháy xăng dầu..
Trong trường hợp cháy và / hoặc nổ, không hít khói.
Nước có thể không có hiệu quả, nhưng sử dụng để giữ cho lửa tiếp xúc với các container lạnh.
Để nước chảy ra khỏi hệ thống cống rãnh và các nguồn nước.

Nguy cơ chuyên biệt:

Hơi dung môi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí.

Sản phẩm cháy:

Cháy hoặc nhiệt độ cao tạo ra: khí độc / hơi / khói, Carbon monoxide (CO), Carbon dioxide (CO₂), Hydrocarbons.

Bảo hộ PCCC:

Người tham gia chữa cháy được yêu cầu mang mặt nạ phòng khói độc.

6. ACCIDENTAL RELEASE MEASURES**Cảnh báo cá nhân:**

Trang bị bảo hộ. Giữ người không được bảo vệ tránh xa khu vực hóa chất.

**Bảo vệ môi trường:**

Xả hóa chất trong hệ thống cống rãnh bị cấm.

Không để cho hóa chất rò rỉ vào môi trường.

Nếu hóa chất bị rò rỉ liên hệ cơ quan chức năng xử lý phù hợp theo qui định / luật.

Spill Cleanup Methods:

Nói chung Thông gió tốt. Lượng nước rửa không để chảy ra cống, đường thủy, hoặc mặt đất. Thông báo cho nhà chức trách nếu có liên quan đến số lượng lớn.

Hấp thụ Hấp thụ là cát, cát hay đất khô vào thùng chứa. Rửa sạch khu vực với nước.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Chú ý sử dụng :

Tránh đổ, da và tiếp xúc mắt. Thông gió tốt. Tránh xa các nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa.

Thông gió tốt, tránh hít hơi. Trong trường hợp thiếu thông gió, mang thiết bị thở thích hợp.

Chú ý về tồn trữ :

Hãy kho chứa khô mát, thông thoáng, và các thùng kín.

Giữ trong container ban đầu.

Tránh xa sức nóng, tia lửa và ngọn lửa.

Giữ riêng biệt từ thực phẩm thức ăn chăn nuôi, phân bón và vật liệu nhạy cảm khác.

Sử dụng những bao được làm bằng: Kim loại.

Không sử dụng các thùng chứa làm bằng: Nhựa.

Tiêu chí tồn trữ :

Bảo quản chất lỏng dễ cháy.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Thông gió:

Khu vực thông gió tốt

Mặt nạ phòng độc:

Sử dụng loại mặt nạ phòng độc thích hợp ở nồng độ cao. Có cartridge lọc khí.

Găng tay bảo vệ :

Sử dụng găng tay cao su PVA hoặc Viton (chống hóa chất).

Bảo vệ mắt :

Sử dụng kính bảo hộ lao động.

Lắp đặt trạm rửa mắt.

Vệ sinh lao động :

Xử lý phù hợp với vệ sinh công nghiệp tốt và thực hành an toàn.

9. THÔNG SỐ HÓA LÝ

Ngoại quan : chất lỏng độ nhớt thấp.

Màu : nâu.

Mùi : mùi mạnh.

Tỷ trọng : 840 – 1000 g/cm³

Độ nhớt (25 °C): 12 – 20 cP Brookfield DV-I

Điểm chớp cháy (°C) : 20 °C
Nhiệt độ tự cháy (°C) : > 200°C
Giới hạn dưới hỗn hợp khí cháy (%) : 0,70 vol.% (White Spirit)
Giới hạn trên hỗn hợp khí cháy (%) : 7,00 vol.% (White Spirit)

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

Độ Ổn định :

Ổn định trong điều kiện lưu trữ thông thường.

Điều kiện cần tránh :

Tránh nhiệt.

Tránh tiếp xúc với tác nhân acid, oxy hóa.

Tác nhân cần tránh :

Amines.

Chất oxy hóa mạnh.

Acid mạnh.

Kiểm mạnh.

Chất độc khí cháy :

Cháy hoặc nhiệt độ cao tạo ra: khí độc / hơi / khói, Carbon monoxide (CO), Carbon dioxide (CO₂), Hydrocarbons.

11. THÔNG TIN ĐỘC CHẤT

Nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe chung :

Tiếp xúc kéo dài và liên tục với các dung môi trong thời gian dài có thể dẫn đến vấn đề sức khỏe lâu dài.

Hít phải :

Hơi có thể gây buồn ngủ và chóng mặt.

Tiếp xúc da :

Tiếp xúc nhiều lần có thể gây khô và nứt da.

Tiếp xúc mắt :

Có thể gây dị ứng cho mắt.

Nuốt phải:

Chất lỏng gây kích thích niêm mạc và có thể gây đau bụng nếu nuốt phải.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Dữ liệu sinh thái :

Không thải ra cống hoặc môi trường; vứt bỏ đến điểm thu gom chất thải được ủy quyền.

Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác động có hại lâu dài trong môi trường nước.

Tính chất độc :

Cá : có hại: 10 < LC/EC/IC50 ≤ 100 mg/l

Thủy sản thân mềm : có hại: 10 < LC/EC/IC50 ≤ 100 mg/l

Rong : Toxic: $1 < LC/EC/IC50 \leq 10 \text{ mg/l}$
Vi sinh vật : kỳ vọng là có hại: $10 < LC/EC/IC50 \leq 100 \text{ mg/l}$
Tính linh động: nổi trên mặt nước.
Bền / khả năng phân hủy : Dễ phân hủy. Ôxi hóa nhanh bằng các phản ứng quang hóa trong không khí.
Nguy cơ tích lũy sinh học : Có tiềm năng tích tụ sinh học.

13. CÂN NHẮC KHI THẢI BỎ :

Phương pháp thải bỏ :

Đốt. Đốt trong buồng đốt phù hợp. Khi rắn lại, nhựa có thể được xử lý trên một bãi rác bình thường. Xem thêm mục 15.

Bao bì nhiễm hóa chất :

Bao bì được làm sạch có thể được tái chế.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Vận tải đường bộ: UN No. Road : 1866
 ADR Class : 3
 ADR Packaging group III
 Hazard NO. (ADR) 30 chất lỏng dễ cháy (flash point giữa 23°C và 61°C , bao gồm) hoặc chất lỏng dễ cháy hoặc chất rắn ở trạng thái nóng chảy có độ chớp cháy ở trên 61°C , đun nóng đến một nhiệt độ bằng hoặc cao hơn điểm flash của nó, hoặc tự làm nóng chất lỏng.
 ADR Label NO. 3
 Tên vận chuyển đúng : chất lỏng dễ cháy.

Giao thông vận tải biển: Biển Số UN: 1866
 IMDG Loại: 3
 IMDG Gói Gr. : III
 EmS số: F-E, S-E
 Chất gây ô nhiễm biển: P

Air Transport: Số UN: 1866
 CAO Loại: 3
 Air Gói Gr. : III
 Giao thông vận tải đường sắt: RID Lớp NO. : 3

15. THÔNG TIN LUẬT

Cụm từ nguy cơ :

R 10	Dễ cháy.
R36/37/38	Rất nhạy cảm với mắt, hệ hô hấp và da..
R37	Dị ứng cho hệ hô hấp.
R 51/53	Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác động có hại lâu dài trong môi trường nước.
R 66	Tiếp xúc nhiều lần có thể gây ra khô hay nứt da.
R 67	Hơi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

Cụm từ an toàn :

S 21	Khi sử dụng không hút thuốc
S 37	Mang găng tay thích hợp.

- | | |
|------|---|
| S 41 | Trong trường hợp cháy và / hoặc nổ không hít khói. |
| S 51 | Chỉ sử dụng ở khu vực thông gió tốt. |
| S 61 | Tránh thải ra môi trường. Hãy tham khảo hướng dẫn đặc biệt / dữ liệu an toàn. |

Biểu tượng: N Nguy hiểm cho môi trường.

16. THÔNG TIN KHÁC

Phù hợp với các yêu cầu của Chỉ thị 2001/58/EC, các văn bản đầy đủ của cụm từ nguy cơ (R) được đề cập trong chương 2 được đưa ra ở đây:

- R 10 Dễ cháy.
- R 11 Rất dễ cháy.
- R 20 Có hại khi hít phải.
- R 20/21 Có hại khi hít phải và tiếp xúc với da.
- R 38 Dị ứng cho da.
- R 51/53 Độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ảnh hưởng lâu dài bất lợi môi trường thủy sản.
- R 65 Có hại: có thể gây tổn hại phổi nếu nuốt phải.
- R 66 Tiếp xúc nhiều lần có thể gây ra khô hay nứt da.
- R 67 Hơi có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

Sử dụng và hạn chế: dầu màu bảo quản cho đồ gỗ ngoài trời.

Phân phối MSDS: Thông tin trong tài liệu này phải được cung cấp sẵn cho tất cả những người có thể sử dụng hóa chất.

Disclaimer: Thông tin này được dựa trên hiểu biết hiện tại của chúng tôi và được dự định để mô tả các sản phẩm cho các mục đích an toàn, sức khỏe và môi trường. Do đó nó không nên được hiểu như là sự bảo đảm về bất kỳ thuộc tính cụ thể của sản phẩm.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date): 16 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 3925

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK0300004997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 15/01/2024	kWh	55.700	-	114.585.000
	(kèm theo bảng kê số 1343117514 ngày 16 tháng 01 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					114.585.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			9.166.800
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			123.751.800
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi một nghìn tám trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 15/01/2024 09:21:10



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trị An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 51182

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2024 từ ngày 16/01/2024 đến ngày 31/01/2024	kWh	59,600	-	125.282,200
	(kèm theo bảng kê số 13/9022263 ngày 01 tháng 02 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					125.282,200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10.022,576
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			135.304,776
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm linh bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 01/02/2024 - 13:15:09



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date): 16 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 53320

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 15/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1353095413 ngày 16 tháng 02 năm 2024)	kWh	27.900	-	50.798.700
Cộng tiền hàng (Total amount):					50.798.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.063.896
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			54.862.596
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 15/02/2024 14:14:22



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trị An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 99876

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2024 từ ngày 16/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	39.100	-	80.479.300
	(kèm theo bảng kê số 1359425187 ngày 01 tháng 03 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					80.479.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			6.438.344
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			86.917.644
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi sáu triệu chín trăm mười bảy nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 01/03/2024 13:34:15



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 105596

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 10/03/2024	kWh	31.800	-	64.735.600
	(kèm theo bảng kê số 1363598110 ngày 11 tháng 03 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					64.735.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.178.848
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			69.914.448
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi chín triệu chín trăm mười bốn nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 11/03/2024 09:55:23



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trị An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 126213

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2024 từ ngày 11/03/2024 đến ngày 20/03/2024	kWh	31.700	-	65.280.700
	(kèm theo bảng kê số 136.5130673 ngày 21 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					65.280.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.222.456
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			70.503.156
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi triệu năm trăm linh ba nghìn một trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 21/03/2024 10:29:59



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 157868

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2024 từ ngày 21/03/2024 đến ngày 31/03/2024	kWh	28.900	-	58.362.200
	(kèm theo bảng kê số 1370909891 ngày 02 tháng 04 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					58.362.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.668.976
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			63.031.176
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi ba triệu không trăm ba mươi một nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 02/04/2024 08:5639



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 158117

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 10/04/2024	kWh	27.000	-	48.249.000
	(kèm theo bảng kê số 137/283827 ngày 11 tháng 04 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					48.249.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.859.920
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			52.108.920
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi hai triệu một trăm linh tám nghìn chín trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 11/04/2024 14:05:11



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 178786

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2024 từ ngày 11/04/2024 đến ngày 20/04/2024	kWh	20.500	-	40.698.700
	(kèm theo bảng kê số 137.5700.537 ngày 21 tháng 04 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					40.698.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.255.896
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			43.954.596
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 21/04/2024 - 20:19:11



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 209548

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2024 từ ngày 21/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	16.200	-	32.181.900
	(kèm theo bảng kê số 1381293640 ngày 01 tháng 05 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					32.181.900
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.574.552
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			34.756.452
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 01/05/2024 13:55:19



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trị An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date): 13 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 210742

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 10/05/2024	kWh	20.600	-	41.493.700
	(kèm theo hóa đơn số 138.517.1488 ngày 13 tháng 05 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					41.493.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.319.496
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			44.813.196
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi bốn triệu tám trăm mười ba nghìn một trăm chín mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI.
Ngày ký: 13/05/2024 08:39:15



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 234043

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No): 0121001670754 Tại Ngân hàng Thương mại Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2024 từ ngày 11/05/2024 đến ngày 20/05/2024	kWh	23.000	-	46.379.100
	(kèm theo bảng kê số 1386683909 ngày 21 tháng 05 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					46.379.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.710.328
Tỷ giá (Exchanged rate)		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			50.089.428
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi triệu không trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 262582

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602317678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No): 0121001670754 Tại Ngân hàng Thương mại Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2024 từ ngày 21/05/2024 đến ngày 31/05/2024	kWh	28.400	-	57.159.000
	(kèm theo bảng kê số 1392546486 ngày 01 tháng 06 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					57.159.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.572.720
Tỷ giá (Exchanged rate)		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			61.731.720
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi một triệu bảy trăm ba mươi một nghìn bảy trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 263539

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK0300004997

Số tài khoản (Account No): 0121001670754 Tại Ngân hàng Thương mại Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 10/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1395932377 ngày 11 tháng 06 năm 2024)	kWh	23.100	-	46.319.700
Tổng tiền hàng (Total amount):					46.319.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.705.576
Tỷ giá (Exchanged rate)		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			50.025.276
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi triệu không trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trị An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 284153

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602317678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK0300004997

Số tài khoản (Account No): 0121001670754 Tại Ngân hàng Thương mại Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2024 từ ngày 11/06/2024 đến ngày 20/06/2024	kWh	25.900	-	51.847.300
	(kèm theo bảng kê số 1397291-43 ngày 21 tháng 06 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					51.847.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			4.147.784
Tỷ giá (Exchanged rate)		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			55.995.084
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi lăm triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn không trăm tám mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trị An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 313216

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.F.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK0300004997

Số tài khoản (Account No): 0121001670754 Tại Ngân hàng Thương mại Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 6 năm 2024 từ ngày 21/06/2024 đến ngày 30/06/2024	kWh	21.500	-	43.222.100
	(kèm theo bảng kê số 1403425447 ngày 02 tháng 6 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					43.222.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.457.768
Tỷ giá (Exchanged rate)		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			46.679.868
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trĩ An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 316053

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.F.C

Mã số thuế (Tax code): 3602347678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK03000044997

Số tài khoản (Account No): 0121001670754 Tại Ngân hàng Thương mại Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 10/07/2024	kWh	32.300	-	67.797.700
	(kèm theo bảng kê số 1406656748 ngày 11 tháng 07 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					67.797.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.423.816
Tỷ giá (Exchanged rate)		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			73.221.516
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi ba triệu hai trăm hai mươi một nghìn năm trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Duyệt ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
Ngày ký: 11/07/2024 15:00:57



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 3600432744

Địa chỉ (Address): 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Trại An - Số TK: 5904201000291 - Tại NH: Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TUC

Số (No): 331830

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công Ty TNHH Bình B.L.C

Mã số thuế (Tax code): 3602317678

Địa chỉ (Address): Cụm công nghiệp Thạch Phú - Thiện Tân, Xã Thạch Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PK0300004997

Số tài khoản (Account No): 0121001670754 Tại Ngân hàng Thương mại Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2024 từ ngày 11/07/2024 đến ngày 20/07/2024	kWh	35.500	-	74.102.200
	(kèm theo bảng kê số 1407875772 ngày 21 tháng 07 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					74.102.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.928.176
Tỷ giá (Exchanged rate)		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			80.030.376
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi triệu không trăm ba mươi nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ KHAI THÁC NƯỚC

THÁNG 01 NĂM 2024

Ngày/tháng	Chỉ số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
01/01/24	882	15	W
02/01/24	897	19	W
03/01/24	916	20	W
04/01/24	936	20	W
05/01/24	956	19	W
06/01/24	975	20	W
07/01/24	995	16	W
08/01/24	1011	18	W
09/01/24	1029	20	W
10/01/24	1049	20	W
11/01/24	1069	20	W
12/01/24	1089	19	W
13/01/24	1108	19	W
14/01/24	1127	15	W
15/01/24	1142	19	W
16/01/24	1161	19	W
17/01/24	1180	20	W
18/01/24	1200	20	W
19/01/24	1220	19	W
20/01/24	1239	19	W
21/01/24	1258	16	W
22/01/24	1274	19	W
23/01/24	1293	20	W
24/01/24	1313	20	W
25/01/24	1333	19	W
26/01/24	1352	20	W
27/01/24	1372	19	W
28/01/24	1391	15	W
29/01/24	1406	20	W
30/01/24	1426	20	W
31/01/24	1446	19	W

Tổng cộng (M3):

583

Lưu lượng sử dụng trung bình (M3):

19

Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (M3):

15

Lưu lượng lớn nhất sử dụng (M3):

20

SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ KHAI THÁC NƯỚC

THÁNG 2... NĂM 2024

Ngày/tháng	Chỉ số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
01.1.2...1.24...	1465	20	W
02.1.2...1.24...	1485	20	W
03.1.2...1.24...	1505	19	W
04.1.2...1.24...	1524	16	W
05.1.2...1.24...	1540	20	W
06.1.2...1.24...	1560	20	W
07.1.2...1.24...	1580	19	W
08.1.2...1.24...	1599	15	W
09.1.2...1.24...	1614	16	W
10.1.2...1.24...	1630	14	W
11.1.2...1.24...	1644	15	W
12.1.2...1.24...	1659	15	W
13.1.2...1.24...	1674	14	W
14.1.2...1.24...	1688	14	W
15.1.2...1.24...	1702	15	W
16.1.2...1.24...	1717	15	W
17.1.2...1.24...	1732	17	W
18.1.2...1.24...	1749	20	W
19.1.2...1.24...	1769	20	W
20.1.2...1.24...	1789	19	W
21.1.2...1.24...	1808	20	W
22.1.2...1.24...	1828	20	W
23.1.2...1.24...	1848	20	W
24.1.2...1.24...	1868	19	W
25.1.2...1.24...	1887	16	W
26.1.2...1.24...	1903	20	W
27.1.2...1.24...	1923	20	W
28.1.2...1.24...	1943	19	W
29.1.2...1.24...	1962	20	W
30.1.....1.24...			
31.1.....1.24...			

Tổng cộng (M3):

517

Lưu lượng sử dụng trung bình (M3):

19

Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (M3):

14

Lưu lượng lớn nhất sử dụng (M3):

20

SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ KHAI THÁC NƯỚC

THÁNG 3 NĂM 2024

Ngày/tháng	Chỉ số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
01/3/24	1982	20	W
02/3/24	2002	19	W
03/3/24	2021	15	W
04/3/24	2036	19	W
05/3/24	2055	20	W
06/3/24	2075	20	W
07/3/24	2095	20	W
08/3/24	2115	19	W
09/3/24	2134	20	W
10/3/24	2154	15	W
11/3/24	2169	20	W
12/3/24	2189	20	W
13/3/24	2209	20	W
14/3/24	2229	19	W
15/3/24	2248	19	W
16/3/24	2267	20	W
17/3/24	2287	16	W
18/3/24	2303	20	W
19/3/24	2323	20	W
20/3/24	2343	19	W
21/3/24	2362	20	W
22/3/24	2382	19	W
23/3/24	2401	20	W
24/3/24	2421	15	W
25/3/24	2436	19	W
26/3/24	2455	19	W
27/3/24	2474	20	W
28/3/24	2494	20	W
29/3/24	2514	20	W
30/3/24	2534	19	W
31/3/24	2553	15	W

Tổng cộng (M3):	586
Lưu lượng sử dụng trung bình (M3):	19
Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (M3):	15
Lưu lượng lớn nhất sử dụng (M3):	20

SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ KHAI THÁC NƯỚC

THÁNG 4. NĂM 2024

Ngày/tháng	Chỉ số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
01/4/24	2568	20	15
02/4/24	2588	19	15
03/4/24	2607	20	15
04/4/24	2627	20	15
05/4/24	2647	20	15
06/4/24	2667	15	15
07/4/24	2682	19	15
08/4/24	2701	19	15
09/4/24	2720	20	15
10/4/24	2740	20	15
11/4/24	2760	20	15
12/4/24	2780	19	15
13/4/24	2799	15	15
14/4/24	2814	19	15
15/4/24	2833	19	15
16/4/24	2852	20	15
17/4/24	2872	20	15
18/4/24	2892	20	15
19/4/24	2912	19	15
20/4/24	2931	16	15
21/4/24	2947	20	15
22/4/24	2967	19	15
23/4/24	2986	19	15
24/4/24	3005	20	15
25/4/24	3025	20	15
26/4/24	3045	20	15
27/4/24	3065	15	15
28/4/24	3080	19	15
29/4/24	3099	20	15
30/4/24	3119	20	15
31/4/24			

Tổng cộng (M3):	571
Lưu lượng sử dụng trung bình (M3):	19
Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (M3):	15
Lưu lượng lớn nhất sử dụng (M3):	20

SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ KHAI THÁC NƯỚC

THÁNG 05 NĂM 2024

Ngày/tháng	Chỉ số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
01/05/24	3139	14	W
02/05/24	3153	15	W
03/05/24	3168	20	W
04/05/24	3188	20	W
05/05/24	3208	14	W
06/05/24	3222	15	W
07/05/24	3241	20	W
08/05/24	3261	19	W
09/05/24	3280	19	W
10/05/24	3299	19	W
11/05/24	3318	20	W
12/05/24	3338	15	W
13/05/24	3355	19	W
14/05/24	3372	20	W
15/05/24	3392	20	W
16/05/24	3412	19	W
17/05/24	3431	19	W
18/05/24	3450	20	W
19/05/24	3470	15	W
20/05/24	3485	19	W
21/05/24	3504	20	W
22/05/24	3524	20	W
23/05/24	3544	19	W
24/05/24	3563	19	W
25/05/24	3582	15	W
26/05/24	3597	20	W
27/05/24	3617	20	W
28/05/24	3637	19	W
29/05/24	3656	20	W
30/05/24	3676	19	W
31/05/24	3695	19	W

Tổng cộng (M3):	575
Lưu lượng sử dụng trung bình (M3):	19
Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (M3):	14
Lưu lượng lớn nhất sử dụng (M3):	20

SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ KHAI THÁC NƯỚC

THÁNG 6. NĂM 2024

Ngày/tháng	Chi số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
01/6/24	3714	16	15
02/6/24	3730	15	10
03/6/24	3745	20	15
04/6/24	3765	20	15
05/6/24	3785	19	15
06/6/24	3804	19	15
07/6/24	3823	20	15
08/6/24	3843	20	15
09/6/24	3863	15	15
10/6/24	3878	20	15
11/6/24	3898	19	15
12/6/24	3917	19	15
13/6/24	3936	20	15
14/6/24	3956	20	15
15/6/24	3976	20	15
16/6/24	3996	15	15
17/6/24	4011	19	15
18/6/24	4030	19	15
19/6/24	4049	20	15
20/6/24	4069	20	15
21/6/24	4089	20	15
22/6/24	4109	19	15
23/6/24	4128	20	15
24/6/24	4148	19	15
25/6/24	4167	19	15
26/6/24	4186	19	15
27/6/24	4205	20	15
28/6/24	4225	20	15
29/6/24	4245	20	15
30/6/24	4265	15	15
31/6/24			

Tổng cộng (M3):	566
Lưu lượng sử dụng trung bình (M3):	19
Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (M3):	15
Lưu lượng lớn nhất sử dụng (M3):	20

SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ KHAI THÁC NƯỚC

THÁNG 7... NĂM 2024

Ngày/tháng	Chỉ số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
01.7.24	4280	20	W
02.7.24	4300	19	W
03.7.24	4319	20	W
04.7.24	4339	20	W
05.7.24	4359	20	W
06.7.24	4379	19	W
07.7.24	4398	15	W
08.7.24	4413	19	W
09.7.24	4432	19	W
10.7.24	4451	20	W
11.7.24	4471	20	W
12.7.24	4491	20	W
13.7.24	4511	19	W
14.7.24	4530	15	W
15.7.24	4545	19	W
16.7.24	4564	20	W
17.7.24	4584	20	W
18.7.24	4604	20	W
19.7.24	4624	20	W
20.7.24	4644	19	W
21.7.24	4663	15	W
22.7.24	4678	20	W
23.7.24	4698	20	W
24.7.24	4718	19	W
25.7.24	4737	20	W
26.7.24	4757	20	W
27.7.24	4777	19	W
28.7.24	4796	15	W
29.7.24	4811	19	W
30.7.24	4830	20	W
31.7.24	4850	20	W

Tổng cộng (M3):	580
Lưu lượng sử dụng trung bình (M3):	19
Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (M3):	15
Lưu lượng lớn nhất sử dụng (M3):	20

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS**292**

Mã số/ Ref. No: 01677/2023/PKQ (23.1617)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C - CCN Thạnh Phú-Thiện Tân, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations
23.1617.NT.01	Sau HTXL nước thải

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 27/03/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 03/04/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 40:2011/BTNMT
				23.1617.NT.01	C_{max}⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,91	-
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	26,8	132
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	52,8	198
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	28	66
5	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	<10	52,8
6	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,1	7,92
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,4x10 ³	5.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
- "-" Không quy định
3. (1) Cột B, K_a = 1,2 và K_f = 1,1

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2023

GIAM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

**VIMCERTS
292**

Mã số/ Ref. No: 04412/2023/PKQ (23.3457)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C - CCN Thạnh Phú-Thiện Tân, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.3457.NT.01	Sau HTXL nước thải	X=402205, Y=1217078

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 13/06/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 21/06/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 40:2011/BTNMT
				23.3457.NT.01	C _{max} ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,88	6 ÷ 9
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	28	72
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	26	108
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8	43,2
5	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	<10	28,8
6	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,26	5,76
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	790	3.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.

3. (1): Cột A, K_a = 1,2 và K_f = 1,2**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Director

**ĐOÀN THỊ THỦY**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 04413/2023/PKQ (23.3457)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C - CCN Thạnh Phú-Thiện Tân, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Loại mẫu/ Type of sample: Nước dưới đất
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.3457.NDD.01	NDD: Giếng khoan	X=402200, Y=1217065

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 13/06/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 21/06/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 09- MT:2015/BTNMT
				23.3457.NDD.01	Giá trị giới hạn
1	Clo dư ^(d)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	0,08	-
2	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,7	5,5 ÷ 8,5
3	Độ đục ^(a,b)	NTU	SMEWW 2130B:2017	2,3	-
4	Độ cứng tổng số ^(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996	30	500
5	NH ₄ ⁺ (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,25	1
6	NO ₂ ⁻ (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017	0,026	1
7	NO ₃ ⁻ (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6180:1996	4,4	15
8	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	5
9	Coliform ^(a,b)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	3
10	Chỉ số Pecmanganat ^(a,b)	mg/L	TCVN 6186:1996	<0,6	4
11	Pb ^(c)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0007)	0,01

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
4. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamSATmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Mã số/ Ref. No: 04411/2023/PKQ (23.3457)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C - CCN Thạnh Phú-Thiện Tân, Xã Thiên Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
3. Loại mẫu/ Type of sample: Không khí xung quanh
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.3457.K.01	Khu vực cổng	X=402141, Y=1216945

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 13/06/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 21/06/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN Không khí xung quanh
				23.3457.K.01	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,8	-
2	Độ ẩm ^(a)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	54,4	-
3	Tốc độ gió ^(a)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,2	-
4	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	56,3	70 ⁽¹⁾
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	130	300 ⁽²⁾
6	NO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	67	200 ⁽²⁾
7	SO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	62	350 ⁽²⁾
8	CO ^(a)	µg/m ³	SOP-H16	< 9.000	30.000 ⁽²⁾
9	Ánh sáng ^(d)	Lux	TCVN 5176:1990	ASTN	-

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (d): Thông số tự thực hiện, không được quy định theo các văn bản QPPL hiện hành của BTNMT ban hành trong lĩnh vực quan trắc.
3. (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
4. (2): QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Director



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test report: are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: giamساتmoitruong.com.vn

Mã số/ Ref. No: 01156.KLV/2023/PKQ (23.3457)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C - CCN Thạnh Phú-Thiện Tân,
Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Không khí môi trường làm việc**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.3457.KLV.01	Xưởng gỗ	X=402245, Y=1217093
23.3457.KLV.02	Xưởng nhôm	X=402261, Y=1216964
23.3457.KLV.03	Xưởng khung	X=402266, Y=1217031
23.3457.KLV.04	Kho đóng gói	X=402232, Y=1217030
23.3457.KLV.05	Xưởng đan	X=402194, Y=1217020

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 13/06/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 21/06/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN Không khí KVLV
				23.3457. KLV.01	23.3457. KLV.02	23.3457. KLV.03	STEL
1	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT	1,35	0,43	0,36	8 ⁽¹⁾
2	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,072	0,07	0,075	10 ⁽²⁾
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,066	0,075	0,078	10 ⁽²⁾
4	CO	mg/m ³	SOP-H16	<9	<9	<9	40 ⁽²⁾
5	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	31,9	31,8	31,7	18 ÷ 32 ⁽³⁾
6	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	50,4	55,2	56,1	40 ÷ 80 ⁽³⁾
7	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,6	0,6	0,4	0,2 ÷ 1,5 ⁽³⁾

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamsatmoitruong.com.vn

8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	70,5	77,4	59,7	85 ⁽⁴⁾
9	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	305	301	355	300 ⁽⁵⁾

• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN Không khí KVLV
				23.3457. KLV.04	23.3457. KLV.05	STEL
1	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,32	0,39	8 ⁽¹⁾
2	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,072	0,078	10 ⁽²⁾
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,081	0,085	10 ⁽²⁾
4	CO	mg/m ³	SOP-H16	<9	<9	40 ⁽²⁾
5	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	31,9	31,7	18 + 32 ⁽³⁾
6	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	53,8	57,3	40 + 80 ⁽³⁾
7	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,4	0,5	0,2 + 1,5 ⁽³⁾
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,1	63,5	85 ⁽⁴⁾
9	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	378	329	300 ⁽⁵⁾

Chú thích/ Remarks:

- (1): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
- (2): QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- (3): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (4): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- (5): QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 06 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Mã số/ Ref. No: 06776/2023/PKQ (23.5911)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C - CCN Thạnh Phú-Thiện Tân, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.5911.NT.01	Sau HTXL nước thải	X=402205, Y=1217078

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 14/09/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 21/09/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 40:2011/BTNMT
				23.5911.NT.01	C _{max} ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,92	5,5 ÷ 9
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	28,4	132
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	56	198
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	27,6	66
5	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	<10	52,8
6	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,8	7,92
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	940	5.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. (1): Cột B, K_a = 1,2 và K_f = 1,1

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 09 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Director

**ĐOÀN THỊ THỦY**

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Mã số/ Ref. No: 09744/2023/PKQ (23.8638)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C - CCN Thạnh Phú-Thiện Tân, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.8638.NT.01	Sau HTXL nước thải	X=402205, Y=1217078

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 07/12/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 15/12/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 40:2011/BTNMT
				23.8638.NT.01	C _{max} ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,18	6 ÷ 9
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	25	72
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	19,2	108
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6,2	43,2
5	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	19,1	28,8
6	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,2	5,76
7	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (MDL=2)	3.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
4. (1): Cột A, K_a = 1,2 và K_f = 1,2

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Director

**ĐOÀN THỊ THỦY**

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Mã số/ Ref. No: 09745/2023/PKQ (23.8638)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C - CCN Thạnh Phú-Thiện Tân, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước dưới đất**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.8638.NDD.01	NDD: Giếng khoan	X=402200, Y=1217065

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 07/12/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 15/12/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 09:2023/BTNMT
				23.8638.NDD.01	Giá trị giới hạn ⁽¹⁾
1	Clo dư ^(d)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	<0,03	-
2	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,91	5,8 ÷ 8,5
3	Độ đục ^(a,b)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0,77	-
4	Độ cứng tổng số ^(a,b)	mg/L	TCVN 6224:1996	9,6	500
5	NH ₄ ⁺ (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,21	1
6	NO ₂ ⁻ (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017	0,015	1
7	NO ₃ ⁻ (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,18	15
8	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,02)	5
9	Coliform ^(a,b)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (MDL=1)	3
10	Chỉ số Pecmanganat ^(a,b)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,7	4
11	Pb ^(c)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0007)	0,01

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
- "-": Không quy định
4. (1): QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Mã số/ Ref. No: 09743/2023/PKQ (23.8638)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C - CCN Thạnh Phú-Thiện Tân, Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Loại mẫu/ Type of sample: Không khí xung quanh
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.8638.K.01	Khu vực cổng	X=402141, Y=1216945

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 07/12/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 15/12/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN không khí xung quanh
				23.8638.K.01	Trung bình 1 giờ ⁽¹⁾
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,6	-
2	Độ ẩm ^(a)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	62,6	-
3	Tốc độ gió ^(a)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,2	-
4	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,2	70 ⁽²⁾
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	118	300 ⁽³⁾
6	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	83	200 ⁽³⁾
7	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	80	350 ⁽³⁾
8	CO ^(a)	µg/Nm ³	SOP-H16	< 9.000	30.000 ⁽³⁾
9	Ánh sáng ^(d)	Lux	TCVN 5176:1990	ASTN	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (d): Thông số tự thực hiện, không được quy định theo các văn bản QPPL hiện hành của BTNMT ban hành trong lĩnh vực quan trắc.
3. (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
4. (2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).
5. (3): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY



**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamساتmoitruong.com.vn

Mã số/ Ref. No: 02279.KLV/2023/PKQ (23.8638)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH BÌNH B.F.C - CCN Thạnh Phú-Thiện Tân,
Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Không khí môi trường làm việc**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:



Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.8638.KLV.01	Xưởng gỗ	X=402245, Y=1217093
23.8638.KLV.02	Xưởng nhôm	X=402261, Y=1216964
23.8638.KLV.03	Xưởng khung	X=402266, Y=1217031
23.8638.KLV.04	Kho đóng gói	X=402232, Y=1217030
23.8638.KLV.05	Xưởng đan	X=402194, Y=1217020

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 07/12/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 15/12/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN Không khí KVLV
				23.8638. KLV.01	23.8638. KLV.02	23.8638. KLV.03	STEL
1	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/BYT	0,88	0,37	0,049	8 ⁽¹⁾
2	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,09	0,066	0,092	10 ⁽²⁾
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,082	0,072	0,077	10 ⁽²⁾
4	CO	mg/m ³	SOP-H16	< 9	< 9	< 9	40 ⁽²⁾
5	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	31,5	31,7	31,2	18 ÷ 32 ⁽³⁾
6	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	62,5	66,7	64,8	40 ÷ 80 ⁽³⁾
7	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,8	0,6	0,8	0,2 ÷ 1,5 ⁽³⁾
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	80,4	81,8	70,9	85 ⁽⁴⁾
9	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	306	372	397	300 ⁽⁵⁾

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamساتmoitruong.com.vn

• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN Không khí KVLV STEL
				23.8638. KLV.04	23.8638. KLV.05	
1	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,22	0,052	8 ⁽¹⁾
2	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,084	0,084	10 ⁽²⁾
3	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,065	0,063	10 ⁽²⁾
4	CO	mg/m ³	SOP-H16	< 9	< 9	40 ⁽²⁾
5	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	30,9	31,4	18 + 32 ⁽³⁾
6	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	63,9	64,1	40 + 80 ⁽³⁾
7	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,4	0,8	0,2 + 1,5 ⁽³⁾
8	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	70,1	69,8	85 ⁽⁴⁾
9	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	392	368	300 ⁽⁵⁾

Chú thích/ Remarks:

- (1): QCVN 02: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
- (2): QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- (3): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (4): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- (5): QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY

**SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ
TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THÁNG .../... NĂM 202...**

Ngày tháng	Chỉ số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
1.1.1..2024..	4444	6	✓
2.1.1..2024..	4450	6	✓
3.1.1..2024..	4456	5	✓
4.1.1..2024..	4461	7	✓
5.1.1..2024..	4468	6	✓
6.1.1..2024..	4474	6	✓
7.1.1..2024..	4480	6	✓
8.1.1..2024..	4486	7	✓
9.1.1..2024..	4493	6	✓
10.1.1..2024..	4499	6	✓
11.1.1..2024..	4505	6	✓
12.1.1..2024..	4511	5	✓
13.1.1..2024..	4516	6	✓
14.1.1..2024..	4522	6	✓
15.1.1..2024..	4528	7	✓
16.1.1..2024..	4535	6	✓
17.1.1..2024..	4541	6	✓
18.1.1..2024..	4547	5	✓
19.1.1..2024..	4552	6	✓
20.1.1..2024..	4558	6	✓
21.1.1..2024..	4564	6	✓
22.1.1..2024..	4570	7	✓
23.1.1..2024..	4577	5	✓
24.1.1..2024..	4582	6	✓
25.1.1..2024..	4588	6	✓
26.1.1..2024..	4594	6	✓
27.1.1..2024..	4600	7	✓
28.1.1..2024..	4607	5	✓
29.1.1..2024..	4612	6	✓
30.1.1..2024..	4618	6	✓
31.1.1..2024..	4624	7	✓

Tổng cộng (m3):	127
Lưu lượng trung bình sử dụng (m3):	6
Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (m3):	5
Lưu lượng lớn nhất sử dụng (m3):	7

**SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ
TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THÁNG ...2... NĂM 2024.**

Ngày tháng	Chỉ số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
1.1.2.2024..	4631	6	h
2.1.2.2024.	4637	6	h
3.1.2.2024.	4643	7	h
4.1.2.2024.	4650	6	h
5.1.2.2024.	4656	6	h
6.1.2.2024.	4662	6	h
7.1.2.2024.	4668	5	h
8.1.2.2024.	4673	7	h
9.1.2.2024.	4680	6	h
10.1.2.2024.	4686	6	h
11.1.2.2024.	4692	6	h
12.1.2.2024.	4698	7	h
13.1.2.2024.	4705	6	h
14.1.2.2024.	4711	6	h
15.1.2.2024.	4717	6	h
16.1.2.2024.	4723	5	h
17.1.2.2024.	4728	7	h
18.1.2.2024.	4735	6	h
19.1.2.2024.	4741	6	h
20.1.2.2024.	4747	7	h
21.1.2.2024.	4754	6	h
22.1.2.2024.	4760	6	h
23.1.2.2024.	4766	6	h
24.1.2.2024.	4772	7	h
25.1.2.2024.	4779	5	h
26.1.2.2024.	4784	6	h
27.1.2.2024.	4790	6	h
28.1.2.2024.	4796	6	h
29.1.2.2024.	4802	5	h
.../.../2024.			
.../.../2024.			

Tổng cộng (m3):	176
Lưu lượng trung bình sử dụng (m3):	6
Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (m3):	5
Lưu lượng lớn nhất sử dụng (m3):	7

**SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ
TÀI SỬ DỤNG NƯỚC THÁNG ...3. NĂM 2024.**

Ngày tháng	Chỉ số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
1.1.3.2024.	41807	6	N
2.1.3.2024.	4813	6	N
3.1.3.2024.	4819	6	N
4.1.3.2024.	4825	5	N
5.1.3.2024.	4830	7	N
6.1.3.2024.	4837	6	N
7.1.3.2024.	4843	6	N
8.1.3.2024.	4849	6	N
9.1.3.2024.	4855	7	N
10.1.3.2024.	4862	6	N
11.1.3.2024.	4868	5	N
12.1.3.2024.	4873	7	N
13.1.3.2024.	4880	6	N
14.1.3.2024.	4886	6	N
15.1.3.2024.	4892	6	N
16.1.3.2024.	4898	5	N
17.1.3.2024.	4903	6	N
18.1.3.2024.	4909	7	N
19.1.3.2024.	4916	6	N
20.1.3.2024.	4922	6	N
21.1.3.2024.	4928	6	N
22.1.3.2024.	4934	6	N
23.1.3.2024.	4940	5	N
24.1.3.2024.	4945	7	N
25.1.3.2024.	4952	6	N
26.1.3.2024.	4958	6	N
27.1.3.2024.	4964	6	N
28.1.3.2024.	4970	5	N
29.1.3.2024.	4975	6	N
30.1.3.2024.	4981	6	N
31.1.3.2024.	4987	6	N

Tổng cộng (m3):	186
Lưu lượng trung bình sử dụng (m3):	6
Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (m3):	5
Lưu lượng lớn nhất sử dụng (m3):	7

**SỔ THEO DÕI ĐỒNG HỒ
TÀI SỬ DỤNG NƯỚC THÁNG .../... NĂM 2024.**

Ngày tháng	Chỉ số đồng hồ (M3)	Lưu lượng sử dụng (M3)	Người theo dõi
1./.../2024	4993	7	...
2./.../2024	5000	6	...
3./.../2024	5006	6	...
4./.../2024	5012	5	...
5./.../2024	5017	7	...
6./.../2024	5024	6	...
7./.../2024	5030	6	...
8./.../2024	5036	6	...
9./.../2024	5042	7	...
10./.../2024	5049	6	...
11./.../2024	5055	6	...
12./.../2024	5061	6	...
13./.../2024	5067	5	...
14./.../2024	5072	6	...
15./.../2024	5078	6	...
16./.../2024	5084	7	...
17./.../2024	5091	6	...
18./.../2024	5097	5	...
19./.../2024	5102	6	...
20./.../2024	5108	6	...
21./.../2024	5114	6	...
22./.../2024	5120	7	...
23./.../2024	5127	6	...
24./.../2024	5133	6	...
25./.../2024	5139	6	...
26./.../2024	5145	5	...
27./.../2024	5150	6	...
28./.../2024	5156	6	...
29./.../2024	5162	7	...
30./.../2024	5169	5	...
.../.../2024			

Tổng cộng (m3):	181
Lưu lượng trung bình sử dụng (m3):	6
Lưu lượng nhỏ nhất sử dụng (m3):	5
Lưu lượng lớn nhất sử dụng (m3):	7

1:1/500

CTY TNHH
BINH BFC



1:1/500
1/500



CÔNG TY TNHH
VIỆT NGỌC AN

THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN

THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN

THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN

THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN

THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN

THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN

THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN

THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN

THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN

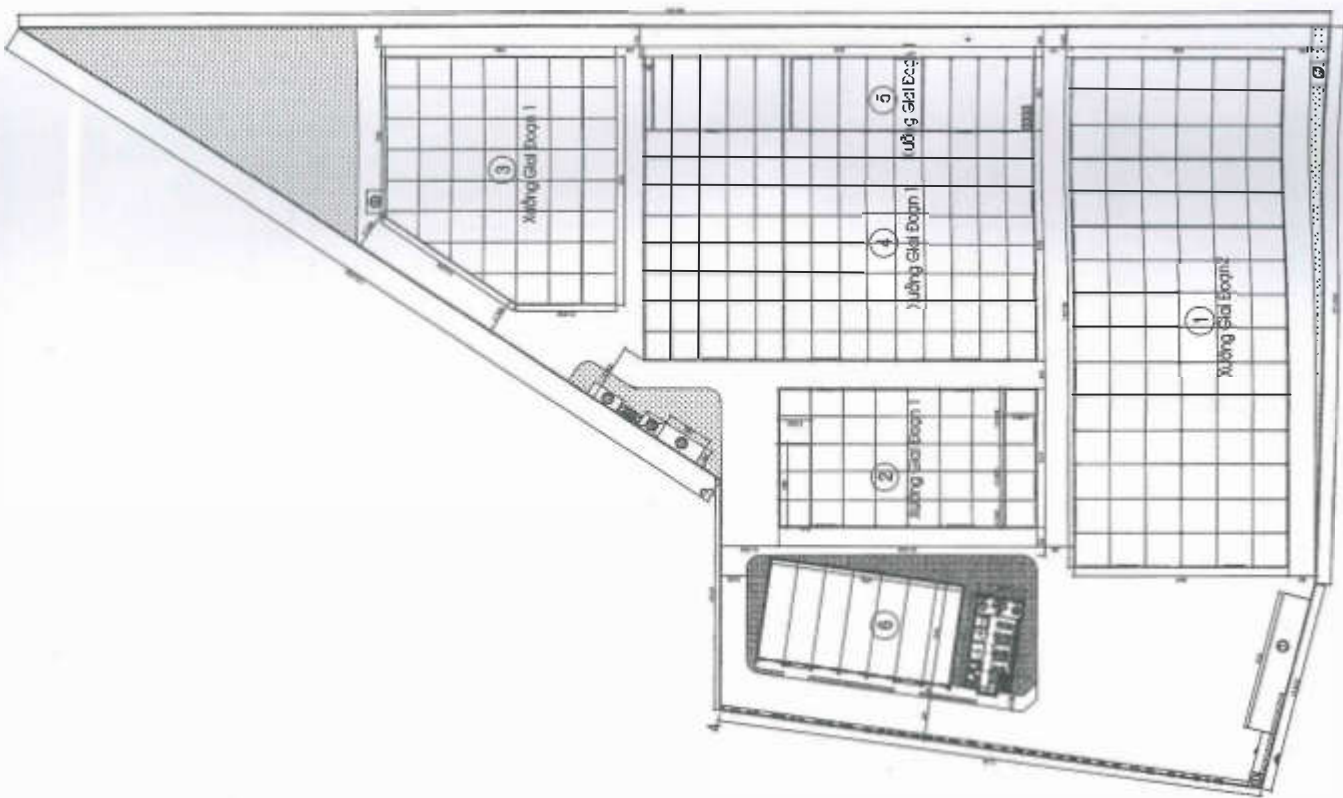
THỜI GIAN
THỰC HIỆN
THỜI GIAN
THỰC HIỆN

THỐNG KÊ HẠNG MỤC

STT	HẠNG MỤC	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
1	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
2	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
3	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
4	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
5	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
6	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
7	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
8	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
9	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
10	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
11	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
12	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
13	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
14	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
15	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
16	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
17	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
18	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
19	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
20	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ



THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ
THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ	THÀNH QUẢ



MẶT BẰNG TỔNG THỂ TRÉT 1:1/500